

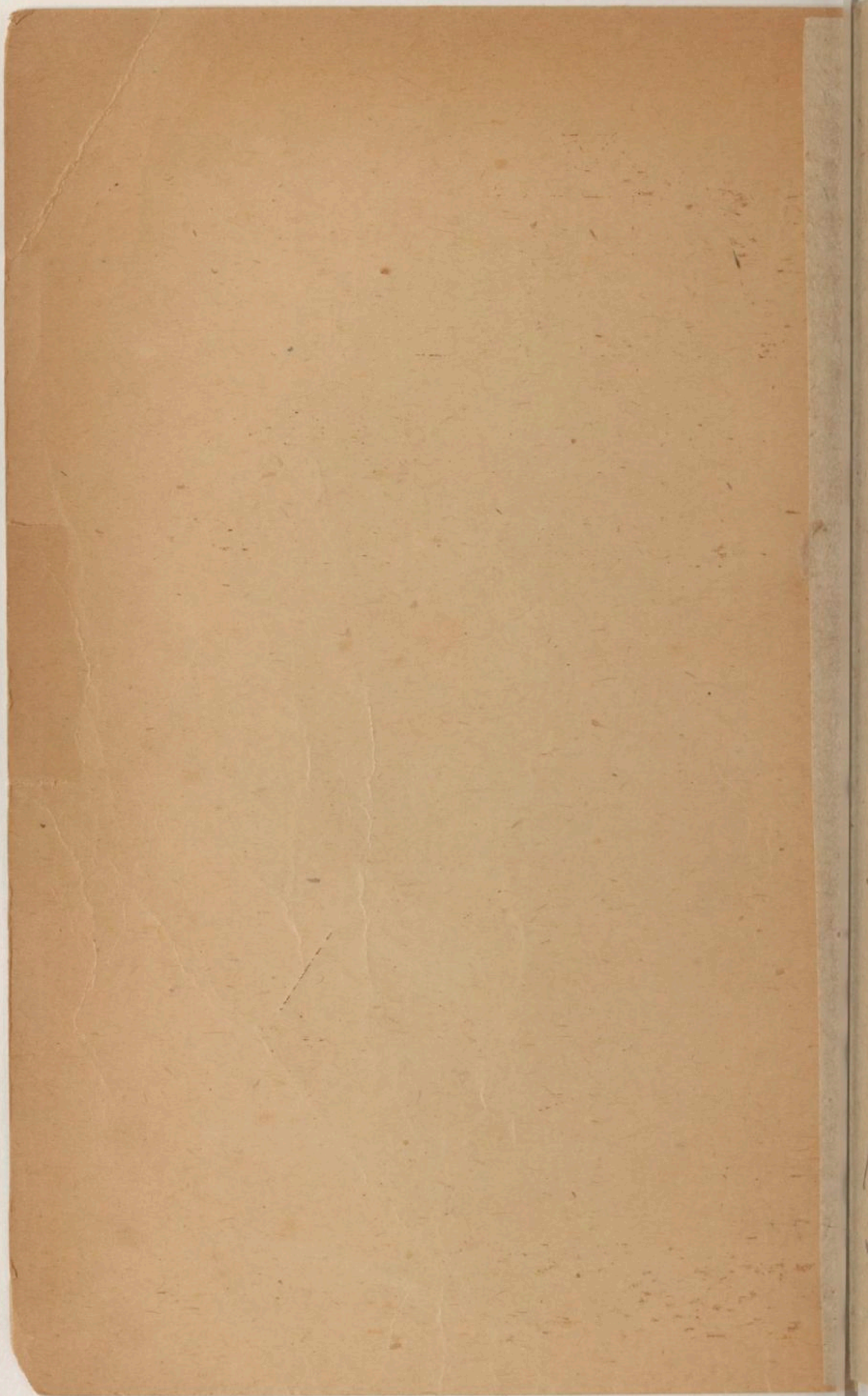
VIỆT BÁO

TAM LANG.PH.CAO CỬNG
HOÀNG CỬ.PH.BẢO THẠCH



80
Indoch.
3024

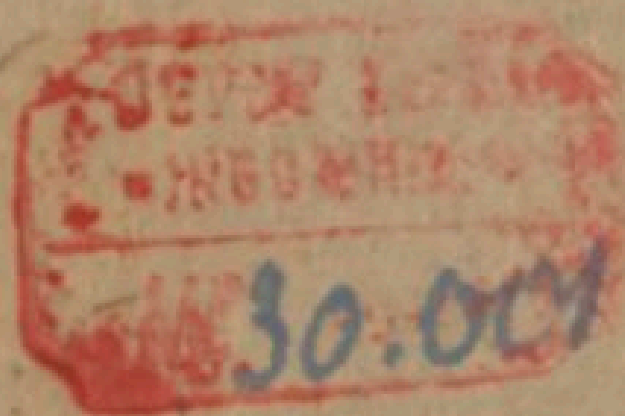
NGAY MAI



Indochine
3024

Permis d'imprimer N° 355 en date du 21-9-1944
délivré par le Service local de l'I.P.P. au Tonkin.



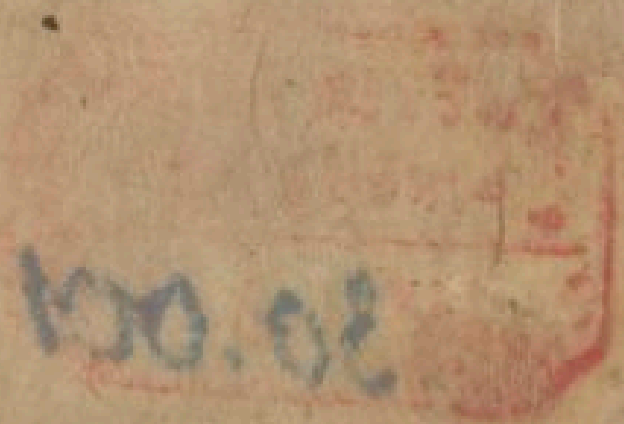


VIẾT BẢO

IN LẦN THỨ NHẤT

Ngày Mai Xuất Ban

28 PHỐ HÀNG SẮT HÀ-NỘI



VIET BAO

THE UNIVERSITY OF

Phan Xis May 19

VIẾT BẢO

IN TẠI NHÀ IN NGÀY NAY DO HOÀNG CƯ
TRÌNH BÀY. PHÓNG HỌA CỦA SĨ NGỌC

VINTAGE

IN THE CITY OF NEW YORK
JANUARY 1880

SẼ PHÁT HÀNH:

LOẠI GIAI PHẨM:

Làng Tôi

của Hoàng Đạo Thùỵ, Ngô Tất
Tổ, Trần Tiêu, Hoàng Hoa v. v.

LOẠI ĐẶC BIỆT:

VU'Ò'N XUÂN

với những cây viết:

NGÔ TẤT TỔ — PHÙNG BẢO THẠCH
HỒ DẪNH — LAN SƠN — CHU
THIÊN — BÀ VĂN ĐÀI — HỒNG LAM
THƯỢNG SĨ — TRÚC ĐƯỜNG v. v...

và ba mục đặc sắc:

CHUYỆN TRÌNH THĂM của Phạm Cao Cung

MỘT PHÓNG SỰ của Tam Lang

ĐOÀN THIÊN XÃ HỘI của Hoàng Cừ

Bản nhạc của Lê Thương, Nguyễn Xuân Khoát

Trang Tới

Trang Tới

VU O N XUAN

Trang Tới

Trang Tới

Trang Tới

Trang Tới

Trang Tới

Trang Tới





Đã hai mươi năm qua MỘT MÙA HẠ



Ôi không còn nhớ lắm cái
thời măng sữa, có lẽ ảo
lả của tôi. Tôi vẫn mang
máng nhớ rằng vú
nuôi tôi là người lẳng
lơ. Nặng tình, những
chiều giờ mát mẻ, u
chẳng quản ngại hùm

beo, hễ gặp hôm nào thầy mẹ tôi bận rộn vì
khách khứa, là thăm lén, bế tôi đi qua một
cánh rừng để đến họp mặt với người yêu. Cái
thân thể của cha tôi, xuất thân là nhà nho của
chốn đồng ruộng cũng có ảnh hưởng lớn đến
đời tôi. Người đã chẳng chịu vì sinh kế phải

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ 9

đeo đẳng mãi với cái nghề mình không ưa. Hư quan người muốn trở lại với cuộc đời bình dân hồi thiếu thời và chỉ giữ một cái nón lông làm vết tích cuối cùng của nền quyền quý. Hằng ngày người săn quần lợi bùn thắm đồng, y như một nông gia cần cù. Sinh vào lúc giao thời, trong một gia đình đông đúc, tôi đã được mục kích bao cảnh trái ngược mà tấm gương phản chiếu rõ rệt lại chính là xã hội nhỏ của gia đình. Hơn nữa, cái tấm « bi hài kịch » hằng ngày diễn qua trước mắt, trong chốn công đường của một phủ lý, đã thâm nhiễm vào óc tôi ngay từ lúc non nớt một quan niệm đặc biệt về công lý. Nhiều khi tôi nhận thấy giàu có là một tội lớn và nghèo nàn là một lỗi không nhỏ vậy. Lúc mà trẻ khác đang ở cái tuổi bông bột ngây thơ thì tôi đã có những phút trầm ngâm, y như một người lớn.

Quãng đời của cha tôi may thay không xấu xa, dễ bắt khỏi túi, mà tả lại một vài sợi ngang bóng, màu sắc, cải hoa cho lắm vài tron trắng. Cuộc đời giản dị ấy hồ như giòng nước xuôi chảy của một con sông bình tĩnh. Và nó không đến nỗi quá khô khan mà thiếu những ven bờ đầy bóng mát.

Kỳ hoa, dị thảo đang lẽ đã nảy nở ở khu

10 VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ

vườn đầy sinh lực kia ! Một mối tình duyên khác thường đang lẽ đã được ấp ủ dưới mái của tòa nhà luyến khách ấy !

Cách nơi phủ lý không xa, một thiếu nữ Âu không biết là bao nhiêu tuổi, sống trong cảnh cô đơn, ở một thảo trang heo lánh. Nhân một cuộc đi săn, bà đã làm quen với thầy tôi. Vì con không tước bị trúng đạn của bà lại tình cờ sã cánh xuống bên vó ngựa thầy tôi. Với một dáng điệu thuần túy Á-đông, người đã lễ phép trao trả lại cho vị nữ thiện xạ con chim chỉ còn thoi thóp. Bà nài thầy tôi nhận lấy con không tước, gọi là chút kỷ niệm mở đầu cho cuộc thân thiện mai sau. Rồi hai người cùng sông ngựa, chuyện trò cho về đến tận cổng phủ lý.

Bà nói về phong vị của một quê hương có bầu trời êm dịu. Thầy tôi mê mãi nghe chuyện, sống những phút sáng khoái, y như bạn đọc vớ được một pho sách lạ lại khó kiếm. Bà nhắc đến lòng mến chuộng của bà đối với những người Nam quý phái. Câu chuyện đã trở nên thân mật nên thầy tôi cũng chẳng giấu gì bà, nói chính mình cũng có cậu con du học Pháp-Quốc. Người nói đến cảnh

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỪ 11

vui vẻ của gia đình mình thì bà thú thực mình hiện sống cuộc đời cô quạnh. Sau kỳ hạnh ngộ ấy kể đến những bữa tiệc đối bóng tại thảo trang. Cũng như những tiệc thịnh soạn khác ở phủ lý để tiếp đón thượng khách mà bà thường được mời đến dự.

Nhưng một ngày kia, theo luật đào thải dĩ nhiên của tạo hóa, bà đã tịch giữa buổi thanh xuân, để lại nhiều tiếc nhớ.

Đường vào thảo trang, một buổi sáng mưa gió đã in vết xe bà một lần cuối cùng. Bà đã tịch trong gian phòng mà thấy tôi là người đầu tiên đến để nghe lời giới giảng của bà. Giường đặt sát bà ngập những hoa Cỏ xe quý, con ngựa thuần, bà tặng lại làm di-niệm cho thầy tôi. Trong tờ di chúc, bà yêu cầu được người săn sóc cho việc chôn cất. Dự lễ đám tang về, chiều ấy thầy tôi xa-xăm về mặt. Người không dùng cơm chiều và gióng đèn trầm ngậm, giờ lâu vẫn chưa đi nghỉ, như có sự gì phần uất bên trong.

Mẹ tôi thức giấc thấy người còn chưa tỉnh tâm, thì rón rén đến gần. Người liền kéo ghế bảo mẹ tôi ngồi và chép miệng : « Gớm, bà đàm giới giảng với mình cẩn thận chu đáo, coi mình như thể người nhà, làm tôi trạnh nhớ mà lo ngại cho thẳng cả ở bên Pháp ». Mẹ tôi

lộ vẻ ngạc nhiên thì người lại bảo :

« Nay bà nó đã biết chưa, chiến tranh xong rồi. Nhưng sao con nó lại không nóng lòng đòi về ngay mà cứ xin ở lại để học thêm? Đến như mình, có xa gì làng nước cho lắm mà lúc nào cũng mơ tưởng đến quê hương phần mộ nữa là ! » Nói đến anh tôi, thứ nhất lại nói đến việc chưa định về thì làm gì mà mẹ tôi chẳng thấy tâm hồn mình sáo động lên. Mười ba năm đã học rồi còn gì nữa ! Lúc đi chỉ mới có 14 tuổi bây giờ thì đã khôn lớn như thế nào ? Ngồi cảm động run run, nước mắt cứ tràn ra,

Nhưng thấy tôi tinh thần cương quyết không để lộ lòng thương mến con một cách rõ rệt. Người hơi cau mày : « Chưa chi bà đã khóc rồi. Như thế còn bàn bạc được việc gì nữa ? » Và trầm tư một phút để mẹ tôi xuýt xoa một vài tiếng nữa, người mới dần giọng : « Nhưng tôi đã định việc con nó rồi, thế nào cũng bắt phải về ngay. Học hành như thế đủ rồi, ở nước mình cứ học đến thế rồi còn phải xoay sở làm ăn và hồng mang thực hành cái học của mình đã chứ. Về sớm ngày nào hay ngày ấy. »

Về mặt người đã xa xăm vì cái chết của người bạn khác màu da. Đặc tính của người khác mệnh lại làm người xa xăm hơn.

VIẾT BÁO CỦA HOÀN

13

nhỏ những lỗi lầm cũng do những trường hợp
tương tự có thể đến cho cậu thiếu niên còn
người còn xa nhà. Đến khi đã bắt đầu biết nghĩ
thì tôi chỉ còn gần gũi người có mấy năm.
Không lúc nào, người lại chịu để cho tửu sắc
làm mờ ám tâm địa chính đại.

Về mặt người đã xa xăm vì cái chí
người bạn khác mẫu đã. Đức tính
mạnh lại làm người xa xăm hơn

MỘT NGƯỜI ANH

Thư tín vắng lai, rồi, một hôm có tin đích xác là anh tôi đã xuống tàu về nước. Tin ấy lan ra, cả gia đình tôi như sống trong ngóng đợi. Quân áo tề chỉnh đề đi đón anh tôi, chúng tôi dùng xe độc mã, từ phủ lý, lên ga tỉnh một buổi sáng âm trời.

Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên với cơ kai, tôi cảm thấy bao nhiêu sự mới lạ náo nức tràn lấn cuộc đời hồn nhiên của tôi, hồ như chỉ quen với giờ giấc của những buổi vào hầu, tan hầu. Ở phủ lý, tôi e dè sau cái oai quyền bao trùm nhân vật cổ cây của thầy tôi thì, đứng trên sân ga, tôi lại nao núng trước sức mạnh lôi kéo nhân tâm của mây móc.

Đoàn tàu rầm rộ kéo đến, thét lên một tiếng rừc ọc, sì hơi, ra chiều bức dọc. Bị kích-thích

quá mạnh, tôi trông hoa cả mắt. Lách được ra khỏi đám trùng vi của sông người rồn rập, tôi đã thấy thấy tôi giang tay làm sòe cái thân áo trên cửa bộ ngư vũ. Anh tôi từ một toa tàu nhảy vào giữa hai cánh tay thấy tôi. Hai cha con ôm trâm lấy nhau. Mẹ tôi cũng vội vàng chạy đến, hú hưởi, chỉ còn thốt ra những tiếng như khóc : « Ngọc con ! »

Luôn ba ngày phủ ly sâm uất những tân khách ; sắc pháo mầu giấy điều tươi sáng phủ kín lối vào công đường trước đây chỉ có những lớp lá bàng xơ xác cuối thu. Các cụ già từ quê hương lên, lấy làm thỏa thuê, mãn ý được ngồi bên anh tôi, mà ngắm từng cử chỉ. Các cụ đặc chí, tin mình là bậc lão bang sinh chầu, tay mân, tay mó đưa con quý tử đã quá lớn. Suốt ngày mẹ tôi cười cười, khóc khóc. Người kẻ lẽ cảnh cửa nhà thanh bạch hồi xưa để nhắc lại tính tình chăm chỉ của anh tôi từ hồi nhỏ, và khi trọ học ở Càng ăn quả gì thấy ngon thì vẫn nhớ giữ hột để ương giống. Đức tính ăn quả lại nhớ giống cây đã chứng tỏ từ hồi măng sữa một tâm địa thủy chung. Ai cũng tin rằng với cái tài học tham bác, anh tôi sẽ là người dẫn tiên trong tôn tộc, vun giống cây giống văn-minh cho xứ sở. Hy-vọng ấy thực không quá vì mấy năm sau, anh tôi đã

xin thôi việc nhà nước để tự lập một nhà máy điện tại tỉnh Thanh, cái nhà máy khá đồ sộ của người Việt-Nam. Báo chí và cả màn ảnh cũng nhắc nhở tới công cuộc ấy. Nhưng sau mấy ngày khánh thành rộn rịp, ai là người biết đến nỗi chua xót của anh tôi, của thầy tôi, thứ nhất của mẹ tôi đã hy sinh trọn đời cho anh tôi. Không thể mượn được tiền nhà ngân hàng để giả nổi phần tiền máy của ông bạn đã hứa giúp mình cho thực được việc, anh tôi phải ký bán nhà máy cho công ty.

Bạn đọc, tôi chưa động chạm gì đến việc làm báo mà đã phí nhiều giấy mực. Phải chăng tôi đã quá lợi dụng lòng yêu của bạn? Không đâu, tôi chỉ cố giải bày trên đây những vắn khúc của một quãng đời đầy dẫy những quãng đường ngoặt ý nghĩa. Tôi cũng muốn mai sau làm nên một việc gì to tát. Trong những đêm khuya vắng ở tỉnh lỵ, càng buồn vắng vì đèn điện trong sáng rọi xuống những hè phố cô quạnh, tôi cảm thấy tất cả nỗi trống trải của một tâm hồn niên thiếu, sống thiếu lý tưởng. Tôi đứng dưới vòm nhà máy, xay xưa nghe tiếng gió lùa vào guồng máy, tự lự trước sự nhịp nhàng rung chuyển của các bộ phận máy. Ngắm những thân hình nhỏ nhắn của mấy bác thợ trong bộ đồ xanh

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỪ 17

đứng bên những thân hình không lồ gang thép, tôi cảm thấy tất cả cái cao quý của những bộ óc thầy. Tôi đã bị máy móc quyến rũ rồi ! Tôi cũng muốn làm kỹ-nghệ điện-khi như anh tôi nhưng lại nhớ đến những lúc mẹ tôi phải chạy tiền chắt vạt mà việc vẫn bị sang tay người, bầu nhiệt huyết tôi bỗng lên. Một hôm tôi được đọc tờ Ngọ-Báo, với giá bán một đồng xu thì tôi nghĩ lung lắm. Để rồi tìm thấy cái nguyên cơ của sự bán rẻ. Tôi ước luận rằng báo ấy phải bán chạy lắm và như thế thì một xu kia lại hóa ra nhiều vô kể. Tôi bắt đầu chú-ý đến việc làm báo ở chỗ giá báo làm sao cho báo được phổ thông. Và suốt trong đời làm báo lúc nào tôi cũng rất thận trọng về việc định giá báo. Đáng lẽ nhiều khi lên giá báo là qua được những bước nguy ngập cho báo, là hãnh diện có thể giữ vững được tình thế thì trong những trường hợp ấy, tôi chỉ thấy buồn và thẹn với lương tâm. Cũng chỉ bởi đồng xu của toàn thể bao giờ cũng nhiều và giá trị hơn những đồng hào và đồng bạc của một thiểu số. Loanh quanh mãi với đồng xu của nhà báo, tôi hao hụt bao nhiêu xu khác về khoản tạp chi để mua đủ các báo. Rồi may mắn làm sao, một hôm tôi được tiếp chuyện chính với một nhà báo ở Pháp về.

Người đó chính là anh tôi. Anh mãi làm báo đến bỏ qua cả kỳ thi tốt nghiệp và vì vậy bị nhà « cúp lương » rồi bắt về. Tôi nghe anh kể chuyện làm báo mà mê mãi đến bỏ cả bữa cơm chiều rồi nghĩ liên miên suốt đêm. Anh tôi nói về một chuyện bán văn : « Ta đưa lão ấy tập bản thảo, thấp thỏm đợi lão xem ngay và định văn phẩm mình ra sao. Mới vào, ta bị lão trông suốt từ đầu đến chân. Rồi lão chậm chạp tháo mục kính giơ lên, đặt xuống đến mười lần rồi mới lại đeo vào. Lão bắt đầu đọc thực, ta đã hy vọng thì lại thấy lão bỏ mục kính ra. Lão từ từ cuốn tập bản thảo lại, và ta lạnh toát người khi lão đưa trả lại mà không quên nói : « Cảm ơn ngài. » Giận quá, ta nhắm đòng giữa mặt lão, ném đại cả cái công trình văn chương vào rồi ù té chạy. Tôi cảm thấy tất cả cái bướng bỉnh của một người định nhập tịch làng báo Pháp. Nói đến đây, tôi lại nghĩ đến nghề phóng viên của nước nhà, vinh nhục có đủ, nhưng nếu thực thời thì sao cũng phải xoay chiều.

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CŨ 19

LÀM BÁO TRONG LỚP

1931. Thầy tôi mất. Tôi vẫn chưa đến tuổi trưởng thành. Tôi được kế cái chi lớn hơn là kế kế cái nghiệp của người. Mặc dầu, tôi vẫn phải làm cái việc coi ấp vì đó là một phận sự của những con nhỏ trong khi các anh như tôi đều đã có sự nghiệp. Trên giường bệnh thầy tôi đã giới giảng: « Các anh khinh nghề làm ruộng rồi lấy gì mà ăn ? »

Tôi đã chỉ biết đi học, rồi đây thôi học, tôi sẽ phải sống nhờ vào mồ hôi của mấy bác gia tộc lão thành. Làm ấp, tôi chỉ biết trở tay nắm ngọn và chẳng muốn bị chắt vắn vì những sai khiến ngờ ngẩn. Được mấy tháng rồi tôi cũng chán nản với cái nghề coi ấp. Năm ấy ruộng lại bị úng thủy Mưa không ngớt hàng tháng giờ, mưa liên miên trắng xóa

20 VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CƯ

ỐP
cả một vùng, mưa ngập lụt cả nhưng cánh đồng
lúa đã bắt đầu hoe hoe vàng. Trước con đường
cái quan qua ấp còn nổi từng quãng, sa, bị
chìm lìm hẳn. Thế là tôi bị gián đoạn với lân
bang, với đời sống của mọi người. Một hai ngày
lại nổi cơn giông, song đồng nhấp nhô như
sóng, biển, những nạn đắm thuyền chết người
xảy ra liên tiếp. Bọn cường bạo tha hồ nhờ gió
bể mãng. Tôi càng bị cô thế hơn. Cả ngày hết
ăn rồi lại nằm vật trên ghế ngựa cứ phải kê cao
dần với mực nước lên. Nước vỗ vào thêm nhà,
nước róc rách ở chân tường, nước dâng sát
mặt bàn. Tôi ngủ gối đầu lên khẩu súng bắn
chim. Nửa đêm những lúc thức giấc, trông
cảnh trăng sao tỏa làn ánh sáng xanh dịu xuống
mặt nước mênh mông thì bất giác tôi nhớ tới
những đêm nghỉ mát ngoài bờ biển. Lòng tôi
rồi rạo những tình cảm. Thế mà tôi cảm thấy
tôi sống một đời cô quạnh vô cùng vì thiếu sự
trìu mến, có lẽ vì thiếu cả tình yêu nữa. Mong
sự nghiệp chưa thành, tôi chưa yên bề nào.
Tôi nghĩ đến những đám cưới chạy tang của
hai em gái tôi, chỉ cốt mục đích bỏ buộc người
ta trong nghĩa vụ, mà không cần tính đến hạnh
phúc và tình yêu. Ở giữa nơi đồng ước, thân
thế tôi cũng như con thuyền chơ vơ trên
mặt nước, phó mặc cho phong ba định đoạt

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ 21

Trước đây tôi đã chỉ biết làm bạn với những nhân vật trong tiểu thuyết. Muốn bắt chước những hành vi anh hùng lãng mạng của những vai chủ động, tôi cũng đã tậu ngựa, sắm yên và cắt cho mình một bộ đồ kỵ mã thật đẹp. Thành ra trong lúc ấp bị ung thủy, ngoài thằng người nhà trang thành đã chịu ở lại với tôi, chỉ còn trơ ra cặp chủ và ngựa sống như trong tiểu thuyết! Ngựa cũng ngoan lắm, thực là nó đã thấu cái tình cảnh của thầy. Đứng trên một tấm gỗ, kê qua mặt nước, nó không hí rống lên như mọi khi, mà chỉ yên lặng cào chân, đánh hơi lúc đói đề đề ăn. Lá tre không thể lấy được, cỏ thì không có, nó sống với cơm nguội và rau chuối. Nhưng ngựa đâu phải giống ăn xong là cứ yên phận ở nguyên trong chuồng. Một hôm tôi vẫy được cái xuồng và thuê chèo đi chơi thì nó cũng cần giây chồm qua hào lũy, rồi chạy rồn trên đường xe lửa. Nó bị vướng đầu vào đầu tàu, rạp óc mà chết. Thế là kết liễu một đời hám tự do! Nghĩ đến cái chết của ngựa, tôi thẹn thẹn thấy cái sống của mình chỉ còn bám víu vào mấy bì thóc ằm. Ngày nay tôi vẫn nhận được nhiều thư tín của bạn từ phương gửi lại, những lá thư nồng nàn thành thực yêu cầu tôi đăng lên báo những giòng văn phần nhiều để

tổ lòng công phần với cảnh «giá ao túi cơm
trợ thời». Tôi sao khỏi tránh nhớ tới tình
cảnh riêng của tôi xưa kia. Đứng trong hàng
đội thiếu niên, chúng ta tất phải hy sinh để
bắc cầu qua thời gian cho hậu sinh trở về con
đường vinh dự cũ của ông cha. Chúng ta phải
tự đem thân mà cung cho đời, cho nước, khác
nào con tằm nhả tơ rồi chết trong bọc kén.

Tôi đợi cho nước xuống, nhưng mực nước
cứ đứng yên một chỗ. Một hôm, giữa trưa có
một cái sông bơi về phía ấp. Thấy chỗ nhiều
người mặc quần áo tây lỗ nhổ, tôi ngó ra phía
cửa xem có phải bà con quen thuộc. Tôi nhận
ra ba người bạn cùng học lớp nhất. Vì có việc
phải đi qua ấp các anh đã nhân tiện ghé
vào thăm tôi. Chuyện trò hết chiều rồi
lại qua nửa đêm, các anh cho tôi biết hiện
thời viết văn và vừa rồi một anh đã mua lại
được tờ báo. Vui câu chuyện, các anh rủ tôi
cùng làm báo cho vui. Làm báo, tôi đã có ý
định từ lâu, nhưng chưa có dịp. Tôi nghĩ đến
tờ báo đầu tiên của tôi ra trong lớp học. Tờ
báo viết bằng tay, và in bằng thạch nhưng
cũng đã làm chúng tôi phải nhều phen điếu
đưng. Trước hết là một ông bố trò gái, dọa đem
báo mách ông đốc. Rồi đến việc báo bị lọt vào
tay thầy giáo dạy cách trí. Mọi người đều đợi

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CƯ 23

một cuộc chinh phạt làm hả dạ thầy. Và phe phản đối cứ híp mắt cười khoái trí. Họ đương đợi có dịp báo thù thì may sao, thực là giờ đi vắng, thầy giáo đã không mắng mỏ qua một câu, lại mê mải đọc tờ báo từ trang đầu đến trang cuối gần hết cả giờ dạy vẽ. Lúc còn đi học thầy cũng như anh em là một tên trò tinh nghịch, đã từng làm báo trong lớp, đã từng bị đến trước ông đốc phân giải về việc viết những bài báo có ác ý. Đối với tờ báo ấy, tuy chưa hẳn là báo, chúng tôi cũng đã hy sinh rất nhiều. Những ngày chủ nhật chúng tôi viết bài quên cả giờ đi chơi. Những hôm có cuộc tranh đấu bóng tròn, chúng tôi có khi thức thâu đêm để ra số đặc biệt.

*
*
*

Hôm sau các bạn tôi đều đòi đã ấp về sớm vì cáo là bận việc. Các anh ben đang một tuần sẽ trở lại đón tôi rồi cùng ra Hà-nội làm báo. Tôi đã hiểu gia-cảnh các anh, nên tôi có thể lường trước rằng tờ báo của chúng tôi sau này sẽ nghèo. Để giúp vào một phần với anh em, tôi đi rút được một trăm đồng bạc để hùn vốn. Thế là tôi đã vào nghề báo với công nợ nhưng không ngoài một tấm lòng tha thiết

24 VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ

và cái hoài bão đã có từ lâu. Sau này có nhiều
khi tội bị dơi rét nằm dài trên giường bệnh
khách nợ đứng kín đầu giường, và lúc tái bản
báo, hàng ngày trong ngăn bàn đầy những trát
gọi hầu tòa về đủ tội tình cũng chỉ vì cổ đeo
đồng mại với nghề. Tôi vẫn rất tin vào nghề
và tin rằng cuộc phấn đấu dai dẳng nào rồi
cũng phải có một ảnh hưởng, tuy nhiên không
phải đều đi đến chỗ thành tựu cả.

NHỮNG NGÀY BÔNG BỘT

Thế là tôi và mấy bạn thiếu niên chưa tên tuổi, cùng một hoài bão, đây về yêu đời, hợp lực đề tài bản tờ Tân-Thiếu-Niên đã im hơi lặng tiếng. Giấc mộng đẹp xiết bao quyến rũ ấy, mà cả cái tên cũng đẹp như một thời xanh, vẫn còn in sâu trong tâm tưởng cho đến ngày nay ! Chúng tôi đã nỗ lực làm việc không quản ngại giờ giấc, cam chia đủ mọi thiếu thốn, hy sinh cho đến đồng xu cuối cùng Báo chỉ ra được bốn số thì bị thu giấy phép. Cũng qua được một số xuân và giúp ích cho tôi ít nhiều cảm tưởng về một trong muôn vạn cái Tết của nhà báo ! Chưa bao giờ cái Tết ở Hà thành đối với tôi đã ý nghĩa hơn. Chỉ còn có một mình tôi ở rồn lại tòa báo, lòng không xôn xao khi tiếng pháo giao thừa đã nổ vang khắp các phố. Tôi cũng không vận bộ quốc

phục mới mẻ nguyên nếp của ngày Tết, nhưng trong trí tôi đã như mở rộng cả một khoảng trời cao cả mới đẹp. Tôi thấy mình sống ra ngoài gia đình, để cảm thấy rộng hơn trong gia đình lớn của xã hội còn nhiều kẻ chưa có Tết. Tiếng pháo ở làng mạc có cái ý nghĩa thân thiện hay hơn hở. Tiếng pháo Hà-thành rộn rã và khoe khoang, biểu trưng một làng bốc quá độ. Tôi mong cái Tết đi nhanh hơn ngày thường, để lại được tiếp tục sống cái đời hoạt động đầy rẫy những bất thân của nhà phóng viên. Sau Tết báo chỉ còn ra được một số rồi chết. Dù hồi đó không có ty kiểm-đuyệt, người viết báo vẫn phải quá thận trọng. Có nhiều độc giả tin rằng báo chết là vì có tính cách quá khích. Dù sao, tôi đã hết lòng vì báo. Được ban giám đốc giao giữ việc tuyên truyền và mục tin tức, tôi lại phải kiêm cả việc phát hành báo tại Hà-Nội. Phàm những báo mới ra đời bao giờ cũng được mọi người chú ý, nên việc bán số đầu vẫn theo lệ thường, rất trôi chảy. Số hai càng chạy hơn, số ba cũng hết veo, rồi số bốn in lên gấp rưỡi. Riêng khu Hà-Nội đã có trên hai ngàn độc giả. Mặc dầu không có trẻ em rao bán và chỉ để bán ở các đại-lý mà phần đông là những hiệu sách rải rác ở các phố. Báo bị đóng cửa sau khi vừa góp mặt với

đời, chúng tôi thấy như đứng vào một cấm địa, tâm trí hoang mang vô cùng. Máu khát làm báo hăng lên đến cực độ. Tuy nhiên số tiền góp phần đã cạn sạch, vì một phần lỗ vào số báo bị thu, một phần nằm ở các đại-lý trong khắp năm xứ của liên-bang Đông-Dương. Ấy là chưa kể số tiền đã phải cho nhà văn rất tạm trước. Báo dẫu rằng có phần chạy về cái hình thiếu nữ khỏa thân già nửa mình in lên trang đầu, xong cũng có nhiều bài viết đã gây được chút ít dư luận. Ban chủ-nhiệm Lê-Tràng-Kiều sau này hình như hối về lối « làm báo không hậu » ấy nên đã xoay chiều, và vì vậy ngôi bút của ông được sử dụng trong mấy năm với những tờ Hà-Nội Báo, và thứ nhất là Tiểu Thuyết Thứ Năm mà cố văn sĩ Vũ Trọng-Can là một trụ cột. Nói đến Lê-Tràng-Kiều khiến tôi càng nhận thấy cái nhược điểm của nhiều chủ báo chỉ vì thiếu tiền mà không làm nên việc, đã ảnh hưởng to tát đến lịch trình tiến hóa của báo giới xứ này. Nhưng nói rằng cứ có tiền là làm báo được thì lại càng đáng ngờ hơn ? Bởi người tư bản lại có tài trí mà chỉ vì thiếu kinh nghiệm hoặc tài điều khiển đã tự bóp chết nhiều cơ quan đáng lẽ làm nên công truyện. Tất cả ba hạng chủ-nhiệm trên tuy vậy,

chỉ đáng phàn nàn mà không đáng trách. Hồ
thẹn cho nghề chủ báo thì là một hạng chỉ
chuyên dựa vào phong trào, dùng báo làm một
lợi khí nịnh nọt, tan thưởng công khai để hồng
câu danh lợi. May thay, bao giờ hạng này cũng
bị đại đa số nhà báo chân chính khinh miệt, và
khi đã rơi mặt nạ, liền bị quốc dân rẻ rúng.

TỜ NHẬT BÁO TIN-MỚI VỚI BÁC-SĨ LUYỆN

1939. Cuộc chiến tranh Trung Nhật đang vào độ gay go. Xứ Đông-Dương được gọi là cái bao-lan trên Thái-Bình-Dương càng được thế giới chú ý đặc biệt. Ở Hà-Nội còn tờ Ngày Nay tuy số độc giả đã kém xưa, vẫn có ba tờ báo hàng ngày Đông-Phap, Việt-Báo, Trung-Bắc. Nhưng dư luận chỉ xôn xao chú ý vào một tờ báo sắp ra đời: tờ Tin Mới của bác-sĩ Luyện. Những tấm affiches in hình cái máy tính xảo nôi bật trên một mảng trời xanh, báo hiệu một cái gì mới lạ, một sự cải cách táo bạo, một cuộc cách mệnh trong làng báo Việt-Nam. Việc đặt chiếc máy độc nhất có ở Đông-Dương ấy đồng thời tiến hành với việc xây dựng nốt khu báo quán, và việc tổ chức tòa soạn. Tôi được giữ trách

nhiệm chủ trương bộ tin-tức. Tôi và bạn Tam Lang, chính thức vào việc bằng sự đi khắp các tỉnh cổ động báo với mọi nhóm trí thức và nhân thể chọn các thông tin viên. Đi đến đâu hàng ngũ thanh-niên cũng ủng hộ chúng tôi hết đời. Công việc tổ chức càng ngày càng bành trướng hơn. Anh em yên trí không bao lâu nữa sẽ đi đến chỗ hoàn bị. Hàng ngày số đồng bào từ phương đến thăm tòa báo đông không ngớt. Số đơn xin việc làm không phải là ít. Công cuộc dựng khu khác sạn lớn Tân-Á sát nách với tòa báo cũng to tát lắm. Cả Hà-Thành như chú ý vào hai thứ kỹ-nghệ mà người ta cho là khuyếch trương hăng hai nhất từ xưa đến nay: thứ kỹ-nghệ nấu món ăn cho cơ thể và thứ kỹ nghệ cung món ăn cho tinh thần. Lần đầu tiên nghề làm báo được quốc dân chăm chú, hơn cả phiên họp nghị-viện hoặc tin trường ốc.

Rồi một hôm bác-sĩ Luyện vào tòa soạn, báo tin cho máy chạy thử. Tất cả nhân viên nhà báo đứng quây quanh trong phòng máy, cách xa chừng thước tây, để phòng khỏi bị guồng máy cán phải. Máy chuyển. Mọi người đều cảm động. Hồi hộp đợi những trang báo in thử chỉ mới sắp tằm ít filets theo chiều dài. Máy xé qua loa ít giấy, rồi chạy đều và ném ra những tờ báo đã xén, cắt, gấp, mà những gáy trang

lại dán liền với nhau. Thế là nghề báo căn cứ ở những số báo in thử ấy đã được ước lượng quả tiến một bước dài rồi đấy. Bước đường phần khởi ấy không biết chừng sẽ đưa người ta đi tới đâu ! Anh em lại càng vững tâm hơn, càng hoạt động dữ hơn, yên trí rằng rồi những số báo ra nay mai sẽ là một kỷ nguyên mới lạ. Chỉ có mỗi một mình bạn Kinh-Kha là hồ nghi. Khốn khổ, bạn đã đi xa quá, y như con bé quàng khăn đỏ, mà đã chót tin vào lời dỗ ngọt của con sói tinh khôn. Bởi bạn đi xem một phim ảnh có chiếu hình máy tính sảo in báo Mỹ, nên bạn không tin hẳn vào bút chùa nhà tức là cái máy cái cửa của nhà báo. Bạn nói nó nhỏ quá và dản dị quá.

Hãy đợi đến ngày in số ra mắt ! Mà đêm in tờ Tin Mới số 1, cả tòa báo không có một người nào ngủ. Để ngóng cái kết quả của bao nhiêu tháng cần-lao, để được phục thêm một lần nữa cái tài của vị chủ-nhiệm, rồi tha hồ vỗ tay hoan khoái và « nhảy cừu qua lưng đồng nghiệp ». Khuôn chữ đặt lên bàn in và guồng máy bắt đầu chuyển. Báo ném ra, mọi người xô nhau đón đỡ những tờ giấy còn bóng nhoáng màu mực, lại thơm tho mùi giấy cuộn. Phụt ! giấy đứt, nhưng máy vẫn chuyển, mực bôi nhỏ những trang giấy trình bạch. Guồng

máy vò xé, co kéo và nghiền nát cho kỹ đến khi bị hãm dừng hẳn lại. Sáu nhân công, người trèo lên nóc máy, người chui xuống gầm, kẻ lới giấy hồng ra, người chấp nối đầu giấy nguyên vào. Rồi máy lại chuyển, trong khi bác sĩ Luyện, các bạn khác, tôi, chăm chú trông xem nhỡ có cái espace, cadrat nào, đầu có khi chỉ nhỏ bằng tăm, nổi lên mà dính vào lô (rouleau) chà mực. Máy chuyển đều, lại có phần hăng hái chuyển nhanh hơn lúc trước. Báo lại rào rào ném ra. Nhưng bỗng lại phụt, giấy lại đứt. Sáu nhân công lại vội vã... vùn, vùn... Cứ thế mấy chục lần trong một đêm, rồi cả ngày hôm sau. Rút cục đến sáu giờ chiều ngày báo phải ra số đầu, vẫn chỉ mới in được phần mười số báo mà trẻ em ký tiền để giữ trước. Thế là sau phút phấn khởi kể đến những giờ chưa xót, và bác-sĩ Luyện là người đang phân nửa hơn cả. Chữ mới, giấy tốt, trang báo xếp đẹp, nhiều mực hay, lắm tin tức và có kèm ảnh đều công toi ! Bởi máy chạy kém, báo ra chậm một ngày, lại nhem nhuốc, khó đọc. Và sự thất thường vẫn cứ kéo dài liên miên với các số sau. Rồi số đọc giả sút xuống, lới cuốn theo cả dư luận xiết bao ủng hộ của quốc dân. Sau một bài phi-lô đề bộc bạch cái tình tình « bất kham » của máy mới

cũng không khác gì « ngựa hay nên có chủ » của bác-sĩ Luyện, báo dành nghỉ hai mươi hôm, nói là sửa soạn ra số Tết nhưng kỳ thực cũng là cốt có thì giờ để sửa chữa lại máy. Chữa cho cho chạy bớt nhanh để đỡ xé giấy. Chữa cho nó chỉ chạy hơn máy thường chút ít thì mọi người mới ăn yên được cái Tết. Thực là một kỷ-niệm kinh hoàng. Nhưng số báo đầu còn ghi lại cho tôi một kỷ niệm khác, êm đẹp, sâu sắc. Trước ngày báo ra mắt, chân thông tin viên thành Nam bỗng bỏ trống. Để phòng sự bất trắc, tôi cử một bạn phóng viên đi. Kinh-kha nhận ngay. Thì liền trúng ngày thành Nam xảy vụ đồ tể làm chết hai mạng trẻ. Kinh-Kha làm bài-tường thuật, chụp được cả ảnh. Thế là số báo đầu đã trội hơn bạn đồng nghiệp một cái tin xác thực và cần kể. Nhưng vì máy chạy kém, bộ thông tin đã không hy-vọng gì lộ mặt ra với đời được như ý muốn. Và sau số Tết đầy hai mươi trang lớn, báo ra được ít lâu, máy vẫn chưa chạy được đều hẳn thì một mối ngờ vực từ ngoài ném vào nổi lên giữa tôi và vị chủ-nhiệm. Tôi biết rằng không thể làm gì được hơn nữa. Tôi đã mang hết tâm lực để phụng sự nghề báo, nhưng tôi đã bị hiểu nhầm. Tôi muốn đổi cán viết lấy cây súng để ra mặt trận phấn đấu can đảm hơn.

Tôi xin đầu quân. Trước ngày tựu ngũ, ngắm
gương mặt thấy hốc hác; tôi không tiếc những
đêm thức giãc, lao lực suốt sáng. Tôi chỉ áy
náy cổ sức đến có hại cho sức khỏe. Tôi vốn
ham tập dượt. Lúc không làm báo, sáng sáng
tôi vẫn ưa vận động rồi tắm nước lạnh ; thế
mà mê mãi với phận-sự, tôi đã lãng quên
trong mấy tháng giời những môn thể-thao vừa
giúp ích cho thân thể lại vừa rèn rũa cho tinh
tinh thêm mạnh dạn. Làm việc suốt ngày, tôi
không còn thì giờ đâu mà nghĩ đến chính thân
mình. Ôi mĩa mai ! khi một số người quen biết
thấy tôi thuê được căn nhà ngách nấp có vườn,
có công, thì khen ngợi tôi đã sắp giàu sang
đến nơi. Nghịch cảnh liền đã xô đến ngay, mà
cũng có khi là cái dẫn biện của một may mắn
tương lai không biết chừng. Cùng đệ đơn xin
đầu ngũ với tôi, bạn Kinh-Kha đã chung sống
những ngày mãnh liệt trước ngày vào trại.
Giữa mùa đông giá, chúng tôi vào Sâm-Sơn tập
dượt. Sáng sớm còn mờ hơi sương, cách năm
thước không trông thấy nhau, nhưng vẫn
nghe rõ tiếng sóng găm, tiếng gió thét, chúng
tôi đã xuống bể bơi tắm. Tinh bẻ bạn đã là
một mối khăng khít ràng buộc đôi tâm hồn
được yên vui mà chống trọi với ngoại cảnh.
Lạc lõng những chiều trời đẹp vào khu đồi

thông, chúng tôi ngấm tia khói lam chiều
quấn quít tỏa lên từ những xóm chài lưới ven
bể mà chẳng khỏi tranh lòng. Một hôm mưa
gió, chúng tôi được tin bạn Phạm-Cao-Cung
vào thăm. Bạn cũng nhớ mang cho coi những
tờ Tin Mới ra cận ngày nhất. Giở báo xem,
chúng tôi nhận xét sâu sắc thêm một lần nữa
tài năng điều-khiển tòa soạn của bác-sĩ Luyện,
sự cố gắng làm cho báo đỡ trống của bạn
Tam-Lang, và thứ nhất, sự hệ trọng của bạn
quảng cáo Nguyễn-Trọng-Trạc Lại đem độ Tin
Mới với Đông Pháp, chúng tôi càng hiểu hơn
về phương diện tin tức, Đông Pháp không
chịu lùi mà còn giữ vững địa vị là đẳng khác.
Thì ra nước nhà có đủ đất để cho hai cơ-quan
ngôn-luận quốc-văn ấy được tồn tại lâu dài;
ở đây Cần (Châu-Du) và Lượng (Khổng-Minh)
cùng chịu nhường nhịn nhau.

NGÀY GIẢI NGŨ

Hiệp ước đình chiến Pháp-Đức ký được ít lâu, đoàn quân tình nguyện đợi đáp tầu sang Pháp được lệnh giải ngũ. Tôi ở cùng một trại với ba mươi một anh em cùng quê ở Hà-Nội, biết chữ, lại đại diện hơn chục nghề kể cả nghề học trò và nghề không có nghề (sans profession). Chúng tôi thân yêu nhau như thể anh em một nhà ; suốt trong thời kỳ tòng ngũ không một người nào mưu việc chia rẽ lực lượng cổ kết của ba mươi một bộ óc đã cùng thề sống chết có nhau. Tại mỗi người có một tâm tính riêng biệt, song nguyện vọng đã làm cho ai nấy đồng tâm, đồng dạ và luật trại ngũ đã xếp đều cả vào một loạt linh trơn. Chúng tôi hằng ngày nâng đỡ che chở cho nhau. Tối đến trong trại lá, cảnh xum vầy càng trở nên thân mật. Có khi tắt đèn rồi anh nọ còn học

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CÙ 37

anh kia một vài tiếng Pháp. Hôm nào trời mưa chúng tôi tiêu khiển bằng một cuộc hát chèo. Thiếu trống, ai nấy dùng đũa gõ vào cái bình đựng nước bằng sắt. Đó cũng là lúc ngài đội đã xếp lười lê và giở ra một pho sách cũ khe khẽ ám ừ bình văn. Nhưng kể làm gì cái thú trại ngũ dài giòng khi còn chưa được biết vinh quang của mặt trận. Mỗi lính hồn lính đều chứa đựng một tâm sự riêng. Khi xong pha chiến trận, người ngã xuống, kẻ còn đứng, vội xốc bạn lên vai. Máu ở thương tích tuôn ra như suối, ngực bạn chỉ còn thoi thóp. Hãy ghé sát nghe lấy những lời giới giảng cuối cùng rồi lại hăng hái tiếp tục đánh giết. Đó, cái chết anh hùng của chiến-sĩ để khuyến khích chiến-sĩ ! Miếng đất có giá-trị phải có tấm máu đào của chiến-sĩ. Được tin đã trại, bọn chúng tôi sao khỏi buồn rầu, lòng như xao xuyến trước một cuộc ly-biệt nặng nề. Rồi trong buổi họp đại quân, trước mặt các sĩ quan, về ưu tư hiện trên các bộ mặt, ừ ừ như một mùa thu. Tôi đã phải lên tiếng đáp lại bài diễn-văn cáo biệt của quan ba bằng những lời thống thiết mà kết cấu là một câu hùng hồn : « Trại ngũ vạn tuế ! »

« Trại ngũ vạn tuế ! » Nghìn vạn anh em đồng thanh reo lên, làm náo động cả một

khoảng trời im lặng dưới nắng gắt. Đã lâu lắm
những đôi quan non Tản lại như nghe tiếng
thiếu niên hăng hái.

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA BÁO THÔNG TIN

Điều đình xong được việc thuê cái máy bỏ
rỉ ở nơi Hà ngoại Gia-Quất, tôi nấn túi còn
vừa đúng được một đồng để đi xe từ Gia-Quất
về Hà-Nội. Giấy ký với ông Mai-du-Lân hẹn
trong một tháng nữa tôi phải nộp hai trăm
đồng, tạm làm tiền đặt để đỡ máy. Rồi máy
đến Hà-Nội lại phải đưa một trăm đồng nữa.
Mà máy chỉ được dùng in báo. Tôi chưa được
phép ra báo nhưng cũng cứ ký. Rất quanh
một vài người quen biết, tôi thu xếp được đủ
hai số tiền to quá đối với tôi lúc bấy giờ. Tuy
tôi vẫn còn nhớ phải chạy long đong cái số
một trăm đồng suốt cả một đêm ba mươi
Tết. Đã tìm tiền ở một đầu đường dài dầy
mưa gió và buốt rét. Lại một Tết nữa, tôi
không được ăn Tết. Một người bạn gần đây
bảo tôi : « Đời anh thật là không thú tự ». Tôi

chịu bạn nói phải nhưng biết làm thế nào. Vào nghề báo mười năm có dư, tôi vẫn chưa đạt được ý muốn. Chỉ chạp bèn có mấy ngày, ông Lân theo như giấy hợp đồng đã cho tháo các bộ phận máy bày la liệt ở sân áp để đợi sắp xe đi. Hai cái ống thép, dùng vào việc lăn giấy in đã được vài trẻ què mùa tây rì bằng cách dùng lõi ngò cọ sát suốt ngày. Rồi nhắm vào một buổi trưa nắng giới, ông Lân áp đạo ba xe bò bản nối đuôi nhau chở những bộ phận máy qua cầu Doumer sang Hà-Nội. «Mấy cái xe đến nhà báo trưng lại đồ số». Tôi hãnh diện nghĩ vậy và ghi một dấu nhớ vào thâm tâm, giữa lúc máy qua đình thự quan Thống Sứ. Việc lắp máy cũng tiến dần. Trước hết hai cái thành máy dài tám thước được dựng lên, song song đối diện nhau. Chèn chống rồi, một thành bồng đồ ầm xuống và rủ bạn nó cùng đồ theo. Chưa xảy ra tai nạn lao động nhưng kết quả thật đáng buồn: cả hai thành máy đều bị dập gãy làm đôi. Ông Lân đứng nhìn mặt trông tôi. Tôi im lặng cau mày nhìn vào máy. Rồi chúng tôi cùng lăm bằm phân nân. Tất cả các người làm dẫn ra hai bên, lấy chỗ cho chúng tôi cùng bước gần lại, cùng cúi xuống xem chỗ gãy. Một lát sau chúng tôi đành phải bàn cái việc gắn chắp. Việc lắp máy

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ 41

liên tiếp trong chín tháng giờ nhưng máy chạy
vẫn chưa đều lại chuyển động với một độ quá
thường. Mặc dầu, mọi công việc tổ chức nhà
in cho tờ báo tương lai vẫn tiến hành đều.
Tôi cũng vẫn đều sáng sáng tập dượt tại
sân vận động Colombon. Và một hôm họp
trai hướng-đạo trên Ba-Vi với ban Mai-
ngọc-Liệu tôi được tin báo hàng ngày đăng
việc quan Toàn Quyền đã ký nghị định cho tôi
phát hành tờ báo quốc âm Thông-Tin. Xong
trai về Hà-Nội, tôi liền cho mời mấy bạn nhà
văn, nhà báo, đến cùng tôi bàn định việc cổ
động báo và tổ chức tòa soạn. Chỉ ít ngày sau,
những tấm afliches được khen là in đẹp và có
ý nghĩa đều đã dán-khắp mọi đầu phố. Công
việc càng cấp tốc; tôi bị nhem nhốc xuất
ngày vì làm việc trong buồng máy. Có khi đêm
đã khuya tôi còn thức coi máy; tôi cảm thấy
ở tiếng máy chạy lúc thanh vắng dường như
một linh hồn có sức quyến rũ. Rồi đến ngày
số báo đầu phải lên khuôn. Và các trẻ em
nhao nhao từ chiều hôm trước, em nào em ấy
đội sí lấy phần hơn thì máy đang chạy, guồng
máy bỗng trượt đi quá một răng cưa, ríp
không bắt giấy nữa. Thế là việc in báo bị gián
đoạn. Chờ được máy, báo đã bị chậm quá nửa
ngày rồi. Anh em bán báo la ó ầm ĩ. Và báo

ra, vừa nhem nhuốc lại vừa khó đọc. Tôi lại trải một thời kỳ chưa xót chẳng kém ngày báo Tin Mới ra đời. Chỉ khác một dăng máy cổ và một dăng máy mới. Mà báo tôi không ra báo hôm ấy sao được. Ông bạn chung phần đã rình ngày trước ngày công việc sắp hoàn thành để đòi gán cả máy lẫn báo về tên ông thì ông mới chịu bỏ tiền để làm việc. Nào ông có thực bụng yên nghề báo cho cam ! Trong khi đợi những nghìn ông hứa sẽ bỏ ra, tôi đã phải tự chạy cho báo có đủ vật liệu. Tôi đã chỉ máy để mua chịu đồ đạc, lại chỉ đồ đạc để mua chịu giấy. Báo không ra được tức là từ ông chung cổ phần cho đến các ông chủ đồ, chủ giấy, họ sẽ réo rất và thừa bầm lòi thôi. Nên báo đã ra, vội lắm, in xoàng lắm. Ông chung phần bỏ đi ngay, các chủ nợ thấy vậy cũng đánh rùng rùng để đợi ngày khám khá hơn. Tôi không thể nghĩ đến họ vội, tôi phải nghĩ đến báo đã. Suốt ngày đêm, tôi lại lăn lung vào buồng máy không còn có thì giờ lên đến tòa soạn nữa. Sau mấy tuần cần lao, tôi đã đi đến một kết quả hơi khả quan : đó là một số báo chủ nhật ra tám trang, có nhiều ảnh và in rõ. Hai giờ sáng, bốn trang báo đầu đã in xong. Chỉ còn đợi cái bản khắc gỗ để lắp vào chỗ trống của khuôn cuối cùng là số báo ấy sẽ hoàn thành.

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ 43

Ba giờ sáng, báo lên nốt bốn khuôn chót. Nửa giờ sau vì sự vụng dại của anh thợ phụ, mực trào ra nhiều quá, tóe ra khắp máy. Chậm rồi nên cứ phải cho máy chạy trong khi tôi cúi người, dò bằng đôi mắt đã mệt mỏi những vết mực dính trên ống thép. Tôi dùng một miếng giấy thấm, cẩn thận lựa chấm những vết đen ố đi. Tiếng chuông nhà thờ vọng lại, điểm lốn tiếng ; hai chân tôi đã thấy mỏi. Bỗng bị chuột rút, người tôi rúi vào thành máy... Tay phải tôi cũng rúi theo vào giữa hai ống thép quay trái chiều nhau rồi liền bị cuốn cùng với trang báo. Những ngón tay tôi bị kẹp, nát đi, tóe máu đỏ, trào ra tưới dẫm trang giấy trắng đã in nửa vời. Tôi kêu lên: « Hãm máy lại ». Hai bác thợ run lấy bẫy, lão đảo chạy đến chỗ tắt điện, như thề mất hồn... Máy hãm được, họ quay guồng máy ngược lại một vòng, hai ống thép mới chịu nhả tay tôi ra. Tôi can đảm trông thẳng vào vết thương, dùng tay trái nắm chặt cổ tay phải để giữ cho máu đỡ chảy.. Tôi còn đi được mấy bước nên đau, dặn anh em thợ : « Cứ làm việc như thường ». Lại bảo bạn Chú : « Anh phải tạm thay tôi ngay ». Rồi vài phút sau, tôi gục xuống cái ghế dài...

... Cảm tưởng năm bệnh viện ? Tôi không

còn nhớ lắm. Sau ba lần đánh thuốc mê. Sau ba lần lên bàn mổ. Rồi tôi xin dã bệnh viện. Qua ba tháng đau đớn về cơ thể. Cả về tinh thần nữa ! Hằng ngày có đủ khách nợ dẫn vật nơi đầu giường. Họ đến luôn, mặc dầu tôi tỉnh, mặc dầu tôi mê. Và ông bạn chung phần lại một lần nữa cố bách tôi ký sang tên tờ báo và phả in cho ông. Máu nóng còn rót lại ở tôi sôi lên, nhưng chỉ thở ra được mấy tiếng ấp úng : « Còn tay đau nữa mà ký ! » Tôi lịm đi. Giờ lâu hồi tỉnh, tôi cố ghi nhớ trong hơi thở phều phào của lá phổi sung : « Ta phải sống, sống để thành việc ». Nhưng báo đã im trước ngày tôi trở lại đời hoạt động. Trong khi ấy, ông Lan đã đệ đơn kiện tôi rồi. Tôi không hiềm khích ông. Tôi chỉ xót xa một cái gì mà tôi vẫn thường quen thiếu thốn : đồng tiền. Nhưng không tiếc bằng cái bàn tay phải ! Chỉ có một đồng bạc khi khởi việc thì nay trong túi tôi lại còn sót lại một đồng bạc.

THÔNG TIN TÀI BẢN

Dưới đây là mấy trang viết đăng vào số báo Thông Tin Hè 1943: để giải bày tất cả cái tâm sự một kẻ khát khao được làm việc:

HÌNH ẢNH SÓNG GIÓ TRONG
MỘT TÂM HỒN BA MƯƠI TUỔI

Cảnh sóng gió trùng dương bao giờ cũng gọi cho tôi cái hình ảnh linh hoạt của đời phấn đấu. Hoặc vì cảnh sinh sống dạn dĩ ngang tàng của những chàng đánh cá đã làm tôi phải thêm muốn. Hoặc vì gió từ ngoài khơi thổi vào nồng nặc một vị sống say sưa và phấn khởi.

Giữa một mùa hè, tôi về quê hương đón thân phụ đi nghỉ mát. Người đã 70 tuổi, bề ngoài trông còn sức vóc nhưng trong cơ thể, các bộ phận đã sút kém. Đêm đến, cụ thường húng hắng ho mà chiều lòng gió có khi phải đi nằm. Một hôm đánh tổ tôm với mấy bạn cố

cụ, cụ ít cười nói, vừa ngồi đã phải tỳ khuỷu tay lên gối xếp, và trí mới bận rộn vào « lèo », « phồng », đã nhãng quên tiền đề bên. Mỗi cơn gió qua lại với lấy cửa cụ một vài tờ giấy bạc thổi qua cửa sổ. Tôi đứng ngoài vườn, chỉ còn đợi chiều xuống là ra tắm, nên đón bắt được. Trò chơi vui mắt mà không kém phần ích lợi ấy đã làm tôi nhãng hẳn trong chốc lát sự ngóng mong bạn lại. Nói đến bạn, trí nhớ còn đủ minh mẫn, làm sống dậy với những vết dao khắc trên thân cây, bao kỷ niệm sáng ngời, những tin tưởng của một thời mãnh liệt qua.

Yêu đương như đem hạnh phúc lại cho kẻ này, để giết số sống trên tay tất cả hy vọng, vui sống của kẻ kia. Tân Nương ích kỷ giữ lấy cho riêng mình tất cả những bông hoa tươi mà tôi và nàng chung bóng sớm chiều, nhất gộp, lên chắt một lãng say sưa. Bạn lại lúc nào tôi không biết. Tôi xếp tập giấy bạc nhặt được vào trả thầy tôi. Thấy tôi mỉm cười, bỏ nẹp bạc vào trong túi da, và chữa then cái già lẩn của mình trước đôi mắt nhú lên của để tôi : « Thế mà thầy không biết, suýt nữa mất thì lại cho là thua để mày ».

Tôi song vai, bạn quay ra bãi tắm thì nước biển đã lồng mầu xanh sẫm và sóng bạc dâng

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ 47

lên gần sát đến rừng thông cặp bờ.

Cũng nô đùa như mọi ngày mà chiều ấy tôi thấy kém vui. Ý nghĩ đã đề cả vào thầy tôi. Trước đây mấy năm, ra Sầm-sơn, vui hơn kia. Bây giờ chả mấy khi thầy tôi rủ đi chơi nữa. Thế mà năm ngoái, năm kia, ngày nào hai cha con cũng đi hàng mấy ki-lô-mét. Tôi quên sao được những sáng sớm còn đắm sương, ánh trời hồng đã soi rọi vào lưng trần của hai cha con mãi ngóng những thuyền vào bến để xem đánh được những thứ cá gì. Thầy tôi rất thích ăn cá và rất hoang đồng tiền để mua cái ăn ngon. Thế mà kỳ này thầy tôi như đứng đưng với những món rất khéo mà anh bếp đã cố công bày soạn để mọi người đều được « thích miệng » như lời để tôi thường khen anh.

Tôi vui thế nào được khi thấy thầy tôi ăn không ngon miệng và chỉ thích có một thứ cháo hoa hòa với đường. Vốn biết thầy tôi là người giàu nghị lực, thì một sự đau đớn ngấm ngấm cắn rứt tôi. Tôi nghĩ rằng cái trạng thái ốm đau im lặng nó chưa đến lúc thốt ra lời kia hiện đang giết dần phủ tạng thầy tôi. Thâu đêm bệnh tình làm thầy tôi trằn trọc trên

giường thì ý nghĩ cũng giãy vò tôi từ lúc đặt mình xuống ngủ. Nhưng tuổi trẻ vốn là cái tuổi hay quên. Rồi có khi chạy chơi suốt ngày và chỉ gặp mặt thầy tôi lúc ăn cơm, tôi chẳng còn thấy lúc nào tiện để dò hỏi xem thầy tôi yếu đau ra sao. Và một đêm, tôi nhóm dậy giữa một cơn mộng, hoảng hốt vì mê thấy thầy tôi mất. Tôi chạy ra hiên thì đã thấy người ngồi im lặng chống tay lên hành lang, đắm đắm nhìn về phía núi đã lẫn trong sương. Những cây đèn cheo veo trên sườn, đổ loe và tia ra như những ngọn đuốc gần tàn. Tôi đón đến đến cạnh, sẽ hỏi : « Thưa thầy, thầy chưa đi ngủ ? »

— Thầy còn thức xem các vì sao. Con có muốn ra ngoài kia với thầy không ?

— Thưa thầy có.

— Thế ta đi đi. Và người vịn tay lên vai tôi. Đi theo ven biển, ngược lại chiều gió được chừng nửa giờ thì người tỏ ra ý mỗi mệt và bảo : « Thầy thấy trong người độ này yếu rồi, không chắc thầy có qua được năm nay. » Tôi toan khóc nhưng lại sợ làm thầy tôi phiền lòng. Người im lặng đi bên tôi, tôi phải im lặng theo người. Cái quyền thế của cha già lúc đã gần cạn sức vẫn còn đủ oai nghiêm. Bỗng người dừng lại. Người quay mặt đối diện với

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ 49

sóng gió. Biển cả thăm thẳm, mịt mù, dữ dội
dồn sóng vào đất liền. Sầm Sơn như thu nhỏ
lại và bị ngập đến nơi.

Ấy là lần chót, thấy tôi mở rộng tâm hồn
trước vũ trụ. Rồi người nằm liệt giường và tịch
giữa thu.

Hình ảnh quý giá nhất trên đời từ đây chỉ
còn sống trong trí nhớ. Với người, trôi theo
bao ngày tươi sáng của tuổi niên thiếu. Những
ngày vui qua rồi không trở lại. Những ngày bận
rộn đầu tắt mặt tối để đợi đến một dịp nhàn
hạ cũng qua đi không chút gợn. Đời như một
hồ như một guồng máy từ thời xoay theo một
chiều, buồn tẻ, đều đặn, vì thiếu những ngày rực
rỡ đầy hoa phượng nở của mùa học sinh ».

Lại một mùa hoa phượng nở. Hà-Thành với
cái vẻ hoạt động riêng về chiều, đông kín khách
hóng mát quanh hồ Gươm, trên con đường Cổ-
Ngư. Cả ở những nhà quanh năm kín cổng cao
tường, hễ gió chiều bắt đầu dần lên là cả các
cửa sổ đều mở rộng như để hắt ra ngoài tất cả
cái oi bức bên trong. Hè đến, các em nhỏ hồi
hộp tính từng giờ những ngày nghỉ trưa bừng
ánh sáng của đời học sinh Nam sắp tới. Một
em ở cùng một gác với tôi có lẽ đã nghĩ lung

50 VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CƯ

lầm từ mấy hôm nay để tìm tiền mua một cái kèn harmonica. Thì vừa chập tối, em đã lên thang rất nhanh lúc về học, chân đã gõ nhịp ngay từ lúc vào buồng, rồi bỏ cặp, móc túi, rút ra một chiếc kèn mới nguyên. Ngắm nghía như còn tiếc rẻ cái phận trong trắng của chiếc kèn, em không thổi ra bài ngay, lân la chạm bắt môi vào kèn : toe, toe toe, vắn tắt và giản đoạn. Rồi em mới vào bài hẳn. Tiếng kèn quen thuộc như lưu như luyến, khi rồn rập lúc thưa thưa, cao lên rồi lại dịu xuống, tràn lan trong phòng, hòa với tiếng gió ngoài thổi vào làm tôi bất giác thấy hồi hộp như được sống lại những thời sung sướng qua kỷ niệm xưa lần lần chỗi dậy. Trong đám thông vi vút bất cứ chiều nào gió lộng hoặc còn rộn rã những tiếng cười hồn nhiên ? Trên đợt sóng bạc mười ngón tay dẻo dăng từng vuốt lưng nước mát dịu có khi nạm cả vàng bạc trên đời, liệu còn để vết ? Mực như muốn trào ra. Bút như muốn khua lên cái cười trong của vật sắt chạm vào thành lộ pha lê. Giấy lỏng lẻo dưới gió, chừng như muốn nhuâm thấm tất cả cảm giác, rung động của trái tim sùng sốt. Tâm hồn một kẻ 30 tuổi đã trải bao mùi sóng gió, yêu đời đến tang thương mà vẫn không kém vẻ yêu đời. Hết như thuyền kia hề bị bỏ cạn thì không sao, mà

động cứ có nước là đã ra về linh động hình
bồng...

Thế mà, hệ này cũng như hệ đã qua tôi chỉ
còn yêu hệ bằng tất cả cái thành thực hoàn
toàn văn vẻ của tôi thôi.

Tôi không buồn, tôi chỉ hơi áy náy vì một
thiếu thốn nho nhỏ. Đời hoạt động của tôi
giảm đi nhiều lắm. Nhưng đời tinh thần vẫn y
nguyên. Lý tưởng là như thế. Phải chịu đựng
tất cả bất thần xảy ra. Viết là một giải thoát
linh diệu vô cùng, miễn là phải thành thực
yêu nó. Tôi xin lấy một tỷ dụ bằng vào câu
chuyện giữa hai anh em tôi. Khi tôi không
thể viết được.

Hè trước. Thắng em nhớn nhưng lười học
và vụng nghề nhủ tôi :

— Anh đi thuyền với em cho vui đi, năm
mãi nhà buồn chết !

Thì ra tôi đã sống trong sự buồn tẻ lâu lắm
rồi. Thực là một hiện trạng đáng buồn. Tôi
cũng buồn lắm nhưng làm thế nào được. Tay
đau ; vết thương còn chưa hàn khép. Trước
kia tôi thường giận và gắt em là biếng nhác.
Hôm ấy, tôi động lòng thương em và lại cho

minh là không phải với cái thái độ quá nghiêm khắc trước. Cái lưỡi của tôi bây giờ mềm yếu đến nỗi thẳng em vốn lưỡi phải kêu lên.

— Thôi em cứ đi chơi cho vui. Anh có đi với em cũng chỉ thêm vô ích. Anh ngồi thuyền yên như phỗng thì thà nằm nhà còn hơn.

— Để mai kia, anh khỏi hẳn rồi anh em mình sẽ vào Sầm-Sơn. Tha hồ mà bơi tắm !

— Anh nói dối em, anh còn bơi thế nào được nữa.

— Không em cứ yên trí rồi em xem.

Em tôi vốn biết tính tôi nên không nói gì nữa. Còn tôi, tôi vốn cứ tin tưởng vào ngày mai, nên đã an ủi em tôi một câu lieun như vậy mà không kém về yêu đời ! Thật vậy, ngay ngày hôm sau tôi thử đem tay đau ra dùng. Tôi bắt đầu tập cầm bút. Tôi tập viết bằng một lối riêng : a, b, c, khó nhọc y như một trẻ mới vào học lớp bé. Nhờ cố gắng tôi đã vượt được đau đớn, rã rời. Tôi viết, viết Máu như trào lên những dấu ngón tay đã khô héo co quắp. Rồi tôi lại viết được. Và một hôm tốt giờ như hôm nay, lòng đầy phấn khởi vì say sưa với một điệu nhạc rất hùng dũng, điệu sống, tôi lay em tôi dậy rất sớm. Tôi vịn tay đau lên vai em tôi, vui vẻ thấy đó là một cái vai rắn chắc và mạnh mẽ, tôi dịu

em tôi đi xa ra ngoài cánh đồng rộng và bao :
— Anh mạnh rồi, anh không muốn sống
trong ý lại mãi. Anh phải trở lại với hoạt
động.

Gặp một ông cụ già khom khom chống gậy
từ làng bên đi đến, tôi nghĩ đến thấy tôi thì
một luồng máu quật cường bỗng như tràn
ngập cả cơ thể tôi. Tôi cương quyết nói :

— Người già yếu thì phải nghỉ ngơi để đợi
chết. Người trẻ mà sống yên vị một chỗ, mới
có 30 tuổi đầu đã đợi chết hay sao ?

Và tôi lại làm báo. Lấy cây viết làm khi giới
giải thoát !

HOÀNG HOÀ

Số báo Hè ấy đã chứng tỏ một cố gắng mới
mẻ. Xem nó, tôi liền nghĩ đến số báo tại
bản đầu tiên, loại mới ra ngày 18 Juillet
1942. Nghĩ đến lá đơn tôi xin gia hạn đình
bản báo năm trước. Nghĩ cả đến số báo không
bán ra ngoài, ra trước số 18 Juillet ba tháng và
chỉ in mất có mười đồng bạc tại nhà in Lê
Cường, gọi là cho có đủ lệ chứng tỏ việc báo
còn sống. Nhưng một hôm thần may mắn đã
đến gõ cửa, hoặc thần tình quái tùy theo ý

bạn đọc ! Tôi muốn nói việc ông Lê-ngọc-Vũ
cây bạn Nguyễn-ngọc-Đĩnh tìm tôi để bàn câu
chuyện lại ra báo. Nói đến báo, tôi lại xót xa
dứa con tinh thần đã phải bỏ chợ của tôi hay
là tờ Thông Tin đã dính liú ít nhiều máu đào.
Sau nhiều ngày bàn bạc, ông Vũ ưng bỏ ra 500\$
để tái bản báo ; nhưng rồi ông chỉ bỏ ra dần
và lại muốn lợi dụng ngay cái phép báo của
tôi. Nghĩa là tờ báo Thông Tin tam ra mỗi chủ
nhật và mỗi tuần lễ thì ông Vũ cũng tự ra riêng
một bản in dùng vào việc bán thuốc của ông
nhân đề Thông Tin y-học. Thành ra chính là
ông cần thuê cái phép báo của tôi, mà lấy lý
như trong hợp đồng thì ông lại là người chung
phần. Báo ra số đầu chỉ có hai trang. Những
trẻ em bán báo vẫn nhớ đến Thông Tin
nên lại cử anh Lộc đứng giữ việc phát hành
tờ Thông Tin loại mới cũng như tờ Thông Tin
hằng ngày khi xưa. Lộc không viết báo nhưng
anh là người hiền biết cái nguyện vọng của
quần chúng phổ phườn. Anh thật có tâm
hồn một người làm báo...

Với số tiền ít ỏi, tôi đã can đảm cho in gấp
trang ngày kỳ báo tới, rồi cứ giữ nguyên được

VIẾT BÁO CỦA HOÀNG CỬ 55

mực thường ấy cho đến ngày nay, chẳng khỏi
thỉnh thoảng ra những số đặc biệt sáu trang,
tám trang, mười hai trang, lại cả những số
Tết, số Hè dày trên dưới bốn mươi trang.
Báo in số đầu từ hai nghìn rưỡi thụt xuống
nghìn rưỡi đọc giả khí ra đến số 4 lại từ từ lên
dần cho đến 12.000 mỗi kỳ. Nhưng còn bao
nhiều chuyện sững sốt, ly kỳ, vào sinh ra tử
khác mà tôi chưa tiện nói ra đây...

Tôi lại cần nhắc một lần nữa dù rằng từ khi
ra những số báo từ hai hay năm chục đồng
cho đến khi ra nổi những số báo hàng nghìn,
hàng vạn đồng, lúc nào tôi cũng sống cái đời
xềnh xoàng của một nhà phóng viên bình dân.
lấy cố gắng làm vui, và dám trông thẳng nguy
hiểm trước mắt. Tôi vẫn nghèo. Tôi hy vọng
mai sau còn làm được hơn nhiều. Tôi thành
thực biết ơn những bạn đi trước đã làm cho
nghề báo được có cái tiền đồ vinh diệu. Tôi
đã học được những anh cả trong nghề nhiều
điều đã giúp ích cho con đường làm báo của
tôi. Muốn gây dựng một việc gì to tát, ta phải
luôn luôn ôn lại những bài học quá khứ. Lịch
sử quốc gia ảnh hưởng đến cá nhân thì lịch
trình tiến hóa của báo giới phải ảnh hưởng
đến nhân cách của người làm báo. Nếu có
trường hợp nào làm tôi phải ngẫm nghĩ trong

im lặng rồi mới hành động mà biếng viết, biếng làm, thì xin bạn đọc hãy tha thứ và yên trí cho rằng tôi đã vì tình kỷ nên không vội vàng. Lạn-Tương-Như xưa kia không cố chấp Liêm-Pha cũng là vì nghĩ đến lẽ mạnh của quốc gia, mà cây có cần gì rơ lá vội giữa một mùa thu chết. Hãy đợi mùa xuân và nắng ấm và nhựa sống mới của một nguồn sinh lực chỉ nảy nở trong khoáng vắng, trong gió lạnh.

HOÀNG CỪ

Aout 1944

in hàng rồi một nhân động mà điếng viết.
lên tay làm, thì xin ban học bầy thì từ và yên
thì cho rằng tôi đã vì nhà kỷ nên không với
vàng. Lan-Trang-Như xưa kia không có chấp
Lâm-Phe cũng là vì nghĩ đến là mạnh của
quốc gia, mà cây có cần gì ra là với giữa
một mùa (tho chốt). Hãy đợi mùa xuân và nắng
ấm và nhưa sống mới của một nguồn sinh lực
chỉ này nó trong khoảng đáng, trong gió lành.

HOANG CU
Aout 1944

VIỆT BÁO CỦA HOANG CU, 57

BA TRANG SỔ CỬ



UA Khúc-Phụ, Nam -
Huân rồi Lạch-Trương,
con thuyền rời bờ cửa
Hội đã ngót nửa ngày
với một đêm đang lao
mũi ra ngoài đại-
dương bằng sức mạnh

của cả ba cánh buồm đầy ngập gió.

Trên mũi thuyền, khách đã thấy rộng tầm
nhìn, thoát hẳn cảnh phẳng lặng hẹp hòi của
giòng sông Mã!

Giữa những đợt sóng muôn trùng ào ào xô
cuốn như tiếng mãnh tiễn của cả thiên binh
vạn mã, chiếc thuyền lìm chộ nổi hơn trăm

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 59

phiến hoành lim « vượt vời » lúc đó chỉ bập
bênh mỏng mảnh không hơn một chiếc
lá tre khô.

Người thuyền-trưởng lúc này đã thức giấc ;
từ lúc bỏ bãi biển Sầm-Sơn ra cửa Hới xuống
thuyền chiều hôm trước, cũng mãi lúc này
khách mới biết chủ thuyền bị mù tật, hai mắt
tuy trũng trũng mở, nhưng cả hai cùng lòa.

Ngồi xếp bằng tròn trên tầng sập cao nhất
trong thuyền, trước mặt luôn luôn có chiếc
điều ống khám xà-cừ, thuyền trưởng — chủ
nhân — nhìn qua khoang trong hình vòng
cung của chiếc mũi hông ra phía chân trời
mặt nước xa xa, nhưng để chẳng nhìn thấy gì
ngoài những ảo ảnh của cả một đời đen tối
âm u, ngoài những cảnh mung lung của mấy
cuộc thăng trầm trong nhân thế.

Theo lời một người hóp trong đoàn thủy thủ
thuật lại lúc thuyền qua bến Nam-Huân,
thuyền trưởng tuy ít truyện trò nhưng thích
uống rượu, đọc thơ, giọng cao ngâm trên giải
trường giang thường vang ngân có khi như
muốn lẫn át cả tiếng ùa reo của gió cao, sóng
gã.

Trong cuộc đời bênh bồng trôi nổi với một
người vợ lam lũ đau tật mắt tối suốt ngày và
một đứa con trai còn nhỏ, thơ với rượu đã

60 VIẾT BÁO CỦA TAM LANG

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG

— Cả đêm qua tôi chỉ chợp mắt được chợp
làm người ấy bằng quên tất cả giữa cái tuổi đã
50 có dư.

— Hôm nay lại động bễ, chưa can hồ nào
mà tôi đã thấy lao đao như say rượu, lái công
hắn vất vả, nhưng phải vững tay lái cho.

Vừa kéo hết một hơi thuốc lá rồi nhả khói
như người thổi hỏa mù, lái công quỳ gối dưới
sạp thuyền ngẩng mặt nhìn thuyền-trưởng
bằng hai con mắt lơ đãng như không để ý đến
tiếng kêu rên của chiếc trụ lái bằng cả một
khúc gỗ lớn bóng lì hết được buong lỏng lại
bị lôi giữ, đang quẩn quại trong tay người tài
phụ.

Thấy không ai trả lời câu hỏi của mình,
người thuyền trưởng cũng lặng thinh, ngồi
ngâm nghĩ.

Rồi như chợt nhớ đến người khách lạ cùng
đạp thuyền ra Nam chuyển đò, ông ta quơ tay
vội tìm tiếng nước và hỏi một câu bằng quơ :

— Mìnă đặng trí cũng quên bằng mất. Còn
ông khách đáp cửa. Hơi chiều hôm trước,
chẳng biết đã đầy chưa ?

Sạp thuyền bên, khách lúc này vừa bắt hết
mỗi lửa của một que diêm trong khoang
thuyền ánh sáng lơ mờ vừa nói qua chiếc ống
điếu cần chắt giữa hai hàm răng lấp đầy thuốc
lá :

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 61

— Cả đêm qua tôi chỉ chợp mắt được chừng một tiếng đồng hồ, có lẽ vì lạ chỗ.

— Còn tôi, từ trước lúc ông xuống thuyền, rượu say, tôi đã ngủ được một giấc ngon quá ; rượu chè hư thân mất nết, ông cũng rộng tha lỗi cho.

Chủ thuyền rót nước, hướng về phía khách ngồi, mời uống, nhưng lúc nhận thấy tích nước đã cạn, liền quơ tay đập gọi thằng con bé thức dậy nấu nước pha trà.

— Thưa ông, chúng ta vượt vơi ít nhất cũng phải mất năm tiếng đồng hồ. Đến cửa đồn Cống cũng vào khoảng 10, 11 giờ, vừa bữa ăn trưa, nhưng đây tôi sẵn có lương khô, ta hãy cho dọn trước ra, chén đã !

Con thuyền còn lao đao trên những ngọn sóng rạt rào mà chủ khách cũng lao đao trong hai ly rượu vơi đáy của một hồ rượu gởi mua được từ Thang-Châu, Bến Ngự.

Cao hứng, chủ nhân gõ nhịp vào thành một chiếc khay gỗ, cao giọng hát một bài có lẽ để tỏ bày tâm sự cho khách nghe :

*Giương mắt chầu làm
chỉ thêm chán ngắt,
Năm mươi năm thâm
thoắt mây tang thương,
Nào bút lông, nào*

bát sắt, nào sách
vở với văn chương
Thi cóc đồ, nhẩy
sang trường Thông Ký
Cuồng phóng nan
vi cương tòa lụy
Thân tiên cao
dĩ tự do thân
Chí khuông thời khi
lăn lóc với làng văn,
Tài hữu dụng phải
chen chân vào thực tế.
Túng hữu bang
gia chi phủ quý
Chi nhân thời thế
lập công ngôn
Đã từng phen mưa vùi,
sóng vỗ, dầu cực, bể cồn.
Ra tay lái chòng cuồng
phòng cơn vị ngộ.
Nay đến tuổi thị
phi chừng đã tỏ,
Gác việc đời nâng
chén thọ cùng say.
Nước non biết
có ngày nay.

Một vì sóng, vì rượu, chủ, khách gục đầu

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 63

xuống bên khoang thuyền cùng ngủ, ngay từ sau bữa ăn trưa.

Khi hai người lần lượt bằng tỉnh dậy thì mặt sông đã nhuộm sắc chài và thuyền đã vượt đồn Cổng được hơn sáu tiếng đồng hồ, từ bề vào ngòi sau khi đã từ ngòi ra bề.

Bữa chiều hôm ấy, thuyền trưởng lại uống rượu say, lân la gặng hỏi ngọn ngành như muốn để khách kể lại cho nghe những chuyện riêng về thân thể.

— Cái đời bình bồng của tôi, thưa ông, thật ít bạn quá. Có đến 10 năm nay, trên khoang thuyền này, thật tôi chưa gặp được người nào có thể để nói được một câu tâm sự, ngoài đưa con thơ với người vợ trẻ, nhất từ khi ngộ nạn, cả hai con mắt cùng lòa.

— Thuyền ông từ Thanh ra Bắc, trước nay có lẽ chỉ xếp hàng mà không chở khách, trừ những người như tôi có tính hiếu kỳ.

— Mà trong đời sông nước của tôi, tôi cũng chỉ mới gặp có ông tuy chiếc thuyền này đã từng cầm sào trên bao bến là bờ xa trong những buổi đẹp trời cũng như trong những ngày giông tố.

— Ông có tin rằng chúng ta gặp nhau đây cũng là cùng tợng duyên số?

— Định-mệnh đã cho chúng ta có ngày gặp

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG

gỗ, thì chuyến dò dù chưa nên nghĩa, ông cũng vui lòng cho tôi được biết tâm sự và thân thể của khách qua dò.

— Đời sống của tôi bằng phẳng quá, cái sống của một trưởng giả cơm no áo đẹp ra bãi biển Sầm-Sơn nghỉ mát mỗi vụ nghỉ hè...

Rồi khách ngằn ngừ.

— Hoặc tôi cũng có vài ba câu chuyện ngộ nghĩnh thời niên thiếu có thể kể lại ông nghe, nhưng đường từ đây về bến dò Quan còn ba ngày nữa chúng ta cũng chẳng vội gì, thú thật với ông, quá vui bữa nọ sáng ngày, đến bây giờ tôi vẫn hãy còn say quá.

Như không còn cố gượng được với những cái lao đao của dẫu, khách ngả mình xuống sập thuyền cố ngủ mà không thể ngủ.

Chủ thuyền chừng không muốn nài thêm khách nữa, gọi đưa con nhỏ tìm đèn chêm lửa rồi bảo nó đọc nốt câu chuyện còn bỏ dở trước hôm thuyền rời cửa Hời ra đi.

Cũng như tâm hồn khách, bóng các đồ vật trong khoang thuyền lớn cũng chấp chờn dưới những tia sáng rung động của một ngọn đèn dầu nhỏ, dốm lửa vàng hoe...

Trước một khuôn cửa sổ mắt cáo gió lùa, thẳng bé, chừng 13, chăm chỉ cúi đọc những giòng chữ đã hoen mờ ghi trên một cuốn sổ

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 65

tay dày chừng trăm trang giấy cũ :

Trong hai năm 1919-1920, tôi sống một cuộc đời lênh đênh cơ khổ. Cơm nhiều bữa không đủ no lòng, áo mùa lạnh thường không có đủ, nhưng tôi thấy tôi như con chim non đã đủ cánh đủ lông được đến ngày là tổ, tha hồ vùng vẫy trong cánh núi cao rừng rậm đầy không khí tự do.

Một ngày cuối thu năm 1919, cùng với Trương-dinh-T., một người bạn học dẫn dắt, chúng tôi đi từ phủ Nho-Quan vào làng mừng Yên-Lạc bằng một chiếc xe bò.

Tại trường học tỉnh thành, tôi là đứa học trò lười biếng không học được gì, nhưng từ hôm bỏ Hà-nội ra đi, tôi đã trở nên một đứa bé siêng năng trong trường học bao la của vũ trụ.

Vì hàng ngày bị tiếp xúc những cảnh buồn khổ, lo thương, lại ở chỗ nước độc rừng sâu, tôi mắc bệnh sốt rét rừng và đau tim từ đó.

Ngày vài lần thổ huyết, trông vết máu đào trên mảnh khăn tay hoen ố mà tránh thương những người cùng trong máu mủ, vì mình, đã ruột héo gan khô.

Tình thương nhớ, lúc ấy đã như thúc giục
tôi phải quả quyết ra về. Về đến nhà được cha
mẹ anh em thuốc thang săn sóc, tôi cũng đỡ
bị bệnh cũ rày vò, nhưng cái bệnh ham đọc
sách và viết quốc văn của tôi đối với nhà vẫn
là một bệnh nan y mà thầy tôi là ông lang
đã chán con bệnh từ lâu, không buồn chữa
nữa.

Những trang đoản thiên tiểu thuyết tôi viết
và gửi đăng trong báo Trung-Bắc Tân-Văn sau
đấy ít lâu, vào khoảng 1920-1922 thật là những
trang đâm lẹ.

Một lần tôi đã mua được của thầy tôi và anh
tôi một phút cảm động, bằng giọng văn sâu
thăm vẫn vơ.

Tối ấy, tôi còn nhớ rõ là một tối mùa hè.

Bảy giờ vào khoảng 7 giờ, trẻ bán báo
ngoài đường đã rao bán Trung-Bắc-Tân-Văn,
mà trong số in ra hôm ấy có đăng một đoản
thiên tiểu thuyết tả cái thảm cảnh một nhà bị
hạt ở vùng quê, dưới ký tên Vũ-dinh-Chí.

Tôi mua một số báo rồi dấu đi, và tôi không
ngờ ở sở về, thầy tôi cũng đã mua một số.

Muốn lần mặt thầy tôi, tôi giả ốm vào
giường trong nằm ngủ. Nhà cũng không ai để
ý. Cơm tối xong, thầy tôi nằm bên khay đèn
thuốc phiện gọi anh tôi đến, đưa tờ báo bằng

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 67

QUÁI MẶT CỦA TAM LANG 28

còn gian khổ, bảo anh tôi bóc coi qua xem tờ báo hôm ấy có đăng những việc gì.

Coi qua một lượt, anh tôi phở với thầy tôi có đoạn thiên tiểu thuyết của tôi đăng ở trang nhì. Thầy tôi bắt anh tôi đọc đề nghe. Rồi cả nhà yên lặng ngồi chờ, như để cả ý vào « bài báo » của tôi; cho cả đến tôi, tôi cũng lắng tai nghe tuy bấy giờ tôi vẫn giả như say ngủ.

Lòng tôi lúc này đã thồn thức quá.

Tôi vui sướng đến ứa hai hàng nước mắt khi tôi thấy thầy tôi bắt anh tôi đọc lại một đoạn trong bài mà có lẽ thầy tôi cho là... viết khá, vì đoạn ấy tả cảnh một khu vườn bị tàn phá, lúc nước sông rút hết, chỉ còn trơ lại một lớp phù sa lầy đỏ, bốc hơi dưới những tia nắng gay gắt của mặt trời hè.

Lần ấy là lần thứ nhất tại tôi được nghe tiếng thầy tôi khen tôi: « Ừ, kể nó viết văn quốc ngữ tả cảnh như thế cũng có màu mè... »

Mà đến anh tôi cũng không chê: « Vâng, nó có tài viết *đoạn thiên*, trừ mấy bài của ông Phạm-duy-Tồn ra, trong Trung-Bắc-Tân-Văn, con chưa thấy có bài nào viết khá hơn của nó. »

Rồi thầy tôi và anh tôi còn nói nhiều câu nữa.

Lắng tai nghe tôi mừng rồi lại sợ, khi thấy

thầy tôi nói bằng một giọng nghiêm nghị :

— Nhưng viết tiểu thuyết chẳng phải là một nghề, nó không thể nuôi sống được nó. Lúc nào vắng thầy, còn cũng nên lấy lời ngọt mà khuyên bảo nó như thế. Đã không theo học (cho đến nơi đến chốn được thì cần nhất là phải kiếm lấy một việc làm để sau này có cái nuôi thân được đã. Giờ, bố mẹ còn thì bảo còn trông vào lưng bố mẹ. Bố mẹ già rồi phải chết, lúc ấy tất nó không thể ngồi viết mãi được tiểu thuyết như bây giờ.

Sốt đêm ấy, tôi không ngủ được, băng khuâng như một đứa trẻ bị bỏ rơi ở ngã ba đường cái, phân vân không biết nên chọn ngã nào mà đi.

Thầy tôi thì khuyên tôi không nên luyện tập quốc văn mà nhà báo thì khuyến khích tôi cứ viết quốc văn ở việc hàng ngày vẫn gửi phần báo biểu cho tôi, những tờ báo mới nguyên vừa in ở máy ra, gấp trong tấm băng cũng có những chữ in tươi :

« Trưng-Bắc-Tân-Văn, 61-63 rue du Coton.
S. G. M. Vũ-dinh-Chi... »

Rồi tôi cứ viết đoạn thiên tiểu thuyết gửi đăng trong T. B. T. V. có đến ngót 20 bài tất cả.

Rồi, một hôm kèm với tờ báo gửi biểu, tôi

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 69

ĐẠI MẬT LƯU OANH THIV OY

còn nhận được của tòa báo cả một phong thư
Bức thư ấy, chữ ông Nguyễn-văn-Luân viết
mà ông Luân thì làm quản lý báo T. B. T. V.
hồi bấy giờ.

Trong một tờ Mémô, ông Luân hẹn ngày
mời tôi đến báo quán chơi, hứa cho tôi một
việc làm trong tòa báo ông đứng quyền quản
lý.

Bức thư ấy đã được tôi giữ kỹ trong người
như giữ một của quý.

Đúng ngày giờ hẹn trong thư đó, tôi đến
báo quán bấy giờ mới tam dọn lại số 77 cùng
phố, tức là nhà của ông Vũ-huy-Thanh bấy
giờ.

Ngập ngừng, trống ngực đánh như trống
trận, tôi khẽ đẩy tấm cửa sắt, bước qua một
mảnh vườn nhỏ trồng hoa.

Sau khi gõ tay, khoằm năm ngón, tôi gõ tấm
cửa « đại hội » tức cánh cửa lim chính giữa
nhà, tôi lại rút rè đứng chờ cho đến lúc bên
trong có tiếng « Entrez » đưa ra qua khe cửa.

Đẩy tấm cửa nặng, bước vào phòng, tôi
đứng giữa một tòa soạn cò vẻ oải nghiêm,
trước mặt các nhà viết báo tôi vẫn kính phục
là các ông Nguyễn-văn-Luân, Phạm-huy-Lục,
Nguyễn-đỗ-Mục mà tôi đã thuộc cả tên lại rõ
cả mặt nữa.

70 VIẾT BÁO CỦA TAM LANG

Ông Luân
ghế, rồi gọi
nói đề tài

- Vous
viết văn quố
nhé corre
Tô lang

- Th
việc của
báo là nh
làm ơn

Ông
Lan
[A
ngôi
thuy
tin

báo

th

h

h

h

h

h

h

h

Ông Luận trở bảo tôi ngồi xuống một chiếc ghế, rồi ghếch hai mắt kính, ông thùng thảng nói đề tôi biết ông cho gọi tôi đến làm gì :

— *Vous* (ông Luận gọi tôi như thế) thích viết văn quốc ngữ, chắc *vous* cũng biết qua nghề *correcteur* ?

Tôi lúng túng trả lời ông ta :

— Thưa ông, mới ở trường ra, tôi chưa biết việc của một người *correcteur* trong một nhà báo là những việc gì. Việc như thế nào, ông làm ơn chỉ bảo cho chúng tôi rõ.

Ông Luận không đáp câu tôi vừa nói đó.

Lặng thinh, ông đưa cho tôi một tờ báo *l'Avenir du Tonkin* đề ngày đó, rồi ông cầm ngòi bút chì xanh ngoặc một quãng bài luận thuyết đăng trên cột đầu trong báo và một mẫu tin *Trung-Hoa*,

— Đây, *vous* thử dịch thử ngay hai đoạn báo này rồi đưa cho tôi xem qua.

Tôi cầm bút chấm mực, lúng túng như anh thợ đục mắt cửa, và thoạt kỳ thủy, tôi dịch mẫu tin *Trung-Hoa* mà tôi cho là dễ hơn đoạn luận thuyết kia, lại chỉ có chừng mười lăm chữ.

Loay hoay, tôi hết gạc rồi lại xóa.

Dịch thoát thì tôi cũng chẳng dịch thoát được tất cả. Điều tôi còn nhớ rõ là những tên

Tưởng-giới-Thạch tôi đã đành phải đề nguyên
cả là Chang Kai Tchek vì Tưởng-giới-Thạch đã
không được tôi đề ý và biết rõ bằng Lỗ-Thư
(biệt hiệu ông Luận) và Vinh-Đỉnh (biệt hiệu
ông Lục) hồi bấy giờ.

Còn đoạn luận thuyết kia?

Đến đây mới thật rày rả. Nhan đề bài luận
thuyết: *Les attractions cynégétiques en In-*
dochine thì chữ *cynégétiques* cố nhiên là tôi
phải tra. Thế là mới lần đầu, tôi đã phải dùng
quển từ vị rồi, mà cũng may trên bàn ông
Luận bấy giờ lại có cuốn « *Petit Larousse*
illustré ! » đủ cả... 24 chữ!

Tra nghĩa chữ ấy rồi tôi còn phải tra nghĩa
nhiều chữ khác nữa.

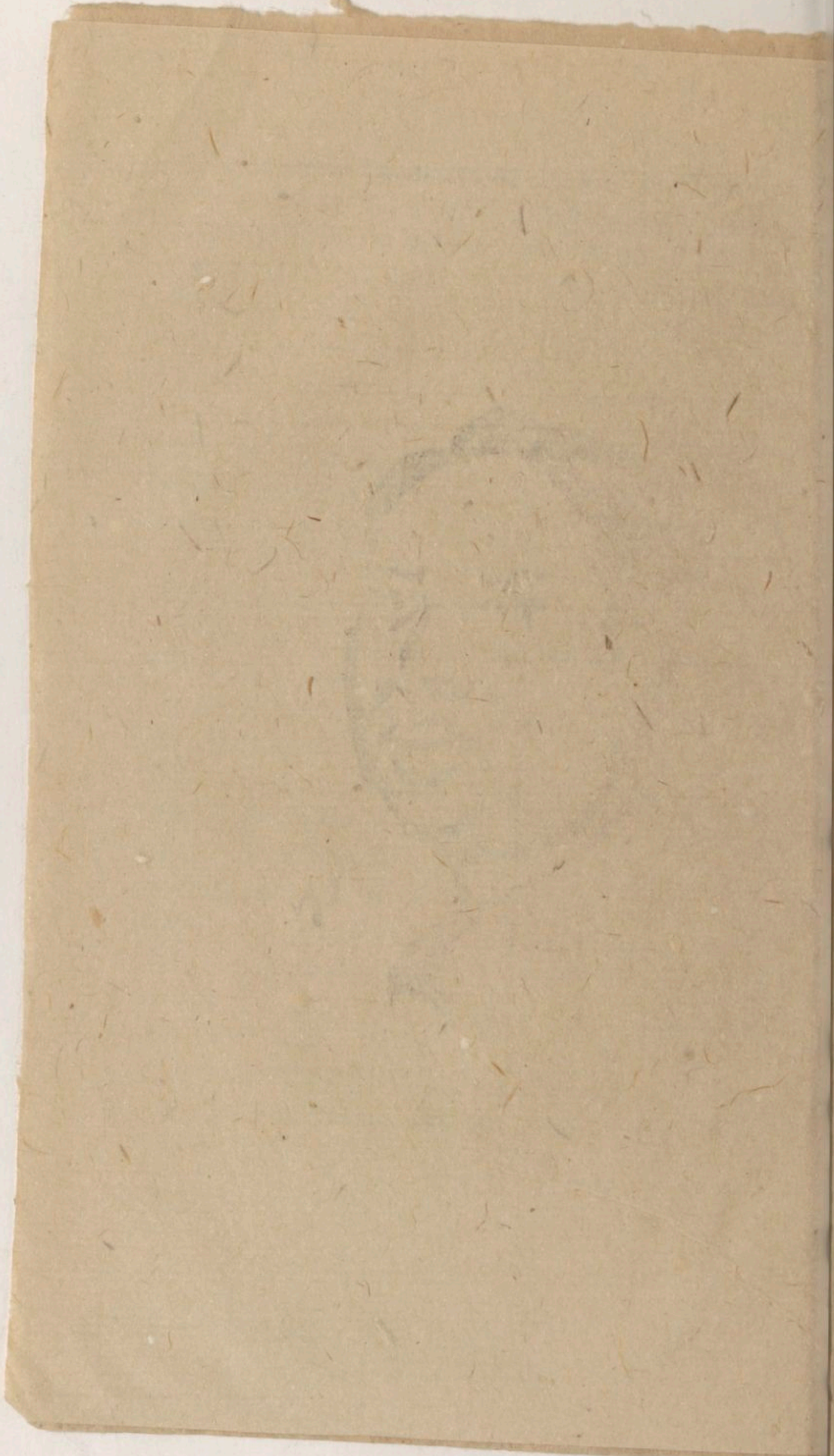
Bài luận ấy khó dịch ra quốc ngữ quá, mà
lẽ tất nhiên là phải dịch ra... quốc ngữ. Rồi
tôi cứ phân nản thăm là ông Luận đã không
biết người biết của, muốn rõ... « tại » tôi, sao
ông không bắt tôi phải ngồi trước mặt ông
viết ngay *đoản thiên tiểu thuyết* thử, tôi, một
người ông Luận đã rõ: chỉ là một... *đoản thiên*
tiểu thuyết gia!

Sau đấy một hôm, cái mần tin *Trung-Hoa*
tôi dịch, ông Luận có sửa qua loa mấy chữ rồi
cho đăng trên báo *Trung-Bắc*, nhưng sau đấy
một, hai, ba tháng, tôi vẫn chẳng được ông

72 VIẾT BÁO CỦA TAM LANG



三



cho lấy một chân làm... ông Cò (*correcteur*).

Giữa độ ấy có kỳ thi thư ký sở hỏa xa. Thầy tôi lấy cớ tôi đã không đủ tư-cách làm một ông cò, thì phải đi ra làm... ông ký.

Tôi thi đỗ ký ga, nhưng nhất định không chịu làm ký ga, để lại trốn bỏ nhà « phiêu lưu » một độ.

Tôi thôi viết đoản-thiên tiểu-thuyết cho T. B. T. V. cũng từ đó.

Rồi; đem hết thời giờ trốn tránh tại một nhà bạn học cũ, tôi đã viết cuốn xã-hội tiểu-thuyết « Nỗi khổ lòng » dày hơn 250 trang giấy viết của học trò.

Cuốn tiểu thuyết dài ấy là cuốn tôi viết lần thứ nhất, được nhiều bạn thân đòi xem thì có, nhưng đăng báo hay xuất bản thì chưa.

Tôi không gởi nó cho báo nào, vì cái văn phẩm thứ nhất tôi công phu thai nghén để ra, tôi muốn in thành sách dù trong túi lúc đó không có lấy một xu, và cũng vì thế nên tôi đã thân đưa nó đến *Ich-Hữu thư-xã* đề nhờ hội văn ấy giúp cho ra đời hộ.

Sách đề ngâm trong ba tháng trời, không nói là thuận in hay không, ông chủ nhiệm thư-xã ấy đợi tôi phải đến tận nhà hỏi xin, mới chịu lục ra đưa trả.

Tôi có tới hai bản thảo cuốn đó, một bản

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 73

ráp và một bản chép lại sạch sẽ, nhưng không giữ lại được bản nào cả ; các bạn thân của tôi hẳn hết đã mượn đọc nó, khỏi tay người này đến tay người nọ, sau tôi cũng không còn biết nó lạc vào đâu mất và mất từ bao giờ.

Tiểu thuyết « *Nỗi khổ lòng* » tả sự tàn ác của một người mẹ ghẻ đang tâm đầu độc chồng rồi bày mưu chiếm hết tài sản của con chồng, một thiếu nữ sớm mồ côi cả cha lẫn mẹ, còn đang trong tuổi ngây thơ. Nhưng cái nảo của câu chuyện là phô bày tình thương xót cực mang của người vú già — một bang người vẫn bị xã-hội khinh bỉ một cách bất công — đối với con chủ nhà khi thất thế.

Chuyện chỉ có thế mà tôi cũng chỉ còn nhớ phảng phất được đoạn kết có mấy chữ : ...
« *thôi từ đây mà đi, mảnh tịch dương, vắng tà nguyệt, hỏi bao soi thấy bóng người năm xưa !* »

Khách nằm như ngủ từ lúc nấy, đến đây không còn cố gượng nằm yên được nữa, vùng ngồi dậy, ngó qua vai thẳng bé, nhìn vào trang giấy, nhưng lại lặng yên nằm xuống trước cặp mắt chủ thuyền vẫn mở trơ trơ.

Như bố nó, thằng bé cũng không biết gì, vẫn đọc một cách ham mê, chẳng để ý đến những việc xảy ra quanh nó...

. . .

Tiểu thuyết « *Nỗi khổ lòng* » không được in ra, tôi đã chán việc văn chương báo chí. Chợt có hai người *bạn không quen biết* — nói theo kiểu Tản-Đà thi sĩ — đến nhóm lại cho tôi mở lửa lòng đã gần bị rập tắt lúc bấy giờ.

Hai người ấy là Tương-Phổ và Song-Khê, học sinh trường nữ Sư phạm và trường nữ học hàng Bài, người thứ nhất thi sau đây nổi tiếng về bài « *Giọt lệ thu* » mà người thứ hai cũng được làng văn « văn kỳ thanh » về mấy câu thơ gợi đùa rau sắng cho thi sĩ Tản-Đà trên ba chữ tên ký : Đỗ Tang-Nữ.

Tương-Phổ với Song-Khê là hai chị em, tính nết nhu mì, lại cùng ham chuộng quốc văn, nhất lối văn sâu cảm văn vợ nó có ảnh hưởng đến cái tâm cảnh không thường của hai người trong hồi đó.

Chúng tôi quen biết nhau tại một nhà bạn trên tầng gác thượng nhà số I phố hàng Trống, trong một cuộc họp mặt bất ngờ.

Tương-Phổ ngày ấy đã là một quả phụ, vì

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 75

chuyện tình duyên trắc trở giữa lúc mái tóc còn xanh nên thường hay đọc những áng văn đắm lệ như Tuyết-hồng lệ-sử. Rồi nhân đó, nghĩ mình là Lê-Anh, người quả phụ nhân sâu đó vẫn chưa biết ai là Mộng-Hà.

Còn Song-Khê thì chỉ là một cô nữ học sinh ngây thơ, thấy chị buồn thì cũng buồn, vì chịu ảnh hưởng sâu xa của chị.

Chúng tôi quen biết nhau, rồi yêu mến nhau bằng thứ tình yêu đắm thắm thật thà của anh đối với em, của em đối với chị.

Tôi nói *chị em* như thế, vì tôi coi Trương-Phổ như một người chị rất đáng yêu quý và coi Song-Khê như một em gái bé, cái cơ tôi phân biệt như thế là ở chỗ tuổi tôi còn kém tuổi Trương-Phổ và hơn tuổi Song-Khê.

Trên con đường văn nghiệp, hai người bạn văn ấy chính là hai cái mốc đánh dấu cho tôi những bước đã qua.

Qua những bước chông gai rồi, tôi còn lấy hai người làm cái đích đặt xa để găng gỏi hơn lên nữa.

Bước đầu vào làng báo Bắc-kỳ của tôi cũng nhắm vào hồi đó.

Ngày với tháng, tôi không nhớ rõ, chỉ nhớ vào khoảng đầu 1923.

Bấy giờ *Thực Nghiệp Dân Báo* do ông Bùi-

Đình-Tá làm chủ-bút, nhưng người cầm đầu bộ biên tập lại là ông cử-nhân Mai-Đặng-Đệ, mà tòa báo thì ở nhà số 43 phố Bờ Hồ.

Nghĩ viết đoản-thiên tiền-thuyết cho báo Trung-Bắc-Tân-Văn, tôi thay bút viết « cung phụng » những bài thời đàm cho *Thực-Nghiệp Dân Báo*, ký tên tắt Ông Viễn-kính là Ô. V. K. và được ông cử Mai-Đặng-Đệ rất đề ý.

Nhân đây, xảy ra một cuộc đấu bút cón con giữa tôi với Nguyễn-Đình-Tường sinh-viên trường cao-đẳng Thương-mại, hồi ấy cũng ở ngoài viết cho *Thực-Nghiệp Dân Báo*.

Tôi toàn thắng trong cuộc « bút chiến » đó, lại gặp lúc ông cử Nguyễn-thượng-Huyền thôi giúp việc trong bộ biên tập của ông Bùi-đình-Tá, mà tôi thì được ông Mai-Đặng-Đệ nhắc luôn đến tên họ, nên nhân thế, bạn tôi là ông giáo Nam-hương Bùi-Huy-Cường, độ ấy soạn thơ ngụ-ngôn cho báo *Thực-Nghiệp*, đã tiến cử tôi với ông Cử Đệ, thế là tôi nghiệm nhiên đã chiếm một ghế biên-tập trong báo quán phố Bờ-Hồ.

Ngày mới vào viết báo, tôi đã được ông chủ bút giao cho làm những việc gì ?

Viết thời đàm, viết tiền thuyết, làm thơ ? Không ! Ngày hai buổi, tôi chỉ cầm cúi dịch những tin *xe cán, lạc con, bội tín*, của anh

ro-bot-te (reporter) Ngô-Văn-Mậu (sau làm chủ-nhiệm tờ Dân-Bác) nhất của sở Cầm đem về ; cũng có hôm thì tôi thay chân anh chàng *ro-bot-te* họ Ngô đi làm *ro-bot-ta*, mà làm *ro-bot-ta* bấy giờ là chạy nhong cả ngày ngoài đường, hết Sen-dầm đến Cầm-cò, chỉ luồn lọt xin năm ba bản *lập-bó* (rapport) với bộ điều khúm-núm rút rè trong bộ áo khăn tổng-lý.

Thấy tôi dịch đúng những tin sở Cầm và Sen-dầm không đến nỗi lắm : người cán phải xe, ông điền chủ *bội-tín* ông cu-li, nên *quan cai-trị* (chúng tôi gọi đùa chữ Administrateur của báo hồi đó là ông Nguyễn-bà-Chính) đã cho tôi là bậc *kỳ-tải* để giao cho tôi cả một tập luật ngân hàng (hồi ấy nhà Banque Industrielle de Chine đăng quảng-cáo trong báo, đổi tên) và bảo tôi cố dịch cho đúng nghĩa.

Tôi đã loạn óc với bộ Pháp-Hoa tự-diễn và những chữ : *hội đoái, thanh toán, giao-dịch, tiên-tệ*, rồi còn có những chữ trong tự diễn không có ; bấy giờ tôi mới bắt đầu hối hận sao trước kia tôi không theo học khoa kinh-tế, nhưng hối thì cũng đã quá, nên tôi đành thay những chữ không dịch được bằng những giọng... chấm chấm để cho Chủ-nhiệm, Quản-lý, *quan Cai-trị* và Chủ bút *điền* giúp vào cho.

Nhưng tất cả những ông ấy cũng chẳng thêm gì vào những giòng chữ ấy, rồi, những bản tôi dịch, dịch nguyên văn tử tế, các ông không hiểu, nên hạ bút gạc luôn đi.

Gạc đi, nghĩa là không thêm gì, rồi bản dịch của tôi, sau một hồi bị bỏ hàng góc trang, nửa trang, hàng... cả tờ, lại bị cái hình phạt cuối cùng là vào tay mấy ông thợ *com-bô* (*compositeur*) để các ông xếp chữ, lên khuôn, in ra, rồi để... *chư độc giả nhân lâm* ngay hôm đó. Việc thế rồi cũng xong! Thần tình nhất là từ *chư độc giả* đến ông chủ ngân hàng không một ai kêu thiếu hay thừa, không một ai đòi cải chính hay bổ chính cả. — Tôi mới biết cái thuật dịch bài đăng báo từ đó. Rồi cũng từ đó ở *Thực-Nghiệp Dân-Báo*, tôi đã trở nên một dịch giả, lại là một dịch giả trọng yếu vì lương tôi được những 25p 00 một tháng, gần gấp hai lương cũ, lúc còn ở chức *ro-bô-t-te*.

Chính tôi là *chính danh dịch giả* đã dịch những bài báo *Argus* về vụ Đinh-Quang-Chiêu Tri phủ Yên-thế, nhưng đã chơi cái ngón gian lận là không cho các bạn đọc yêu quý biết những bài ấy tôi dịch ở đâu ra.

Thực-Nghiệp Dân-Báo với những bài dịch *tra thêm mắt mũi* ấy, vut bán hơn lên hàng

ngàn tờ, làm ông Mai-Du-Lân luôn mấy hôm mất hẳn cái vẻ nhăn nhó mọi khi, vì ở báo quán Bờ-Hồ, ông Mai-Du-Lân hồi ấy cũng là một... *quan cai trị*.

Cách đây ít'lâu, vì một bài *Hà-Thành thời đàm* tôi viết đưa cột một sinh viên trường Cao đẳng bị tình nhân thiến lúc ngủ say mà một đám đông sinh viên Cao-đẳng làm biểu tình đến tận báo-quán chắt vắn ông Bùi-Đình-Tá.

Ngày ấy, những việc như thế, hiếm có. Là một nhà đạo đức ưa yên tĩnh, ông Tá lấy thế làm không vừa ý.

Chán việc dịch tin sở Sen-Đăm, sở Cẩm và lược dịch những *chuyện lạ thế giới* lấy trong các báo chữ Pháp, một ngày về mùa hè 1924, tôi liệng cán viết, bỏ tòa báo ra đi.

Cuộc đi ấy lại không « *ôn-hòa* » Tôi đứng hô hào việc đòi tăng lương ; rồi, chẳng được ông Mai-Du-Lân theo đúng lời yêu cầu, tôi cố động luôn cuộc *tổng bãi công* nhưng không thắng cả.

Ngày ấy, tòa soạn báo *Thực-Nghiệp* có 5 người thì hai người đã là *chân tay* của ông Mai-Du-Lân vì ông Thu-Sơn Nguyễn-Nhân-Từ là người giúp việc trung thành của họ Mai, mà ông Cử Mai-Đặng-Đệ thì lại là chú ông Mai-du-Lân, lúc ấy đã lên làm quản-lý.

Cũng quảng bút ra đi, ngày ấy chỉ có tôi, ông Phùng-Bảo-Thạch, ông Huyện Nguyễn-Hiến-Tiến, nhưng chúng tôi đã lấy làm vui lòng ở chỗ bọn bãi công vẫn chiếm... đa số, tuy chúng tôi chỉ lẻ ba.

Tháng Juillet năm ấy, Phùng-Bảo-Thạch, tôi với Phan-Ninh — một người bạn ngoài cuộc — trốn xuống *làm heo* (1) dưới chiếc tàu biển *Onéroque* vào Nam-kỳ.

Chúng tôi mất có mười đồng bạc cho một người *boy* tàu mà chúng tôi đã điều đình trước tại Hải-phòng trong ngõ đường hẻm *Chai-Chè* để nhờ người ấy tìm cho một chỗ nấp dưới hầm tàu khi tàu *cập bên* và *nhá bờ*, nghĩa là những lúc có viên kiểm soát trên tàu đi soát vé.

Số 10p. ấy là tiền tôi bán một hộ khuy vàng tôi vẫn đeo thường ngày, mà có.

Tiền lương tháng thôi việc, chúng tôi đã đem gởi chị em dưới *Hầm bồn gian* cả, chỉ còn giữ lại đúng 5p. để mua vé xe lửa xuống Cảng và dự bị tiêu dùng lúc mới bước chân lên cửa hê Nam-kỳ.

Cuộc đi ấy, thật ra cũng chẳng có mục đích gì.

1) Tiếng của anh em làm tàu chỉ những khách đáp tàu không có vé.

Chúng tôi đi là đi, vì không đi cũng bị nguy với chủ nợ lúc này còn có quyền xin câu thúc thân thể khách nợ.

Gặp chúng tôi một sớm lang thang trên *Bên Nhà Rông*, một đại thương gia Bắc-kỳ cũng quen biết tên họ chúng tôi, đã hỏi chúng tôi :

— Vào đây, các ngài cũng làm báo chứ ?

Tôi nghĩ bụng, cũng làm báo, nhưng là... báo hại một ông tên là Thục mà chúng tôi chưa từng quen biết, hồi ấy làm thợ xếp chữ tại nhà in Nguyễn-Văn-Cửa, mà nhà riêng thì ở cách Saigon có đến 5 cây số, tức là mãi tận xóm Trường-Hoa.

Nguyên hôm tàu *Orénoque* mới cập bến Saigon, thấy chúng tôi là những người đồng hương đứng ngã ba đường hỏi dò thăm phố, ông ta có bụng tốt, đã mời chúng tôi về tạm trọ ở nhà.

Nhà nghèo, thấy chúng tôi nói thật không có tiền đặt trước, ông ta cũng vui lòng đem ít đồ vàng dành được, cầm đi để ngày ngày chúng tôi đủ sức cước bộ hàng chục cây số từ Trường-Hoa đến phố Catinat kiếm chỗ làm, tối đến, lại từ các phố Saigon cước bộ về để nghe mấy ông Saigon hiến sự *chửi* vào tận mặt mà gọi cả bọn *Sư*, vì ngoài bọn *Sư* ra, bộ áo chúng chỉ để dùng riêng cho mấy ông

Hội-dồng là những người danh giá trong đó.

Thường ngày, Phan-Ninh đến tìm việc tại một sở mạch việc mở giữa đường Bonard, mà Phùng-Bảo-Thạch với tôi thì vào Thư-viện lục xem báo tây để về viết thời bình, gởi «ra mắt» bộ biên tập báo *Lục Tỉnh Tân Văn* của ông Huyện Cửa.

Nhưng, chúng tôi đã chẳng phải là những người tốt số. Rồi, không còn hi vọng về nghề làm báo nữa, tôi sẵn sức khỏe, đành quay làm thợ ủi (thợ giặt là) cho những bạn ở cùng quanh chỗ, và Phan-Ninh (lúc đó đã đậu kỳ thi vào tòa Xã-Tây Chợ-Lớn), nghiêm nhiên là một thầy *thư ký* để kiếm ít tiền trang trải món nợ cơm trọ — rồi cùng với Phùng-Bảo-Thạch, tìm đường ra kiếm việc ngoài Ba-Ngòi lúc ấy còn là một bãi bể con hẻm lánh thuộc nam-bộ Trung-kỳ.

Phùng-Bảo-Thạch với tôi chỉ còn vừa đúng 5p 00 khi ở Saigon bước chân đi.

Nơi là ở Saigon, mà thật ra chúng tôi không được uống nước máy của Saigon vì phải dùng toàn nước giếng xóm Trường Đua, lại không được biết mùi « hủ tiếu » (một thứ quà cũng như phở ở Bắc-kỳ) vì một đồng xu giặt lưng, không có.

Lấy hai vé xe lửa hết 4p08 tại ga Saigon,

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 83

bước chân lên toa xe, những toa chở cá tanh tươi như những hàng chả cá ở ngõ Hàng-Sơn-Bắc-Hà, trong lưng chúng tôi còn vừa nắm hào lể.

Với số tiền ấy, chúng tôi cũng mua được vài ổ bánh mì (bánh tây) ăn lót dạ, nhưng dạ dày chúng tôi đều đưa cả lên tận cổ, bởi những tên ga *Song-long-song*, *Mương-man* và nhiều tên lạ nữa ở rải rác trên suốt dọc đường xe lửa phía nam Trung-kỳ.

Đáp xe lửa từ sáng sớm, hơn bốn giờ chiều hôm ấy chúng tôi mới tới ga Ngã-Ba.

Đến đây, những khách vô Ba-Ngòi phải thay xe, mà khách thay xe chiều ấy cũng chỉ có hai chúng tôi với một ông xếp tanh đi soát vé.

Ba-Ngòi lúc này là một cửa bể ở ven rừng lơ thơ có một ga xe lửa nhỏ hẹp không bằng ga xe điện Bờ-Hồ, một bungalow, vài tòa nhà trơ trọi của tây đồn-diễn, một công-quán, một nhà giây thép con với hơn chục túp lều tranh của dân đánh cá bể.

Được một người bạn theo nhà Binh vào họa đồ ở Khánh-Hòa giới thiệu, chúng tôi đến ở nhà ông Trương-Quang-Sưởng, một người Huế giữ việc coi công quán đó, rồi, lần hồi, tôi xoay nghề gõ đầu trẻ, mà Phùng-

Bảo-Thạch thì làm kế toán cho người chủ bungalow.

Chưa đầy hai tháng, người « bạn đồng hành » của tôi nhận được giấy thép của nhà ở Bắc gọi gấp về.

Tiền tàu không đủ, tôi không tiện cùng đi, đành phải ở lại một mình trong cái cảnh không thân thích, không bạn bè, ngày ngồi dạy học vài ba đứa trẻ « đỡ người, đỡ ngọm, đỡ dưới ươi », chiều đến lại kéo bộ ngót hai cây số qua rừng, ra ngồi lên mỏm đá Bạc-Đầu trông ra bể.

Việc viết tiểu-thuyết bỏ bằng đi ngót một năm trời, tôi lại kế tiếp làm từ đó.

Ba-Ngòi chính là quê đẻ ra những chuyện ngắn tôi gởi đăng trong *Nam-Phong* tạp chí dưới những nhan đề : *Chuyện một người du học sinh Việt-Nam. Ôi ! thiếu niên và Trí tiền thủ của nhà nho.*

Ngót ba tháng ở nơi góc biển ven rừng cô tịch ấy, thấy lòng lạnh quá, không viết thêm gì được nữa, tôi dành dụm đủ số tiền mua vé đáp tàu về rồi trở về Bắc hồi cuối tháng Octobre.

Lúc tàu *Brésil* cập bến Hải-Phòng linh đoàn xuống xoát hành lý của tôi, — người khách duy

nhất của tàu (1) — chỉ thấy một chiếc cặp da há mép mà không ai còn dám gọi là cái cặp da, trong chứa có vài ba cái áo nát với hơn... trăm phong thư mà một phần ba là thư của Trương Phổ.

Lần này, vì những chuyện ngán đặng trong tạp chí *Nam-Phong*, ông Mai-Đu-Lân lại cho mời tôi về làm *Thực-Nghiệp Dân Báo*, ngày ấy đã dọn về Hàng Gai, mà chủ bút vẫn là ông Cử Mai-Đặng-Đệ.

Nhưng, từ *Thực-Nghiệp*, tôi cũng lại nhảy sang *Khai-Hóa*, lại từ *Khai-Hóa* sang *Dân-Báo*, tờ báo chỉ xuất bản được hơn chục số rồi. . về



Tôi cũng « về vườn » viết cuốn chuyện dài về cảnh và người ở Huế tức là cuốn « Giọt lệ sông Hương » theo lời thuật của một vai chính trong chuyện vừa được tin người tình bị đau nặng ở Huế gửi ra.

Ngày ấy tôi chưa bước chân đến Huế lần

1) Tàu Brésil là một chiếc tàu nhỏ chỉ tải hàng suốt ven bờ Đông-Dương chạy chậm hơn các tàu lớn 4 ngày nên ít khi có khách đáp.

nào, cả độ thất bại từ Nam-kỳ. Ba-Ngôi trở ra về vì hai chuyến tôi cùng đáp tàu hể.

Những cảnh sông Hương núi Ngự tả trong chuyện đều do người bạn ấy kể, và lúc viết xong, tôi đọc cho bạn nghe thì anh đã... chịu tôi có ngòi bút « tả theo tưởng tượng » rất tài vì cảnh nào cũng đúng như truyền hình cả ».

Cuốn tiểu thuyết ấy mạo tên người soạn là Mai-Khanh, xuất bản được tập đầu vào 1928 rồi bỏ dở. Sau, ông Vũ-Đình-Long, chủ nhiệm Tân-Dân Thư-Quán mua hẳn bản quyền cuốn chuyện đó với cuốn « Đời Hoàng Oanh » của anh ruột tôi là Trương-Huyền soạn nhưng buộc tôi phải in tên tôi là soạn-giả ngoài bìa.

Cách đó ít lâu, ông Bùi-Xuân-Học nhờ tôi viết chuyện ngắn, hồi Ngọ Báo còn bán một xu.

Trước tôi nhận viết ngoài, sau về làm hẳn trong tòa soạn tờ báo buổi trưa dưới quyền ông Nguyễn-Khắc-Hanh, làm Chủ-bút kiêm Trị-sự.

Ông Hoàng-Tích-Chu ở Pháp về, cái « nội các » của ông Hanh bị lật đổ.

Tôi nhập vào bộ biên-tập mới gồm có Phùng-Bảo-Thạch, Tạ-Đình-Bính và Dương-Mầu-Ngọc; rồi được tòa soạn cử làm Tổng thư ký cho đến lúc vì một bài xã-luận phạm đến

Nho giáo. cụ Bùi-Xuân-Thành, thân sinh ông chủ báo Bùi-Xuân-Học, buộc ông Hoàng-Tích-Chu phải đứng dậy đi ra.

Mất người cầm đầu, cả tòa soạn Ngọ-Báo cùng từ chức, nhường chỗ lại cho bộ biên-tập của ông Hoàng-Hữu-Huy.

Sau đấy nửa năm, tờ tuần báo của Hoàng-Tích-Chu được phép ra, bộ biên tập cũ lại về với ông Chu, rồi vì một lẽ riêng, chúng tôi bỏ ông ta sau khi báo Đông-Tây ra được chừng bảy số.

Cuối năm 1930, bộ biên tập Ngọ-Báo do ông Hoàng-Hữu-Huy cầm đầu bị đổ.

Ông Bùi-Xuân-Học nhờ tôi đứng lập tòa soạn mới chúng tôi lại trở về Ngọ-Báo từ năm ấy cho đến cuối 1933.

Lần này tôi đem nhập cảng lối văn phóng sự vào báo giới Bắc-Kỳ.

Biết lối văn lãng mạn chẳng còn đứng vững được, tôi nhất quyết bỏ hẳn lối văn sàu cảm vắn vơ rồi viết những câu giản dị thiết thực hơn để ghi lấy những hình ảnh sinh hoạt của dân nghèo khó.

Tả những cảnh của đám bình dân, tôi không bao giờ chịu lý luận một cách trừu-tượng cả. « *Những cái mắt thầy* » đăng trong Ngọ-Báo năm 1931 là những cái thành tích của sự quan

sát tất tưng tạt về những cảnh người ta thấy
diễn ra hàng ngày trong đám binh dân.

Tôi có thể nói được : trong những bài văn
ấy, tôi đã đề tất cả tâm hồn tôi ở trong.

Rồi cho sự quan sát của mình còn chưa tận-
tường, tôi đã cầm cang xe đi kéo một đêm,
đã ăn chung ở lộn với anh em phu xe kéo
ngoài bãi Cờ-Xá-Nam, để không những chỉ
được mắt thấy mà thôi, còn được mũi ngửi,
miệng nếm những vị đắng cay trong chén
nước bát cơm của bọn người lao động.

Vấn tôi bao giờ cũng có âm-diệu êm dềm
dù là lối văn tả thực,

Bài kèn đàn, nếu không hay theo đúng
nghĩa hay của nó, nghĩa là không có những
điệu hùng tráng thì có khi nào gọi được lòng
hi-sinh cho đất nước của ba quân.

Từ ngày còn đi học cho đến lúc ra làm báo,
trừ báo chí không kể, tôi rất lười đọc sách,
nhưng đã nghiền ngẫm đọc gần hết những tác
phẩm của Victor Hugo viết bằng tản-văn.

Truyện « *Les misérables* », « *Les travailleurs
de la mer* », nhất tập « *Actes et paroles* » có
sức lôi cuốn tôi một cách mãnh liệt lạ thường

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 89

và có ảnh hưởng rất xấu xa về cuộc đời làm
báo viết văn khi tôi đã lớn.

Thấy tôi nhào càng vào bão giời xứ này lối
văn phóng-sự, nhiều bạn yên trí tôi đã đọc
nhiều Albert Londres, ông vua phóng-sự.

Sự thật, tôi chưa từng đọc hết được một tác
phẩm của một nhà văn phóng-sự đại tài nào
cả, mặc dầu bên tai, tôi luôn nghe người ta ca
tụng Albert Londres, Maryse Choisy, André
Violis, Louis Roudaud.

Từ tiểu-thuyết đến phóng-sự, tôi phải nói là
tôi đã chịu ảnh hưởng tất cả và hết thầy của
văn Victor Hugo.

Từ « Những cái... mắt thầy » tả chuyện bắt
bớ đám trẻ trèo me trèo sấu, tên ăn cắp chợ,
đến những thiên phóng-sự « Nan thất-nghiệp
tại Hải-phòng », « Máu trời chiều đất », và « Tôi
kéo xe », không bài nào tập nào không phảng
phất có những ý tưởng nhân đạo tôi thấy tràn-
ngập trong tập « Les misérables » của Victor
Hugo mà nhiều trang đã bị tôi tâm hồn lè.

Hồi tôi còn viển vông, muốn thành
một nhà văn xã-đội không như với danh người
ta phải đọc Victor Hugo và chỉ đọc Victor Hu-

go không, cũng đủ.

! Và tôi tin chắc rằng chưa có nhà văn Việt-Nam nào có thể để người đọc phải chịu ảnh-hưởng của văn mình như thế, cả từ trước đến giờ.

Tôi đã không thay đổi trong sự nghĩ và viết từ « Giọt lệ sông Hương » đến « Tôi kéo xe »

Nhiều người vẫn cho « Giọt lệ sông Hương » viết theo lối văn lãng mạn, mà « Tôi kéo xe » thì viết theo lối văn tả chân, tức là hai lối văn đã khác nhau xa, nhưng riêng tôi, tôi không thấy văn tôi có sự biến-chuyển đó.

Từ « Giọt lệ sông Hương » đến « Tôi kéo xe » lối viết của tôi lúc nào cũng thế thôi, sau đây có khác ngày trước chỉ là khác ở chỗ câu văn dãn dị và rành rẽ.

Cầm bút viết một tập truyện hay một bài văn, bao giờ tôi cũng chỉ có một ý nghĩ, nghĩa là một chủ ý : « ghi chép lên trang giấy những cái đau khổ của cái nhân loại đầy đau khổ » bằng những câu văn chải chuốt ở chỗ đúng văn pháp, không lẽ thế như lối văn cũ, mà cũng không cộc lốc như lối viết của nhiều nhà văn mới bây giờ.

Văn tôi, trước sau, vẫn có một nhịp điệu rất đều đặn như xếp đặt theo luật bằng, trắc của thơ.

VIỆT BÁO CỦA TAM LANG 91

Đọc tôi, mấy văn-hữu thân đã pha trò tặn
tôi một câu cũng đúng vài phần: « anh
viết văn đều tay như người thợ đan rồ rá! »

Thấy thẳng con bé ngừng đọc chỗ này,
người chủ thuyền rút mạnh một hơi thuốc lá,
« nuốt hết khói trong lòng chiếc diều ống kuám
xa cừ rồi ngửa mặt, ha to miệng ra, vừa thở
vừa hỏi nó :

— Thằng Thảo chừng đã buồn ngủ rồi hở ?
Mới 9, 10 giờ đã vội díp mắt lại thế! Thôi, mày
cứ cố đọc thêm một đoạn dài nữa, mai tao
cho tha hồ ngủ trưa.

Thằng bé tỉnh táo đáp :

— Nhưng, thưa bố, còn nữa đâu mà đọc;
cuốn sách đến tờ con vừa đọc hết là trang
cuối sát bìa...

— Mày chỉ nói dối, mấy lần tao cầm, thấy
lấp sách đây kia mà! Thôi, chùn khó đọc thêm
một đoạn nữa đi, rồi tao cho đi ngủ.

Thằng bé đưa cuốn sổ ra, có ý muốn phân
vua với người khách lạ đáp thuyền lúc này
còn thực và có lẽ còn tỉnh hơn nó.

Đón cầm cuốn sổ, lật xem nhanh mấy trang
rồi đưa trả sách lại thằng bé, một phút, người
ấy lặng thinh co vẻ suy nghĩ, trước khi nhận.

bực cho lời nói của thằng bé thật thà :

— Cuốn sổ này hết rồi ông a. Châu nó nói hết đây, chừng nó lại nhặt được tập ấy ở đâu hẳn, vì sổ đã rách nát và thiếu xot nhiều tờ.

— Vâng, hồi tháng hai năm nay, nhà cháu lầy thuyền ra Phú-Lý chở khách chầy hơi chửa, cháu nó nhặt được tập ấy bên một khoang thuyền quen cảm ở bến đò Yến-Vỹ.

Rồi thuyền-chủ rót nước mời khách dùng và gọi thằng con bé chăm đóm cho ông ta hút huốc lão, không biết lần ấy là lần thứ mấy nữa :

— Tập giấy ấy, vô tình tôi vẫn cất một chỗ, mãi hôm vừa đây, chẳng biết cháu nó lần mò hế nào lại lục thấy đem ra ghêu ngao đọc, nhân thấy câu chuyện lý thú, hôm nay tôi mới lại bảo cháu đọc tiếp cho nghe,

Uống hết một hớp nước, chủ thuyền lại nói tiếp :

— Vũ-Đình-Chí là một nhà văn được tôi ưa đọc, nhất hồi còn Ngọ-Báo, năm tôi chưa bị lừa.

— Ông cũng có biết anh ta ?

— Vâng ! Nhưng chỉ ở trên báo chí.

Khách mơ màng :

— Tôi, thì tôi được rõ anh ta nhiều, vì chúng tôi là bạn học thân với nhau từ ngày còn bé.

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 93

Chủ thuyền đề lộ về vui mừng :

— Như thế thì quý hóa quá ! Sống cái đời sông nước không bao giờ được yên chỗ, lại hai mắt bị hỏng cả, đã lâu lắm tôi không còn cái thú đọc báo, đọc sách nữa, nhưng vẫn muốn được biết cận trạng các nhà báo nhà văn mình yêu-quí; tiện đây, chặc ông không nỡ tiếc mà chẳng kể lại cho nghe.

— Tam-Lang Vũ-Đình-Chí với tôi thì như hình với bóng, thuở nhỏ, học với nhau cùng trường cùng lớp, lớn lên, lúc ra đời, lại cùng theo đuổi một nghề.

— Thế mà tôi không được rõ, xin ngài cho biết qui danh và tha lỗi cho. Gặp được các ngài, cảnh đời một phế-nhân như tôi, tôi thấy vẫn còn nhiều sinh-thú.

— Trong làng báo, tôi là một tiểu tốt vô danh không đáng kể làm gì; còn ông muốn biết trạng-thái tinh thần của bạn tôi gần đây, tôi xin kể ông nghe; và muốn biết rõ về chúng tôi, ông chỉ nghe biết cận-trạng bạn tôi, cũng đủ.

Nghề làm báo — nhất là báo hàng ngày — cái nghề nó đã nuôi sống Tam Lang hơn 20 năm nay, sự thật, cho đến bây giờ cũng chẳng lưu lại được cho anh ta một chút cảm tình nào tốt cả. Chẳng phải anh ta đã thất vọng về nó

mà phụ nó. Làm báo nào, từ *Thực Nghiệp*, *Dân Báo* qua *Khai Hóa*, *Dân Báo*, *Ngộ Báo*, *Việt Báo*, *Vật Đực* đến *Con Ông*, *Tin Mới* anh ta cũng giữ những phần việc quan-trọng và được biệt đãi hơn cả. Nhưng nội tình báo chí xứ này đã làm những người thật yêu nghề làm báo phải chán nản nó, nhất những người đã đi sâu vào nghề.

Hàng ngày, chúng tôi, những người làm báo vẫn hỏi nhau : « *Hôm nay, biết viết gì ?* »

Và hàng ngày, câu hỏi ấy luôn lẫn lộn trong đầu chúng tôi như mấy viên *bi ve* có những vết thuốc xanh, đỏ, trắng, tím, vàng, đủ màu sắc sỡ.

Độc giả thì kêu âm lên : Chuyện thế giới, nhiều người đã kể và còn kể dài giòng, chúng tôi chỉ thêm nghe những chuyện cổ *mẫu bản* cũ.

Đời thật lắm chuyện còn đáng nói mà nghe.

Không nói thì viết, nhưng viết gì những hôm trời không nắng không mưa ? Thật khó ! Và khó quá !

Bề ngoài, nghề báo của xứ này coi có vẻ tiến bộ nhiều, vì có nhiều báo xuất bản và nhiều người phụng sự nó. Nhưng nếu lấy nội dung

mà xét và để làm thước đo lường sự tiến hóa của báo chí thì người ta sẽ thấy nó không những chẳng tiến mà còn thoái là khác nữa.

Mở những tờ báo ngày nay ra đọc để so sánh với những báo có đã từ hai ba mươi năm về trước, nếu nghiêm với mình một chút, người làm báo ngày nay sẽ thấy công việc mình làm không nghĩa lý gì.

Đó là chưa kể trong nghề còn có những con *chiến ghê*, vô tài, vô hạnh, làm những chuyện gà què ăn quần cối để bôi nhọ bôi nhọ vào nghề.

Nghề làm báo thì thế, người đọc báo, đa số, cũng không hơn gì.

Làng báo đã ngọt thở và ngọt thở nhiều quá. Vì không muốn chết ngạt giữa lúc hai lá phổi còn khỏe, anh chàng họ Vũ đã giải nghệ, cương quyết bỏ làng báo, rút áo bước đi.

Trước khi rời bỏ bộ biên tập báo Tin Mới, Tam-Lang có để lại cho ông Giám-đốc báo ấy một bức thư.

Tôi còn nhớ được đoạn cuối bức thư của

anh ta, tiện đây đọc để ông nghe cho biết tâm trạng của con người đau khổ đó:

« Tôi ngao ngán quá !

« Vì ngòi viết của tôi đã làm ông mấy lần phiền lụy, ông Ph. cũng trách mà ông Nh. cũng chê.

« Thưa ông, bài viết, quả tình tôi đã dè dặt lắm, giữ gìn hơn người ôm bó rơm khô qua đám lửa to đang bốc cháy, nghĩa là... giữ qua đến nỗi nhiều bài không còn nghĩa lý gì.

« Tôi nghĩ : việc tôi ở lại với ông lúc này đã chẳng ích gì mà còn có thiệt cho ông như tôi đã thấy rõ.

« Vậy tôi thành thật xin ông cho phép tôi được thôi giúp báo Tin Mới, mà thôi giúp Tin Mới tức là tôi giải nghệ, vì thú thật ông rõ, ở đây, tờ Tin Mới đã không thể chịu đựng được tôi nữa thì còn tờ báo nào muốn thu dụng cây viết vô tư.

« Viết báo mà dễ tàn lảo những cái mình thấy là « lỗ bịch » và có hại, là việc, trên 20 năm nay, từ ngày viết báo, tôi chưa từng làm bao giờ.

VIẾT BÁO CỦA TAM LANG 197

« Lúc này đã không thể phung sự được
nghề thì tốt hơn hết là giải nghệ.

« Tôi chắc ông cũng đã thấy sự thực tâm và
sự khổ tâm của tôi ở chỗ đó.

« Và như thế đã là đủ để tôi được yên bụng
lại về.

«

— Thưa ông, thế bỏ nghề báo, bây giờ ông
ta xoay làm nghề gì?

— Anh ta làm những... hai nghề : nghề làm
thợ, rồi có lẽ vì thấy trong hang có nhiều...
con cóc nháy ra, nên anh ta lại làm cả nghề
phá đá.

— Dù sao, đó cũng là sự bất đắc dĩ !

— Đành là bất đắc dĩ nhưng vì tất đã là bất
đắc trí vì điều đó không ai thấy lộ ra trong
bài thơ lưu biệt anh ta để lại cho các bạn đồng
nghiep cũ ; và tiện thể, tôi đọc hầu để ông
nghe :

*Gác bút phen này bạn thơ ba,
Bồn-mười-hai tuổi đã đâu già !
Thương đời, mắt đỏ chưa khô lệ,
Tức bút, tay đưa vẫn yêu đá,*

*Thưa hơi diễn thuyết bãi trường sa.
Vả trời, đâu ngại công khuôn đá !
Gắng bước theo tìm dấu Nî-ôa.*

Đêm lúc này đã khuya lắm. Trong sương
thu trắng lạnh, đèn trên bến Đỗ Quan Nam
Điền đã hiện lên bằng những đốm lửa lơ mơ.

Ngoài sông, giữa những mái chèo đều nhịp
trong mười hai cánh tay cứng chắc của bốn
hóp, con thuyền vẫn cứ lao đi như một bóng
ma, nường trong khoang, chủ khách cùng
không nói gì; mấy vần thơ như đã chong
vào cho mỗi người một bầu riêng tâm sự.

Sáng tinh sương hôm sau, thuyền ghé bến
thành Nam, khách trang xếp khoản tiền quá
giang rồi cầm tay chủ thuyền, xin phép cùng
lữ giả.

Lúc người khách lạ đã xách hành-lý đi hết
chiếc cầu ván bắc ngang từ mũi thuyền lên
lộ, chủ thuyền trao tay món tiền, cho vợ, thì
thiếp phu thấy giữa thếp dầy giấy bạc lẫn cả
một mảnh giấy trắng trên có hai chữ TAM
LANG ký rõ dưới bài ca:

*Ngôi đời ảm một trưa trên nước bạc,
Lẳng nghe ai buồn hát dài niềm riêng,
Người với mình cùng chung nỗi chuẩn
chuyền,
Khách cùng hội cùng thuyền trong bể khổ.
Lòng thiết thạch nguyện có trăng soi tỏ.
Tri kiến cương xin mượn gió chứng minh,*

VIẾT BẢO CỦA TAM LANG 99

Bèo hay mây đâu cũng kiếp phù sinh.
Chung chịu mãi cảnh bông bênh trôi nổi,
Phút lâm biệt cầm tay không tiện nói,
Bạn nghe ta nhắn hỏi đôi lời:
« Kiếp sau ta có làm người ?
« Hay làm đôi nhạn tung trời cao bay ! »

(Septembre 1144)

NGƯỜI TÌNH NHÂN QUEN... MÀ KHÔNG BIẾT



Ôi muốn khởi-dầu kể lại
ít nhiều kỷ-niệm của
một thời làm báo hằng
tuần bằng một câu
chuyện tình, dầu chỉ là
một mối tình vợ-vần
không dân, giữa hai nhà
văn... cùng giống và

cùng ưa đùa cợt. Đó là cuộc xướng họa giữa
anh Tú-Mỡ Hà-Thành và cô Phạm-thị Cả-Mốc
thành Nam trên báo Phong-Hóa thừa xưa...

Năm 1932 ! Cùng với những bạn đồng học,
trong số đó có mấy người hiện cùng theo đuổi
nghề văn như Nguyễn-xuân-Huy, Trạng-Kiều,

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CÚNG 101

Giao Chi,... chúng tôi vừa hết học-khóa ban
Thành-Chung Nam-Định thi-cử đã xong, nên
được hưởng mấy tháng nghỉ bẽ, vô tư, vô lự !
Những phố ở Nam đã ngán, nhà anh Tràng-
Kiều và nhà tôi lại ở hai phố liền nhau, nên từ
nhà tôi đến nhà anh chỉ cách nhau chừng trăm
thước. Bởi vậy, không một ngày nào mà
chúng tôi chẳng đến chơi nhà nhau, nhất là
hồi đó, chúng tôi vừa chung nhau in được một
cuốn tiểu thuyết ngắn, — cuốn. Hang Gió, dày
100 trang chữ nhỏ C. 8 và bán vừa... ba năm
mới hết.

Buổi chiều hôm ấy, vừa thấy tôi vào, Tràng-
Kiều đã vẫy tay, mà bảo :

— Nay, vào nhanh đây mà xem Tú-Mỡ trên
« Giông nước ngược » đang đợi ăn rau sống,
muốn học đòi như Tân-Đà hồi trước !

— Thực vậy, Tú-Mỡ thực tên, cũng là Hiếu
(Hỗ-Trọng) trong khi hứng bút, sức nhớ lại
Tân-Đà. Nguyễn-khắc-Hiếu trước đây chỉ vì
một bài thơ viết gửi bằng quơ mà được ăn rau
sống cũng làm một bài « muốn ăn rau sống »
gửi theo Giông nước ngược. Có lẽ bản tâm,
Tú-Mỡ cũng chỉ định đùa ngăm Hiếu mà thôi,
có ngờ đâu rằng đọc bài thơ ấy, dưới thành
Nam có hai người bạn trẻ cùng bàn tìm cách
để ghẹo lại mình !

Trước kia, Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, nhận thấy mọi người náo nức chầy hội chùa Hương mà mình vì nhiều lẽ không đi được, chợt nhớ thêm ăn rau sắng, — quả đặc biệt của chùa Hương, — hững bụt viết đăng báo bốn câu như dưới đây :

*Muốn ăn rau sắng Chùa Hương
Đồng tiền ngại tốn, con đường ngại xa
Không đi, đành ở lại nhà,
Cải dưa thì khú, cải cà thì thâm.*

Cũng tưởng làm thơ chơi như vậy mà thôi, ai ngờ mà cách ít ngày sau, thì sẽ nhận ngay được một gói do nhà bưu điện đưa lại, trong có mấy mớ rau sắng và một bài thơ :

*Này đây rau sắng chùa Hương,
Đồng tiền khỏi tốn, con đường khỏi xa,
Không đi xin gửi lại nhà,
Cho dưa khỏi khú, cho cà khỏi thâm ! (1)*

Và cũng từ đây, cảm lòng tri kỷ, thi sĩ Tân-Đà làm rất nhiều thơ nhắn nhủ. Người tình nhân quên mà không biết (2), tiếc thay, thư đi thì có, thư về thì không !

Tràng Kiều đưa tờ báo Phong-Hóa, cho tôi

(1) Hai bài thơ này không chắc nhớ đúng, vậy lẽ có nhầm sót mong các bạn lượng thứ

(2) Hình như người tặng rau sắng cho Tân-Đà, chính tên là P. T. L. một nữ trợ giao trước kia của tỉnh Thái-Bình.

xem, rồi tiếp :

— Anh chàng Tú-Mỡ này thực là vô lý, bây giờ mới tháng năm, tháng sáu ta mà đòi ăn rau sống (1) thì ai đào ra được để gửi cho chàng !

Tôi cũng cười mà bảo :

— Đã khỏe đòi ăn rau trái mùa như vậy thì để tôi gửi cho hân mấy mớ rau muống !

Ý kiến này được tán thành ngay trong khi Tràng-Kiều sai đưa ở ra Chợ Rồng mua hai mớ rau muống thì tôi ở nhà nghĩ thơ, để gửi kèm vào với món quà Nam-Định.

Tôi chợt ngừng bút mà bảo Tràng-Kiều :

— Rau muống này, tôi cứ gọi là rau muống sông Vị-Hoàng cho nó quý !

Tràng-Kiều cười gạt đầu :

— Phải cứ gọi thế cho nó nên thơ !

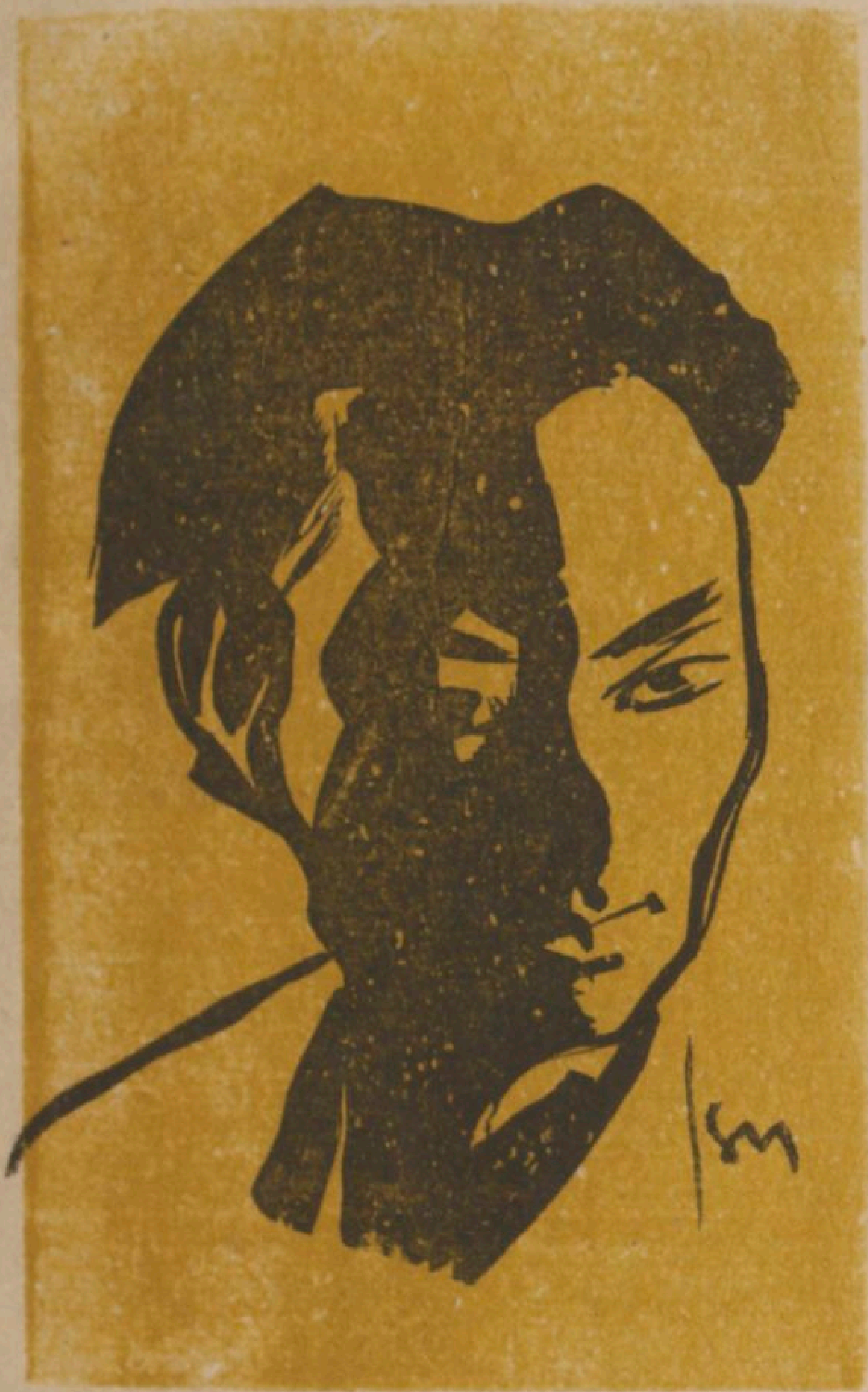
Thơ đã làm xong, tôi lại băn khoăn vì cái tên ký dưới :

— Tràng-Kiều a, bây giờ biết ký tên gì ?

— Khó gì, cứ nghĩ một cái tên con gái như Tuyết-Lan, Minh-Nguyệt, Mộng-Thu chẳng hạn.

Nhưng tôi thì không nghĩ thế. Tôi muốn tìm một cái tên nó cũng có vẻ khôi-hài một chút. Và lại phải là một cái tên thực xấu.

(1) Người ta chỉ trồng hội chùa Hương-Tích vào tháng Giêng, tháng hai ta.



3



xí để cho nó phản ngược lại với cái « mốt » của mấy cô không nhan sắc mà có những cái tên Anh-Tuyết, Hồng-Ngọc kìa vang !

Tôi chợt nhớ đến một nữ-lưu nhân vật thành Nam thừa trước. Đó là một người đàn bà tuổi mới ngoài đôi mươi, góa chồng sớm, nhan sắc dễ coi, thân cô quả thực khó lòng mà giữ toàn được trinh tiết. Sở bọn ong-ve quấy nhiễu, bèn giả vờ làm điên dại, đem bùn do răng chát kín mắt mày, rồi lang thang phường phố, hát nghêu ngao giữa những tiếng cười chế giễu của bọn trẻ con.

Chúng thấy mù ở đàn, cũng reo hò xúm quanh mà gọi :

— Ê, ê ! Con mẹ Mốc ! (1)

Tôi đã nhất định chọn cái tên, hiệu xấu xí này rồi, nên dưới bài thơ, tôi ký rất rõ ràng : Phạm thị Cả-Mốc (Nam-Định), cái tên cũng gồm bốn chữ như các tên hiệu mỹ miều khác.

(1) Cụ Tam-nguyên Yên-Đồ có thơ vịnh con mẹ Mốc, khởi đầu bằng hai câu :

Danh-giá nhất ai bằng con Mẹ Mốc

Dầu bạc vàng, gấm vóc, để ai tây !

Và kết bằng câu : *Khôn kia để bán đại này !*

Ý cụ Yên-Đồ muốn nói cái điên dại của Mẹ Mốc

còn bằng gấp trăm ngàn cái khôn của kẻ khác !

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CUNG 105

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CUNG 105

« lờm » iải. iải. iải. ngược lại với « cái » mới
Tôi đoán chắc anh chàng Tú Mỡ hẳn phải
ngạc nhiên lắm, — và cũng thất vọng nữa, khi
nhận được một bó rau bunn-diện đưa tới,
giữa ra chỉ có hai bó rau muống đã héo úa và
một bài thơ tởm ghê.

Thấy cái tên của người bạn gái gửi tặng
chẳng hay-hổ g, có lẽ chàng cũng đoán nhiều
phần đây chỉ là một bạn trai muốn cợt ghẹo.
Tuy nhiên đã nhận được qua, lẽ nào lại lảng-lẽ
chẳng một lời cảm ơn, Tú-Mỡ ngay trong báo
Phong-Hóa tuần sau, viết luôn một bài gửi lời
cảm ơn người bạn nhân quen mà không biết.
Hai mớ rau muống xấu hèn kia chẳng biết sự
thực nó có được nhà thơ trao-phụng chịu khó
mang từ tòa báo ở đường Quan-Thanh về đến
phố hàng Hột hay không, nhưng theo như lời
thơ gửi trong Giọng nước ngược, thì nó được
trần trọng quý-báu lắm ! Chàng bảo :

Mớ quả rau muống xu hai,

Hãy xin tạm lĩnh kéo ai giận lòng !

Và chàng đã hèm hai mớ rau muống héo
ấy một cách rất ngon lành :

Canh xuống cũng hóa ngọt-ngào,

Ngon rau sắng Vị sơn-hảo không so !

Với những lời khéo léo và êm dịu như vậy,
trách gì mà cô gái Mắc-Nam-thành chẳng phải
mê mẩn như ngây, như dại !

Và vẫn lo lắng bị người ta lừa mình, chàng lại khéo léo hỏi dò xem nàng Cả-Mốc có sao lại có cái tên xấu xí như vậy, là người thành thị hay là kẻ thôn quê, nhan sắc sinh tươi hay bình đơng mộc mạc để cuối cùng kết lại một câu :

Gái, trai, xấu, đẹp cũng là tri-âm.

Thơ xương, thơ họa, nối tiếp nhau luôn bốn năm bài, nhưng mặc cho Tú-Mỗ muốn gạn hỏi thế nào, Cả-Mốc thành Nam cũng nhất định không trả lời cho biết mình chính thực là ai !

Rồi băng đi một dạo.

Cho tới lúc mùa Xuân, đến với hoa cỏ muôn màu... Bọn thiện-nam tin-nữ đã náo nức họp đoàn chầy Hội chùa Hương làm cho anh chàng Tú-Mỗ sức nhớ lời ước xưa, vội thả lời thơ nhắc.

Anh Tráng-Kiến đưa tờ báo Phong Hoa cho tôi và hỏi :

— Cô định thế nào, cô ?

Tôi cười :

— Thi nhân tiện, mình cũng đi chùa Hương mua rau sống cho chàng chứ sao !

Và năm ấy, tôi cùng anh Đặng-thế-Xương do đường Phủ-Lý vào Bến Đục, qua Đò Sỏi, thăm động Nam-thiên đệ-nhất.

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CUNG 107

Chúng tôi tới chùa ngoài thì mới vào khoảng
ba giờ chiều. Việc thứ nhất của tôi là nhìn xem
có món quả nào ở góc của người tiểu nhân hay
không, nhưng suốt mấy khúc tôi đều không
thấy có bày bán rau sắng. Sup nói là ở đây thì
tôi hỏi thăm người ta bảo rằng : năm nay
hơi trái thời tiết nên rau sắng hơi muộn.

Và cả một năm nay cũng chưa ngoài
sân chùa chỉ có bày lá đặc ít hàng mà trái thì
nhỏ xinh xắn.

Tôi chán-nản quá, thở dài bảo anh Đăng
thế-Xương

— Thế là mình có lòng cũng thành công rồi.
Rau sắng không có, mà một quả non xanh, chưa
đang thể nào biết lấy gì mà làm quà cho Tú-
Mỗ bây giờ! Bọn tôi đi mua một ít rau sắng...
Anh Đăng thế-Xương bèn nói: Hỡi anh Đăng thế-Xương
— Ta đành có gì mua thế, người ta quý ở cái
lòng chứ ai nề gì tang vật!

Tôi không biết làm sao, đành mua ít mơ,
một khúc gỗ lão mai, lại kèm thêm cánh dậu
cái món sau này cốt để cho anh Tú-Mỗ đeo...
trừ là, khỏi bị cánh đêm tàn thối mất!

Tới hôm ấy, chúng tôi ngủ lại chùa ngoài.
Vì là cũng vào ngày hội, nên số người đi lễ
rất đông, cho tới khuya, những người mới ở
đón nước lên camp, được soi đường vào chùa.

Nam-Mô chào nhau inh ỏi. Có nhiều người
thành-tâm lại không nghỉ lại chùa Thiên-Chù,
chỉ vào lễ rồi đi luôn vào chùa trong. Khoảng
nửa đêm, số người ra vào mới ngớt.

Trong chùa nhiều hàng án đã đóng cửa,
người đi xem lễ Ngũ-Bách-danh ở trên điện
cũng đã về phòng trọ nghỉ-ngơi.

Chúng tôi cũng đi nằm được một lúc lâu rồi,
anh Đặng-thế-Xương mệt-mỏi quá, vừa đặt
mình đã ngủ thiếp ngay, riêng tôi trần-trọc
mãi vẫn không sao nhắm mắt được.

Khoảng hai giờ đêm, khi nủi bốc nhiều, trời
lạnh quá ! Không mắng theo chần, nằm lạnh,
tôi càng không sao ngủ được. Sau cùng, tôi
đánh trở dậy, mặc quần-áo, và định đi chơi
quanh-quần cho tới sáng.

Trên chùa, lễ Ngũ-bách danh vẫn cho khỏe
tất. Nhiều già thành-tâm mộ đạo tuy nhiên tới
mà vẫn ngồi niệm Phật từ đầu khóa lễ cho đến
bảy giờ. Tôi đi vòng qua những giấy tăng
phòng, nhà viết sớ, nơi in thẻ, nơi đóng oản.
Dưới ánh lò mờ của ít ngọn đèn dầu, tôi phải
hết sức dè bước, vì dưới đất, nằm ngổn-ngang
rất nhiều người đi lễ, lòng thành thì nặng
nhưng túi tiền thì nhẹ, không vào nhà trọ, ngủ
tạm ngay đây cho qua đêm. Tôi sức nhớ lại
một vài lần đi tàu thủy trước kia từ Nam-Định

Trắng cao vẫn soi xuống một ánh sáng trắng
xanh, cao quý. Nhưng tôi đã bắt đầu viết...

Nước non trôi hên một lời,
Đá mòn, sóng cạn, giấm sai tắc lòng,
Nhưng là rầy rức, mai mong,
Con thuyền vô-định buông giòng Châu-Giang
Nước non, non nước chan chan,
Gác chèo, lần tới Hương-sơn thăm chùa.

Rằng : đem rau sắng ta mua,
Mua dăm ba mớ cho vừa lòng ai.

Nắng mưa, lặn-lội bao nài,
Ngàn vàng khôn đổi lấy vài ngọn rau !

Hóa nhi sao khéo cơ-câu,
Chò rau này muộn, chơ rầu lòng ta !

Lấy chi tặng khách phương xa,
Nghĩ thôi mua tạm lấy vài quả mơ,

Mơ xanh, xanh ngắt, xanh ngơ,
Trưởng mơ đã chín ai ngờ còn non.

Cùi xanh, gửi tấm lòng son,
Càng chua-chát giọng, càng ngon ngọt lời.

Rằng chua, rằng ngọt ai ơi,
Ngọt, chua, âu cũng của trời biết sao !

Mai sau dù có bữa nào,
Vín ngành bao nọ biết bao nhiêu tình !

Mai già với quả mơ xanh.
Gọi là một chút để dành bạn xa !

Tơ lòng bứt rứt phong ba,
Phong-ba nhấp chén thuyền-trà cho yên.

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CÙNG 111

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CÙNG 112

Nước đương dưới tắt lửa phiền,
Mong sao chân cứng đá mềm, ai ơi!

Chắp tay vái bốn phương trời,
Vái mười phương Phật độ người tình chung.

Dù rằng ố lục hoen hồng,
Luân hồi khôn thoát khỏi vòng hư vô,

Chắp tay niệm chữ Na-Mô!

Anh Tú-Mỗ nhận được quả chùa Hương, với vàng làm thơ cảm ơn, lời lẽ vô cùng thân-mến. Và sau đây mấy anh trong văn-đoạn Tư-Lực có kể chuyện lại chính Tú-Mỗ đã có lần mò xuống thành Nam, có ý định cố dò hỏi xem có Cả-Mốc là ai, nhưng phải chần-chn về không vì không tìm ra manh-mối.

Nhưng rồi mỗi tỉnh Tú-Mỗ Cả-Mốc, — mà ở đời, tỉnh duyên nào chẳng vậy, — cũng dần dần phai nhạt cho đến lúc cô Cả-Mốc bị lọt mắt nà : trên báo loa họa-sĩ Côn-Sinh vẽ hình tôi, một nửa thì khăn yếm, dép gong, nón quai thao, một nửa thì âu-phục, tay cầm chiếc mặt nạ vải đen. Đó là Côn-Sinh muốn cho mọi người cùng biết Cả-Mốc cũng là người đã tạo nên Kỳ-Phát, một thanh niên trình thám để khám phá ra nhiều vụ án kỳ-khôi!

MỘT CHÀNG KỸ - PHÁT BẰNG XƯƠNG, BẰNG THỊT

Năm 1933, tôi đương theo học trường Kỹ-nghệ ở Hải-phòng, học trò trường này đặc biệt nhất ở chỗ sức học hơn kém nhau rất nhiều, phần vì hạn tuổi rộng, phần vì trong kỳ thi vào có môn vẽ cơ-khí và môn làm thực-hành dưới sự hướng dẫn, nếu giỏi chữ không, không đủ. Nhất là trong niên khóa của tôi sức học của anh em mới thực là chênh lệch, có nhiều người chưa đỗ bằng Cơ-thủy mà có người đã đỗ bằng Thành-chung hoặc Tú-tài. Bọn học trò Kỹ-nghệ lại vào hạng nghịch ngợm nhất, đến nỗi vùng Hạ-lý đã thành câu cửa miệng :

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CÙNG 113

Giai B. N. mà gái B. Đ. (1)

Chớ trêu vào hạng gớm ghê, rạch giới !

Những bài thơ đối đáp Tú-Mỗ về sau, ký tên Cả-Mốc, đều là những bài làm khi mới vào học trường này. Mấy ông giám thị biết chuyện, có bảo rằng :

— Trường Kỹ-nghệ không ngờ mà cũng sản xuất ra được lắm nhà văn, nhà báo ; trước đây, Vi Huyền Đắc, Trương Tửu, Lê Văn Siêu, cũng đều là cựu sinh-viên trường này cả !

Trong những anh em cùng lớp, tôi có một người bạn rất thân, tên là Đặng-Kỳ-Phát. Phát kém tôi nhiều tuổi, và rất ngoan, nên tôi mến yêu như em ruột vậy. Chúng tôi ngồi học sát nhau, ăn cùng mâm và nằm liền giường, lúc nào cũng ở bên nhau đến nỗi anh em đã phải bảo hễ muốn tìm tôi thì cứ đi tìm Phát, hay trái lại cũng vậy !

Hồi ấy, học trò trường Kỹ-nghệ đều phải

1) B. N. tức là Bách-Nghệ (nhiều người quen gọi trường Kỹ-Nghệ thực hành là trường Bách-Nghệ) B. Đ. tức là Bến-Đá, những cô gái Bến Đá vùng bờ bên kia Sáu-kho, thường vẫn buôn bán các thứ quả bánh trên một con thuyền, qua lại suốt đêm, trên mặt sông thường bán hàng cho thủy-thủ ngoại quốc; có khi lại buôn hàng lặn thuê Thương-chính nữa.

ăn ở trong trường cả, riêng chỉ có chiều thứ bảy và ngày chủ nhật là được ra chơi phố.

Đối với bọn nghịch ngợm bị bó cổ này, mỗi khi được thoát ra khỏi trường để đi chơi, thực là thú vị vô cùng. Tuy thế-lệ nhà trường cấm, chúng tôi còn cái thú lén-lút là ăn quà đêm của bọn Bến-Đá, có phần lại thích hơn là ăn qua trưa mua của mấy chú khách già vẫn đứng chèo thuyền và miệng rề rề rao buồn bã :

— Chín túi ! Chín túi à !... (1)

Khuya khuya, thuyền của cô gái Bến-Đá bán bánh cuốn nóng, hoặc sôi chè, thường thường qua lại trên quãng sông từ cầu Ha-lý cho tới Sáu-kho. Ban đêm, muốn ăn quà, chúng tôi thường lén ra phía sau trường, chỗ « đã » chứa tàu, đứng ở bờ sông, đợi gọi thuyền của mấy cô gái Bến-Đá. Khi thuyền vừa áp mạn, lập tức chúng tôi chèo lên thuyền và dục chèo ra giữa sông, tha-hồ mà ăn uống no nê thỏa thích, không còn sợ các thầy giám thị bắt thỉnh linh bất gặp nữa. Xong xuôi, thuyền lại ghé bờ, và chúng tôi no bụng yên trí trở lên buồng ngủ đánh một giấc ngon lành cho đến sáng.

1) Bánh rán !

Kỳ Phát và tôi cũng là trong bọn khách hàng quen thuộc của mấy thuyền qua Bến-Đá. Chẳng những vậy, thỉnh thoảng chúng tôi lại còn lên sang bên kia bờ sông để đi xem chiếu bóng, cho tới quá nửa đêm mới trở về trường.

Kỳ Phát và tôi đã nhận thấy một điều là gặp những buổi con nước nhỏ, thủy triều thấp, nước sông rút xuống nhiều thì chúng tôi rất có thể đi men rẻo bờ đá, qua khu nhà Đoan, thế là ra được tới đường cái không khó khăn gì.

Nhưng những lúc nước thủy triều lên thì chúng tôi chỉ còn cách mượn thuyền của cô gái Bến-Đá để qua-giang, còn lượt về thì đã có thể thuê thuyền có sẵn ở phía bờ sông bên kia, lúc nào cũng có nhiều.

Dưới đây là một câu chuyện mạo hiểm qua sông, chính bởi đó mà tôi nảy ra ý tạo thành Kỳ-Phát, một thanh niên hoạt-động có tài trình thám, vai chính trong chuyện « Vết tay trên trần » và « Cái kho tàng nhà họ Đặng » đăng trên tuần báo Loa thừa ấy.

* *

Trên buồng ngủ, Kỳ-Phát sẽ vén màn, thò đầu qua phía giường tôi mà hỏi nhỏ :

— Thế nào anh ! Em dậy nhé ?

— Hãy đợi một lát nữa đã, hai ông Trọ và Kê (1) còn đương khám « đoóc toa » (2) trên gác ?

Chúng tôi nằm yên, đợi một lát nữa, chờ tới lúc nghe rõ tiếng giày của hai viên giám-thị đã về buồng ngủ, tức là buồng của ông Phủ-Mi (3), mới rón-rén cùng nhau trở dậy, bước xuống giường lấy gối và một chiếc chăn cuộn vào giữa, phủ một chiếc chăn thứ hai ra ngoài, làm như có người ngủ ở trong vậy.

Xong dần đây, chúng tôi cùng nhẹ bước ra sân. Từ quãng « đoóc toa » ra đến góc sân, chúng tôi đi đường hoàng, vì biết không có sự gì nguy-hiểm. Dù bất thường có gặp ai, thì chúng tôi vẫn có thể lấy cớ là vì khát nước nên đi uống nước đựng trong bình để ở góc sân.

Nhưng từ chỗ đó, ra tới đã chữa ca-nô, thì chúng tôi phải lưu-tâm hết sức, cần-thận đi lên vào chỗ bóng tối, của dãy cây bàng cảnh lá rườm rà.

Ra được tới bờ sông, chúng tôi yên dạ, ngồi

(1) Tên hiệu hai ông giám-thị do đoóc trỏ đặt ra.

(2) Dortoir, phòng ngủ của học trò.

(3) Phủ-Mi do ở chữ infirmier gọi trạnh ra.

— Thế nào anh! Em đây nhé?
xuống gốc cây chỉ còn đợi có thuyền qua nào
đi qua thì gọi để nhờ sang sông, Trong chốc
lát, có tiếng mái chèo nhẹ-nhẹ từ phía xa tiến
tới. Và một tiếng rao lạnh-lạnh của cô lái đò
văng lên:

— A sơi nóng, bánh cuốn chả không?

Nóng này, Phát vội lên tiếng gọi. Và ngay
lúc ấy tôi sợ hãi xiết bực khi nhận thấy từ
phía xa cè chầm-lửa đò của diên thuốc lá thấy
giám-thị đương tiến lại. Kỳ Phát lúc này cũng
đã nhận thấy cơ nguy, cuống-quít bảo tôi:

— Chết chưa, bây giờ biết làm thế nào?

Tôi diêm tĩnh hơn, bảo:

— Đừng có cuống quít. Cứ lần trốn quan
đầy; hễ hẳn tưởng chúng ta ở phía ngoài đả,
mà ta đi, là chúng ta lộn về ngay men theo
phía sườn làm thì hẳn sẽ không trông thấy
được.

Kỳ Phát bỗng chỉ chiếc ca-nô đã kéo lên
bờ, kêu trên những súc gỗ lớn, đợi sẵn lại, mà
bảo tôi rằng:

— Hãy là chúng ta trốn vào trong ca-nô!

Tôi nhận thấy ý kiến rất hay, lập tức kéo
Kỳ-Phát cùng lên nhanh đến chiếc ca-nô rồi
chèo thoát vào trong, vừa vắn lúc viên giám
thị Trô ra tới bờ sông ngo-ngác nhìn quanh,
không thấy có một bóng người nào cả.

Tôi bảo nhỏ Kỳ-Phát :

— Lão Trờ ranh lắm, thế nào cũng còn lòn vốn ở phía sau trong, để rình bắt anh chẳng nào lơ mớ ăn quả xong rồi về ngủ. Nhưng chúng ta có về đâu bây giờ, chúng ta còn đi xem chiếu bóng.

Ngay lúc này có chiếc thuyền quả đi qua, gần về phía bờ phía trước. Không giám lên tiếng gọi, tôi bắt chiếc đèn bìn mang sẵn theo, chiếu ra. Có ai đó thấy có ánh đèn, ngẩng lên nhìn. Kỳ-Phát vội vàng vẫy tay ra hiệu. Có lẽ cũng chẳng là gì cái lối học trò trốn đêm ra ngoài, có hội ý lập tức ghé thuyền vào bờ để chúng ta lên. Thế là buổi tối hôm ấy, trong rạp Omnia đã có mặt hai tên học trò nghịch ngợm ngồi xem, và viên giám-thị mẫn cán cũng phải mất gần một giờ đứng rình mò, chẳng thấy bóng ai, phải tự hỏi thăm :

— Hay là cặp tai của mình đã hỏng?

Những cuộc miao hiem như trên đây, hề có Kỳ-Phát thường bao giờ cũng có tôi dự vào. Nhân lại thấy Kỳ-Phát có tài lẫn mớ khoa chữ rất nhanh, — những thứ khoa 4, 5 vòng chữ cũng coi câu nửa phút, — tôi chợt nảy ra một ý kiến : tại sao tôi không viết một loạt chuyện trình thám Việt-Nam mà vai chính là Kỳ-Phát, một chàng thanh niên cũng hoạt động, có tài

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CÙNG 119

luận-lý và vui vẻ nghịch ngợm như chàng Arsène Lupin của nhà văn sĩ Maurice Leblanc !

Hồi thừa nhỏ, tôi đã đọc rất nhiều chuyện trinh-thám của Pháp, hoặc của Anh dịch ra tiếng Pháp. Khởi thủy, con là một cậu học-sinh nhỏ, tôi cũng đã có một hồi ham mê loại chuyện trinh-thám có thể gọi là hạ cấp, loại chuyện in từng tập dày 400, 500 trang, rất nhem nhuốc và bán rất rẻ, mỗi bộ liên tiếp nhau hàng bốn chục cuốn mới thực hết chuyện như là bộ Fantomas và Soccambole chẳng hạn.

Nhưng rồi ít lâu trí hiên biết mở rộng dần, tôi đã nhận thấy lối viết chuyện này vô cùng cầu thả, bừa bãi, tác giả đọc theo một điệu cho vai chính sắp bị bắt thì lại trốn thoát, có lần tưởng đã bị chết mà lại vẫn... sống đang hoàng ! Những việc xảy ra, nhiều khi rất bí hiểm, tác giả bất chấp, không cần cất nghĩa gì hết, vì có lẽ cũng đoán biết phần lớn độc giả của mình chẳng bao giờ chịu ngừng đọc lại mà hỏi : Tại sao ?

Vốn thích những bài toán bí hiểm, tôi lại đọc qua những chuyện trinh thám của Edgar Poë, Coram Doyle, Gaston Leroux, Maurice Leblanc, Simeron, và tôi vô cùng ham thích những vai chính chuyện chẳng hạn như chàng

phòng viên Rouletabille, nhà trinh thám
nghiêm trọng Sherlock Holmes, hay tên trộm
kỳ khôi Arsène Lupin. Và trong khi đọc chuyện
tôi tò mò để ý đến mọi phương pháp bố cục,
dàn xếp của những ngòi bút viết trình thám
bạc thầy này. Tôi chẳng khác gì một người
đứng ngắm một bức tranh tuyệt mỹ, chẳng
những nhận hiệu những chỗ đẹp trên bức
tranh, mà còn tìm biết cả cách thức của họa
sĩ làm cách nào mà tạo nên được một tác
phẩm như vậy. Cuối cùng, tôi đã tìm được
một phương pháp nhất định khi bố cục, viết
một chuyện trinh thám như sau này: « Khi
tìm một cốt chuyện trinh thám để viết, tác giả
phải đi ngược lại đọc giả, nghĩa là trước hết
phải tìm một kết cấu câu chuyện, gói ghém,
dàng buộc lại, rồi giấu phủ đi. Sau đó, tác giả
theo một con đường ngoắt ngoéo đi tới chỗ
khởi đầu câu chuyện, và dọc đường phải cắm
sẵn những cột mốc để đánh dấu lối đi. Cuối
cùng con đường này phải sủa nhòa hẳn, không
để cho người đọc nhận biết, các cột mốc kia,
vẫn để lộ, thì lại cắm thêm nhiều cột mốc « giả
hiệu » nữa, cốt để cho người đọc bị rối loạn,
khó nhận biết được cột mốc nào là cột chính,
dẫn tới kết quả, và mốc nào là cột giả, làm
cho người đọc phải lạc đường. Mọi việc sửa

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CỬNG 121

soạn xong xuôi, tác giả mới đi cùng đọc giả xuôi lại, nghĩa là từ chỗ khởi đầu chuyện đến chỗ kết quả, trình thoảng lại khéo léo chỉ cho đọc giả thấy vài cái mốc, cả thực lẫn giả, ở dọc đường. Như vậy thì trí óc đọc giả phải luôn làm việc suy đoán thể này, thể khác, đến cuối cùng đi tới một đoạn kết không ngờ! Một cuốn truyện trình thám viết có nghệ thuật là khi người ta đọc hết cuốn sách phải ngạc nhiên tự hỏi: câu chuyện dân đi dễ hiền như thế, mà sao ta lại vô tình không đoán biết được từ trước.

Theo ý riêng của tôi, một truyện trình thám hay, phải kể lại một việc rất thường, nhưng để xảy ra một cách hết sức bí mật, chứ không phải chính nó đã kỳ dị quái đản rồi!

Do đó, ta có thể so sánh tài một nhà viết tiểu thuyết trình thám như tài một nhà ảo thuật chỉ cần dùng những đồ vật tầm thường và vài mẹo dân dị thần tình, làm cho người xem phải tưởng lầm đó là một phù phép huyền bí vậy.

Sự thực, viết chuyện trình thám ở nước ta rất khó, vì dân ta vốn tính bình dị, ngay trong xã-hội thực ít thấy xảy ra những vụ trộm hay những vụ án mang khuỷu dĩ có thể gọi là ly-kỳ bí

mật. Phần lớn dân ta chưa hề trông thấy chính mắt một khẩu súng lục bao giờ, hiểu biết rất ít về cơ-khí và hỏa-học, lại rất hiếm ai có được một chiếc xe hơi riêng của mình. Vì thế cho nên những vai chính trong chuyện trinh thám Việt-Nam chẳng phải mỗi lúc giờ được khẩu súng lục ra nạt hay bắn nhau, không thể có được những nhà hầm có cơ quan bí mật (?), hay là luôn luôn nhảy lên xe hơi theo rồi quán gian như ở trong nhiều chuyện trinh thám Âu-Tây.

Chính vì thế mà luôn luôn tôi chỉ ao ước viết được những cuốn chuyện trinh thám mà việc rất có thể xảy được ra trong xã-hội Việt-Nam, mà vai chính, — chàng Kỳ-Phát, — cần phải có những tính cách thực hoàn toàn Việt-Nam, nghĩa là kín đáo, thâm trầm, có nhiều tình cảnh sâu xa mặc dầu bề ngoài nhẹ nhàng vui vẻ. Tôi đã nhất định không để cho Kỳ-Phát thành lác cắc, nói nhiều qua, có những cử chỉ rậm rộ, để đến nỗi các độc giả phải phản nản.

Và đây tôi mới nhận ra thấy người viết cần phải thực tự chủ được ngòi bút của mình. Vì nếu về loại chuyện trinh thám tôi học đòi cách thức của những bậc thầy nghề Anh Pháp, cần phải cố làm sao cho vai chính chuyện của

mình không mất tính cách Việt-Nam; thì về
loại viết chuyện võ-hiệp Tàn, tôi lại cần phải
cố làm sao cho từ cốt chuyện đến cách hành
văn phải thực Tàn, không đến nỗi thành ra
ai cũng lảng lờ!

Viết chuyện võ-hiệp Tàn, tôi lại cần phải
cố làm sao cho từ cốt chuyện đến cách hành
văn phải thực Tàn, không đến nỗi thành ra
ai cũng lảng lờ!

Chẳng vì thế mà tôi luôn luôn cố gắng
viết chuyện võ-hiệp Tàn, tôi lại cần phải
cố làm sao cho từ cốt chuyện đến cách hành
văn phải thực Tàn, không đến nỗi thành ra
ai cũng lảng lờ!

Và đây tôi mới nhận ra rằng người viết
phải luôn luôn cố gắng viết chuyện võ-hiệp
Tàn, tôi lại cần phải cố làm sao cho từ cốt
chuyện đến cách hành văn phải thực Tàn,
không đến nỗi thành ra ai cũng lảng lờ!

MỘT NHÀ VĂN VIẾT CHUYỆN TÀU... BẮT ĐẦU ĐI

Vì không được khỏe, thường phải nghỉ luôn, tôi học được ngó hai năm thì xin thôi ở trường Kỹ-nghệ. Vì tôi không phải là hạng học sinh có học bổng, nên xin thôi cũng được dễ dàng, tuy ông hiệu-trưởng C. cũng có lòng mến, hết sức khuyên tôi nên theo học một năm thứ hai, và qua năm thứ ba vào ban điện-khí thì việc làm sẽ được nhẹ nhàng không phải khó nhọc chi hết.

Nhưng một phần vì sức yếu, một phần tôi có ý thôi học cũng là vì thấy thích theo đuổi nghề báo lắm rồi. Trong những buổi học tối, tôi ngồi mê mải viết chuyện dài trình thám cho báo Loa đã được thấy cảnh sống tẻ nhạt, phong tưng của mấy bạn Tràng-Kiều, Nguyệt-Hồ, Xuân-Huy, khi cùng chung sức làm tờ

báo Tân-Thiếu-Niên, mà tòa soạn thuê ở phố Richaud, còn tôi tuy cũng ở trong tòa soạn, nhưng chỉ thỉnh thoảng mới lên Hà-Nội họp mặt vào ngày chủ nhật thôi.

Ra khỏi trường Kỹ-nghệ, tôi vào làm ngay trong tòa soạn tờ Hải-Phòng tuần-báo do Mai-Lĩnh xuất bản. Lúc đó, mấy bạn Trần-Tấn-Thọ, Lan-Khai cũng vừa thôi ở báo này ra, và trong tòa soạn tôi chỉ còn thấy có độc một mình anh Phùng-Bảo-Thạch là cột trụ của tòa báo và một vài người ở ngoài giúp bài, như anh Anh-Mỹ (tức Nguyễn-Công-Mỹ em Nguyễn-Công-Hoan), và Lan-Sơn, Đại-Thanh, v. v... Tôi còn nhớ lần đầu tiên tôi gặp Phùng-Bảo-Thạch, cảm tưởng thứ nhất của tôi là trông anh giống khách lai và dáng điệu lạnh lùng làm sao ! Nhưng câu chuyện của tôi cũng dễ trở nên thân mật. Chỉ tay vào chiếc giường mới đóng, có nệm cò, anh cười mà bảo tôi rằng :

— Đây là một nhà xuất bản mới ra làm báo lần đầu nên còn .. chưa biết gì cả. Ông ta đã ngẩn người kinh ngạc khi thấy việc đầu tiên khi tôi vào làm tòa soạn báo này là buộc ông phải sắm cho một cái giường ra hồn vì tôi không quen nằm giường không có nệm ! Có lẽ không nói ra, nhưng chắc ông ta cũng đã

phải tự nhủ thầm rằng nhà văn thực ra khó tính !

Lại chỉ tay những tờ báo vất bừa bãi trên mặt sàn, Phùng-Bảo-Thạch tiếp :

— Lại cái tình bừa-bộn của chúng mình nữa, chắc ông ta cũng khó chịu lắm, vì ông có biết đâu rằng chúng mình đều thuộc hạng bừa-bộn... một cách rất có thứ-tự !

Và làm tờ Hải-Phòng tuần báo được ít lâu, tôi nhận thấy điều Phùng-Bảo-Thạch nhận xét là đúng. Vì báo ra ngày thứ năm, nên cứ đúng ngày thứ ba, chúng tôi viết bài, và cho đến trưa thứ tư thì vừa xong công việc. Ngoài hai ngày ấy chúng tôi có gặp nhau cũng chỉ nằm xem báo, xem sách, hay là chuyện gẫu. Ông chủ nhà xuất bản hồi đó hàng ngày vẫn còn đi làm cho một hãng bảo hiểm nọ, và mỗi khi ở sở về, thấy « hai ông trong tòa soạn » chỉ ăn quả, vất báo bừa bãi, ngủ vùi, hoặc chuyện gẫu. Không làm gì hết. Thì tuy chẳng nói ra, nhưng trong bụng lấy làm hậm-hực lắm !

Phùng-Bảo-Thạch cười bảo riêng tôi rằng :

— Hậm hậm-hực là phải lắm vì phải trả lương chúng mình nhiều hơn lương chính hắc, hậm thì phải còm còm hai buổi đến sở làm mà chúng mình thì nằm nói róc !...

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CUNG 127

Sự thực, làm báo chẳng cứ phải nắm nói rõ mà xong. Một buổi sáng thứ ba tôi đến tờ soạn, đương thấy Phùng-Bảo-Thạch lục tung các ngăn kéo tìm kiếm một giấy tờ gì gấp rút lắm. Tôi hỏi:

— Anh tìm gì thế?

— Tôi tìm tập bản thảo một tập chuyện dã-sử, chẳng biết đầu đề nó là gì gì này, do Lan đọc ở ngoài gửi đến, và trong có kể lại chuyện những ông trạng, những bậc thiềm tài ở nước ta, theo kiểu Nam-Hải di-nhân... Chuyện viết cũng có đoạn vui, nhưng rời-rạc, và lẫn nhiều chuyện mọi người đã biết rồi, nên tôi vẫn vất số ở trong đáy ngăn kéo!

Tôi hỏi:

— Bây giờ anh cần đến làm gì?

— Cần lắm vì tôi khuấy quên đi mất, báo kỳ vừa rồi hết mất chuyện dài «feuilleton» mà báo kỳ này chưa biết lấy chuyện gì đăng tiếp vào đó. Tôi định dành đăng tam tập chuyện những ông trạng nhà Nam kia nhưng lục đến thì lại thất-lạc, đầu mất rồi, ấy mới nguy!

Tôi nghĩ ngợi giây lát, rồi nói:

— Những tập chuyện ấy, theo lời anh nói, không được hay lắm kia mà!

— Thì tôi đã bảo rằng đăng tam vậy, miễn cho nó có chuyện vào đây. Sự thực thì bây giờ

giữa lúc Tiểu Thuyết Thứ Bảy đang chạy về bộ Hoàng-Giang nữ-hiệp và Hỏa Thiêu Hồng-Liên-Tự thì nếu bây giờ ta tìm cho một bộ chuyện tàu vào « feuilleton » thì hẳn đọc giả phải vừa ý lắm !

Tôi chợt bảo Phùng-Bảo-Thạch :

— Hay là anh để tôi viết một bộ chuyện Tàu !

Thạch chố mắt nhìn tôi. Anh hỏi :

— Anh cũng biết nhiều chữ nho ?

Tôi mỉm cười không nói. Yên tri là tôi thông hán-tự lắm. Thạch tiếp :

— Nếu vậy thì tìm dịch ngay một bộ gì đi, vui vui vào và đánh nhau thiệt dữ !

Tôi gật đầu :

— Không cần phải tìm, tôi đã có sẵn, để tôi ngồi viết ngay bây giờ :

Ấy thế là bộ chuyện Giang-Đông Tam-Hiệp ra đời trên Hải-Phòng tuần báo với cái biệt hiệu Văn-Tuyên một ngòi bút sau đó liên sáu năm chuyên môn « dịch thuật » chuyện Tàu mà dịch giả thì chữ nho chỉ biết tất cả tổng cộng được chừng... dăm chục chữ.

Tôi viết đủ đăng một kỳ báo rồi trao cho Phùng-Bảo-Thạch xem, anh chàng nheo cặp mắt, có vô số là đuôi lại, rồi cười, đánh câu :

— Đại « phaja » !

Vì lúc này, anh đã biết rõ tôi ngồi viết bìa ra

một chuyện Tàu, chứ không dịch theo một cuốn chuyện nào của Tàu hết !

Xưa kia, khi mới biết đọc quốc-ngữ, tôi thường vẫn phải đi thuê chuyện hiệu Hội-Ký về đọc cho thầy mẹ tôi nghe, nhất là tết Nguyên-đán. Những chuyện thuê ở hiệu này mỗi ngày đem đôi hai ba quyển. Xem đi, xem lại những cuốn Thuyết-Đường, Phán-Đường, Tàn-Đường, Ngũ Hồ Bình Liêu, Ngũ Hồ Bình Tây, Tam-quốc, Thủy-hử, Vĩnh Khánh Thăng Bình, Chung-Vô Diệm Tống-Nhạc-Phi, tôi hầu như đã thành thuộc hần. Tôi còn nhớ đã có lần tôi và anh Hai tôi, chúng tôi nằm buồn, thì nhau hỏi đố hồn danh của từng nhân vật trong chuyện Thủy-hử, chẳng hạn như anh tôi xưng :

— Hắc-Toàn-Phong ?

Thì tôi lập tức trả lời :

— Lý-Quy !

Và khi tôi xưng :

— Lãng-Lý Bạch-diều ?

Thì anh tôi cũng lập tức đáp ngay :

— Trương-Thuận !

Sau đó ít lâu, tôi hỏi chúng tôi ham mê đọc chuyện võ hiệp, như bộ Anh-Hùng-Náo, Tục-

Anh-Hùng-Náo, và cuối cùng thì tới bộ Thất-Kiểm Thập Tam Hiệp !

Vì đã hiểu biết ít nhiều, đọc bộ Thất-Kiểm, tôi rất lấy làm tức bực vì cốt chuyện đặt khéo mà dịch giả thì ngán ngơ hết chỗ, nhiều lúc lại làm thơ lối « con cóc » yên trí rằng lời thơ lối bịch ấy của mình, độc giả lấy làm tán thưởng lắm ! Hết bộ Thất-Kiểm dịch giả xuất bản tiếp bộ Phi-tiên-thiên-bảo, và ở đây lại phạm thêm một lỗi nữa : đó là lối dịch giả cố ý dịch nhiều đoạn dăm-ô một cách vô cùng thô bỉ tục tằn !

Tôi lại nhận thấy rằng những pho chuyện Tàu trước kia viết rất hay, cách bố cục tuy cồ nhưng khéo léo hết sức, không chuyện nào giống chuyện nào, và lời cuốn người đọc làm cho phải ham mê không thể nào mà bỏ dở được.

Nhưng nhiều bộ chuyện Tân mới viết gần đây thì lắm bộ viết rất dở, cách dàn chuyện vung vè và kết cấu thực là nhạt nhẽo. Nhiều tác giả lại thường tỏ rõ mình bất tài, khi muốn giới thiệu cho độc giả một nhân vật mới trong chuyện. Và cứ mỗi khi hai nhân vật cũ ngồi nói chuyện đến « lai lịch » một nhân vật mới thì tác giả lại kéo dài đến 80 trang giấy nói tới những việc xa tít tận đầu đầu, tỏ rõ tác

giả không biết gì về phương pháp nối liền (transition) hai đoạn chuyện cả.

Nếu ta để ý thì thấy những chuyện võ hiệp Tàu đại thể đều có những việc xảy ra, những khung cảnh giống nhau chẳng hạn như cảnh vào bắc điểm, cảnh tâm sư học đạo, cảnh đại phá lời dài, cảnh gia trang báo cừu thù, cảnh hạ sơn lập sự nghiệp v. v. , có khác là khác ở tính cách từng nhân vật và trường hợp việc xảy ra!

Và một điều nữa đáng để ý là trừ một vài bộ truyện Tàu kết cấu đặc biệt, còn thì bao giờ cuối cùng câu chuyện cũng phải kết bằng những cuộc hôn nhân, hay là những lễ vinh phong quan tước.

Đã nhận xét được rõ cách viết những bộ chuyện Tàu vào loại trên này, tôi thấy rằng mình rất có thể viết giống như hết họ và có thể viết mới hơn họ nữa nếu mình biết theo phương pháp bố cục, nối từng đoạn chuyện thêm những đoạn bất ngờ éo le, như lối viết chuyện Âu-Tây.

Tôi đã đem thí nghiệm và thấy kết quả rất mỹ mãn với trên 40 bộ chuyện Tàu đã tưởng tượng mà viết ra được trong khoảng 6 năm giờ.

Và chắc chắn rằng rất ít ai có thể nhận biết

được rằng trong những bộ chuyện Tàu xuất bản hồi ấy, bộ nào là chính dịch ở sách Tàu ra, và chuyện nào ngòi bút an-nam tưởng tượng tạo nên.

Thầy tôi khi xưa là một vị giáo sư chuyên dạy Hán văn tại các trường Thanh chung và tiểu học ở Nam-Định. Tôi còn nhớ nhiều khi học trò đã viết tập xong rồi, mà còn thừa thì giờ, thầy tôi thường ngồi xuống một ghế hàng cuối; xem một cuốn chuyện Tàu, rồi dịch nghĩa, đọc cho một trò chép. Thầy tôi đã dịch nhiều chuyện như bộ Nhất-Chi-Mai, bộ Bạch-Công-An, chẳng hạn, nhưng hầu hết đều dịch bỏ dở chừng cả. Có lẽ là vì thời ấy nghề xuất bản chưa thịnh đạt, những chuyện dịch ra cũng khó biết đưa ai in, nhưng có lẽ một phần cũng là vì thầy tôi dịch chuyện ra, cốt để có việc làm cho đỡ buồn, chứ thường thầy tôi vẫn bảo các con rằng : « Bao giờ viết ra để cho toàn thể quốc dân đọc, chẳng phải là chuyện tầm thường. Chính vì thế mà có nhiều người giỏi, vẫn « lãng phong liêm ngọc » không muốn xuất đầu lộ diện trên chốn văn đàn ! »

Nghĩ tới những bộ chuyện dày hàng ba, bốn trăm trang, và hàng năm sáu chục bộ đã viết và in ra trong khoảng 15 năm trường, sức nhớ

lại lời nghiêm huấn, tôi lắm lúc chẳng khỏi
rất mình lo sợ.

Nhà xuất bản Mai-Linh thấy tờ tuần báo
Tiểu Thuyết Thứ Ba của mình ra một tuần lễ
có một số, không lời, nên xin đổi thành tờ Tiểu
Thuyết Nhật-Báo, mỗi ngày có thể xuất bản
được một số truyện, in bằng giấy báo và cũng
gửi theo giá rẻ mà nhà bưu-điện vẫn cho các
báo được đặc quyền.

Trừ ngày chủ nhật, Tiểu Thuyết Nhật Báo
mỗi tuần có thể ra được 6 số tiểu thuyết, thì
nhà xuất bản giao cho tôi viết 5 số, còn một
số thì do bà Lê-thị-Thắng viết bộ « Tôi trốn
sang Tàu ».

Thành ra trừ hai ngày nghỉ, mỗi ngày tôi
phải viết đều 16 trang chuyện lớn và lẽ tất
nhiên, không được chậm trễ một kỳ nào.
Chính vì thế mà dù bị ốm đau, chuyện cũng
vẫn phải viết như thường, và nếu không ngồi
giây được thì nằm đọc cho người khác viết.

Và dù có việc cần kíp hơn nữa cũng vậy.

Hồi ấy, được tin mẹ tôi lâm trọng bệnh ở
nhà, anh cả tôi ở Thái-Bình, muốn tôi về thăm,
tôi phải ngồi lì hai ngày, và thức đong hai đêm
để viết trước mấy số truyện. Nhưng khi về tới

134 VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CÙNG

Thái, tôi thấy không thể ra ngay Hải-Phòng được, nên đành ở lại, và định sẽ ở Thái viết bài gửi đi cho nhà in sắp. Được vài ngày, mẹ tôi qua đời, giữa lúc trong nhà bối rối như vậy, lẽ tất nhiên tôi không thể nào viết cho đều được.

Nhưng nhà xuất bản vẫn dục bài. Cứ tưởng tượng đến bộ mặt nhăn nhó của ông khi chuyện bị ra chậm, số bán có thể vì thế mà giảm đi, tôi thực không yên lòng. Chính vì thế mà trong đêm tối ngồi thức bên cạnh thi hài mẹ tôi, tôi đã phải nén hết mọi nỗi đau thương mà viết chuyện.

Tôi còn nhớ đó là một gian buồng nhỏ, vuông vắn, góc trong kê chiếc giường của mẹ tôi. Tôi ngồi trên một chiếc ghế nhỏ lùn tịt, sơn màu cánh dán, chiếc ghế đóng riêng cho thằng cháu con anh Cả tôi ngồi học, để chiếc cặp giấy lên đùi mà viết.

Trời đã khuya. Bốn bề im lặng như tờ. Trong phòng thoảng mùi tử khí lạnh lùng. Tôi bây giờ không còn nhớ nữa, trong những giờ phút đó, tôi đã viết những gì, đó có phải là một đoạn nàng thiếu nữ giả trai vào lâm hắc điểm, hay là đoạn chúng anh hùng hạ sơn đã đại phá lời dài!

Dù sao, khi nhắc tới kỷ niệm này, tôi cũng

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CUNG 135

mong rằng các bạn đọc giả của tôi xưa kia,
nếu tình cờ đọc những giòng đương viết đây,
cũng hiểu cho và rộng lượng không chê trách
nếu trước kia đã từng phải bất mãn vì một
đoạn chuyện nào do tôi đã viết trong lúc lao
thảo vội vàng, giữa khi trong lòng vô cùng
hoang mang sao suyến.

MỘT GIA-ĐÌNH HỌC SINH 2000 EM NHỎ

Năm 1933-34, hồi ở Haiphong, trong một căn gác quá rộng với tôi và một tên thầy tở, — hai thầy trò cùng đi ăn cơm trọ, — tôi thường có một bọn trẻ nhỏ đến chơi. Chúng thích lại, phần vì nơi tôi ở, không có ông già bà cả nào hết, chúng có thể tụ họp nhau lại mà vui đùa thỏa thích, chẳng còn sợ gì ai ngáo cả nữa.

Bọn chúng tất cả dễ có tới trên 20 đứa, lớn nhất chưa quá 16, và bé nhất thì chỉ 12. Tôi có ý lựa thành một nhóm 14 em nhỏ, cùng tuổi 14, mà tôi thường đùa gọi là « tụi mười bốn ».

Tôi yêu trẻ, một phần có lẽ vì tôi là con út, trong gia đình không hề có em nhỏ nào cả, một đứa em bé bỏng, hay nũng nịu, mà tôi thường ao ước.

Đến lúc sống đời tự lập, chưa vợ con, bố

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CÙNG 137

me đã mất, các anh chị đều đã xuất gia —, xuất tào, tôi hầu như thành cô độc, và có một lũ trẻ nhỏ bên mình, cũng làm cho tôi đỡ cảm thấy cái buồn thiếu gia đình...

Một phần nữa, vốn thích nhận xét tỉ mỉ từng thay đổi trong tâm trí của con trẻ, tôi muốn gần gũi chúng để được hiểu, biết chúng nhiều hơn nữa.

Sống bên cạnh hai mươi trẻ nhỏ, tôi đã được nhiều lần chứng thủ thí kể cho những chuyện « tâm sự » của chúng, những nỗi buồn, những chuyện uất ức trong nhà, mà cả với cha mẹ, anh em, bạn bè, chúng đều không giãi tỏ lộ cho ai biết.

Với tôi, chúng không cần dấu điểm: tôi vừa là một người anh lớn tuổi của chúng, lại là một người bạn thân chiều chuộng chúng, và đối với một vài ba em ít tuổi nhất, tôi lại hầu như người cha nuôi chúng.

Hiền biết rõ chúng, tôi nhận thấy nền gia đình giáo-đức của xứ ta thiếu sót nhiều quá. Bố mẹ hay anh em, thường thường ở nhà chỉ biết giầy trẻ chơi có lẽ phép, chăm chỉ học hành, còn luyện cho trẻ nhỏ sau đây thành được một người có đủ đức-linh cần thiết để « sống » với đời, thì các bậc phụ huynh hầu như không cần nghĩ đến.

138 VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CUNG

Và tôi vô cùng hi vọng sau đây có dịp bằng bất cứ cách gì, nhất là dùng được sách vở, báo chí, đào luyện, uốn nắn một bọn trẻ nhỏ của tôi, thử thí nghiệm một phương-pháp giáo-dục mới, rất thiết thực và có thể bổ khuyết được những chỗ mà tôi thấy thiếu sót trong hầu hết các gia đình...

Tôi đã được ăn một Tết Trung-Thu với « tụi 14 của tôi ». Suốt mấy ngày 13, 14 tháng tám, tôi không làm được việc gì hết, chỉ là vì những tiếng trống sư-tử khua rộn rã trong phố, đã làm cho tôi phải rình tai nhức óc.

Bọn trẻ nhỏ cũng thấy vắng mặt hẳn, có lẽ chúng đều đã bận tịu tịu vào những cỗ-bàn trung-thu, những đèn thành, đèn kéo quân, của chúng.

Tôi nhất định ngủ rất nhiều trong mấy ngày này, cốt để bù lại vào những đêm đã phải thiếu ngủ vì có bài phải viết vội. Có lẽ tôi cũng hơi cảm thấy chút buồn trống trải, tuy cái Tết Trung-Thu này chẳng làm cho người ta nhớ đến Gia đình nhiều bằng Tết Nguyên-Đán.

Khoảng năm giờ chiều hôm 14 tôi chợt thấy Quý với những bước chân đi guốc nặng nề,

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CUNG 139

chèo lên chưa đến nửa cầu thang đã gọi :

— Anh ơi, anh có nhà không đấy ?

Và thấy tôi vẫn nằm nguyên trên giường, Quý đến bên cạnh, lộ vẻ ngạc nhiên hỏi :

— Thế anh không đi chơi à ? Sao anh không đi xem múa sư-tử ?

Tôi mỉm cười, lắc đầu ! Mãi đến lúc này Quý mới nhìn quanh, thấy suốt trọng gác của tôi, không hề có một chiếc đèn, hay một phong bánh nào, lại càng ngạc-nhiên hơn nữa, hỏi :

— Thế anh không ăn Tết Trung-thu à ?

Tôi lại mỉm cười, lắc đầu.

Quý không nhắc gì đến cái tết mà trong óc non-nớt ấy, có lẽ coi như là quan-trọng lắm, ngồi chơi một lát rồi về.

Trước khi xuống, Quý bảo :

— Hôm nay em không ở chơi lắm được vì em còn phải đi mua mấy cân bánh cho mẹ em, anh à ! Nhưng ngày mai thì em sẽ rủ mấy đứa đến chơi đây !

Ngày hôm sau, tôi nằm xem bộ chuyện đây, cố quên những tiếng trống sư-tử và tiếng thanh la, náo-bạt. nhưng vẫn nhớ rằng chốc nữa

đây, thế nào cũng có một bọn trẻ nhỏ thân-
mến của mình đến chơi, quây-quần rất là vui-
vẻ...

Nhưng hết sáng, tới trưa, và cho tới sáu
giờ chiều, tôi vẫn chưa thấy có em nhỏ nào
lại. Tôi buồn rầu và tự an-ủi :

— Tết Trung-Thu là tết của trẻ nhỏ ! Hãy
đề cho chúng vui-sướng hoàn-toàn. Trong lúc
tưng bừng này, khối óc trẻ nghĩ gì đến người
bạn lớn tuổi, vong vóng một thân !

Bữa cơm chiều, tôi ăn mấy miếng rồi lại về
căn gác lạnh-lẽo nằm. Tôi cũng chẳng buồn
thắp đèn lên nữa, phần sợ lũ trẻ con trong
ngõ, thấy đèn sáng, tới cầu thang gác múa sư-
tử thì thực là phiền...

Tôi đã thiú thiú ngủ, bỗng thấy cầu thang
có tiếng nhiều chân bước lên rầm rập : Trong
lúc bàng-hoàng, tôi choàng giậy, hỏi :

— Ai đấy ?

Mấy tiếng reo vui mừng, nhưng không phải
để trả lời tôi :

— A, a, anh ấy có nhà rồi !... Thế mà chúng
em thấy tắt đèn lại-tưởng anh đi đâu vắng !

Rồi tiếp đó, này Lợi, Quý, Phan, này Huệ,
Lộc, Định, và bốn năm em nữa nối chân nhau
mà lên gác. Trông em nào, em ấy thấy đều
áo mũ ướt át, làn tóc dính bết xuống chân.

VIẾT BẢO CỦA PHẠM CAO CUNG 141

— Mưa à, các em ?

— Vâng, thưa anh mưa, nhưng nhỏ hạt, thôi a !

Mưa nhỏ hạt, — thực ra mưa khá lớn, — nhưng trong ngày vui-vẻ tung-bừng trẻ nào cũng tự an-ủi rằng đó chỉ là mưa nhỏ, — mưa cũng đủ làm cho các em, của tôi phải ướt thế kia, lại cả những gói bánh chúng đem lại cho tôi nữa, chúng đều bị ướt và ỉu cả.

Nhưng không sao, mấy chiếc đèn sếp đã treo lên mấy góc nhà, chiếc bánh mật trắng, cần bánh nướng, bánh dẻo, mấy quả bưởi, chục quả hồng, đã bày lên trên bàn viết, thế là với trên mười em bé, tôi bỗng nhiên đã có một Tết Trung-Thu đẹp và lớn hơn nhiều nhà, và có lẽ cũng là Tết Tháng-Tam vui nhất trong đời tôi !...

...

Tiểu-thuyết nhật-báo, ra ngày 4 Mai 1939 khuôn khổ cũng vẫn bằng một tập chuyện Võ-hiệp bá xú, nhưng để soạn năm chiều ngang, trông như một quyển vở nhỏ của học trò.

Nhưng đó cũng là số 1 của tờ báo Học-sinh, xuất bản ngày thứ năm, tờ báo Nhi-Đồng thứ thứ hai của Đông-dương, sau tờ Cạn Ấm.

Điều đình với nhà xuất-bản, cho ra được

tờ Học-Sinh không phải là dễ. Điều thứ nhất, ra báo phiền phức hơn là in một tập chuyện võ hiệp nhiều, mà lại khi lên, khi xuống, lổ lãi không chừng, chẳng như in tiểu thuyết lợi mười phần năm chắc. Điều thứ hai, in báo nhất là tờ báo cho nhi-đồng, lại phải in màu, và rất nhiều hình vẽ, số tổn phí thêm chẳng ít. Nhưng một bọn anh em và tôi đã nhất định phải ra cho bằng được tờ Học-Sinh và đã thuận nhận một số tiền ít ỏi, — chỉ có 25 đồng một tháng — tức là tiền nhuận bút của toàn thể tòa soạn phải viết đầy đủ bốn số báo ! Chúng tôi chia làm gần như không công như vậy là cốt để cho số tiền tòa phí về việc in báo giảm đi, nhà xuất bản đỡ thiệt thòi.

Ngoài ra chúng tôi lại cần phải giải quyết một vấn đề khó khăn nữa là khuôn khổ tờ Học-Sinh chỉ nhỏ và ít trang bằng nửa tờ Cậu Ấm trước kia thôi, vậy thì phải làm thế nào để cho bài vở cũng nhiều, cũng vui khả dĩ làm cho các em nhỏ ba kỳ cùng ham thích.

Chúng tôi muốn rằng tờ Học-Sinh đã là một tờ báo Nhi-Đồng thì phải chính trẻ em ham, tự ý tìm đọc, chứ không phải để những bậc phụ huynh mua rồi ép chúng đọc như những cuốn sách học khác. Vậy mà mục đích của tờ báo vẫn phải là Vui và lợi ích, có

những mục mới lạ, hầu theo kịp được thể tài các báo Nhi-đồng Âu-Mỹ. Số tiền chi tiêu vào tòa soạn và việc ấn loát chỉ có hạn, lại phải dành riêng một số tiền lãi cho nhà xuất bản, với những dụng cụ in và khắc còn thô sơ ở xứ nhà, chúng tôi phải lấy sự chịu khó ra mà bù đắp lại.

Theo như những báo Nhi-Đồng Âu-Mỹ đặt ra những *Club des Mickey, Famille Juliette*, v.v.:... tờ báo Học-Sinh cũng có *Gia-đình học-sinh*, các trẻ nhỏ trong gia-đình ở rải rác khắp trong xứ có thể viết thư trao đổi cho nhau, có thể mở những cuộc du lịch nhỏ nhỏ, đi đến đâu cũng có anh em chị em trong gia-đình dẫn dắt.

Chúng tôi lại lập thành được một ban kịch Học-sinh chuyên diễn những vở kịch ngắn Nhi-Đồng, mục đích để thỉnh-thoảng giúp vui cho các trẻ nhỏ xấu số hơn mình. Tôi vẫn thường thấy trong các lớp học, thỉnh-thoảng các học sinh lại chung tiền nhau để giúp kẻ nghèo, quyên vào một hội thiện. Trẻ chỉ có việc về xin tiền nhà, — nhiều khi lại xin tăng thêm để lấy tiền ăn quà hoặc đi xem chiếu bóng, — cách làm điều thiện ấy, thực không có ý nghĩa chi cả.

Tôi ao ước trong tay sẽ có một ban kịch Học-sinh, gồm toàn những tài-tử từ 16 tuổi trở xuống, và hàng tháng, hoặc nhân những dịp Tết Trung-thu, rằm tháng Bảy, tôi diễn tại hội Tế-sinh, Viện-Dục-Anh, hòa-nhạc và ca hát tại Trường các trẻ mù, đem *chính cái tài-sức* mình ra mà làm cho đời bọn trẻ cùng tuổi nhưng xấu số hơn mình được thêm chút vui tươi. Còn việc quyền tiền, trẻ nhỏ hãy để dành phần người lớn.

Tiếc thay, mọi việc đương tiến hành có kết-quả trông thấy, thì vật dụng vào việc ấn-luất, xuất bản tăng-giá lên nhiều, nhà xuất-bản tính thấy in báo Học-Sinh mất công phu, thời giờ nhiều mà không có lợi, nhất định đình bản để in loại Khoa-Học Huyền-Bí lẽ tất nhiên có lãi hơn nhiều !

Cái ngày vĩnh biệt các bạn xa-gần hợp thành Tòa-soạn Học-Sinh, chia tay cùng 2.000 em nhỏ trong Gia-Đình Học-Sinh, hứa hẹn một ngày gặp mặt chưa biết bao giờ đến, lòng tôi thấy buồn nản bâng khuâng, có phần lại buồn hơn gấp mấy khi xưa xa gia-đình, tới một nơi xa lạ, đem chút tài mọn văn chương mưu sống cuộc đời tự-lập.

Ở đây, tôi muốn nhắc lại để kỷ-niệm hai người bạn nhỏ trong Gia-Đình học-sinh hiện

VIẾT BÁO CỦA PHẠM CAO CÙNG 145

nay đã là những người thiên-cổ :

Em *Đặng-Thế-Phong*, vừa giúp việc vẽ các tranh ảnh, và giữ mục âm-nhạc trong báo *Học-Sinh* (1) và em *Nguyễn-thị Bích-Phong*, một «ngôi sao» trong ban Kịch *Học-Sinh*, được hoan nghênh nhiệt liệt trong năm đêm diễn tại Chợ Phiên (1939) Hanoi.

Và để kết thúc chút ít kỷ niệm trong khoảng đời làm tuần báo, bằng một chuyện tâm-tình, tôi chép lại ở đây nguyên văn một chuyện ngắn, một chuyện có thực đăng trong một số báo *Học-sinh* đặc-biệt.

« HOÀNG-OANH

« Trong những bức thư của các em ở nơi
« xa gửi về, ngoài những câu hỏi tò mò thường
« nhật Anh Cả làm gì, bao nhiêu tuổi, hoặc hỏi
« anh có vui lòng nhận em đó làm em không,
« có bằng lòng an ủi hay khuyên bảo em no
« trong lúc buồn rầu, hoặc lúc khó sử, lại còn
« những câu hỏi thơ ngây : « Tại sao Anh Cả
« lại yêu các em nhỏ như vậy ? » Từ trước đến
« nay, anh chưa hề trả lời những câu hỏi đó,
« không trả lời chỉ là vì khó trả lời, khó trả lời
« bằng cách nào để cho các em có thể hiểu

1.) Tác giả những bản nhạc *Con thuyền không bến*,
Đêm thu, *Sáng trong rừng*, v.v.,

« được.

« Nhưng nhân số đặc biệt *Các em gái* này,
« anh chợt nhớ đến câu chuyện cũ, cách đây
« đã hơn ba năm... Câu chuyện này thường
« thoi,—vì nó thực, và cũng không có những
« đoạn éo le hay li-kỳ gì hết, song câu chuyện
« ấy có thể thay anh mà trả lời câu hỏi khó
« khăn trên này.

«...Hồi ấy, trong những chuyện viết ra, anh
« thường vẫn cố ý tạo nên những trường hợp
« éo-le, và nhất là đoạn kết thường thê thảm và
« bất ngờ...

« Cũng hồi ấy, anh luôn luôn nhận được
« thư của các bạn đọc nơi xa gửi đến, có
« cả những người lớn viết và cả các em nhỏ
« như các em bây giờ vậy.

« Trong số đó, có một em gái nhỏ thường
« cách một chủ-nhật lại viết cho anh một bức
« thư, lời-lẽ rất ngây-thơ chân-thật, khi thì
« ước đoán anh có những nỗi buồn gì, và an-
« ủi anh, hoặc thúc dục anh cố gắng đi nhanh
« tới mục-dịch đã định.

« Em nhỏ ấy, tên thực là gì, anh không rõ,
« chỉ thấy ký biệt-hiệu là Phạm-Hoàng-Oanh,
« và ở Saigon. Anh biết Oanh học lớp năm
« thứ nhất, song cũng không rõ ở trường nào,
« địa chỉ Oanh ở đâu, anh cũng không hay vì

« mỗi khi thư anh gửi vào đều là nhờ một
« người bà-con của Oanh làm ở một sở công
« nọ chuyên giao. Nhờ có những bức thư viết
« vào giấy màu hoàng-yến đỏ, anh đã vượt qua
« được bao nhiêu ngày buồn-nản, chịu được
« bao nhiêu nỗi thương đau, cho đến một ngày,
« vào đầu tháng Juillet, anh có dịp vào Saigon,
« — Tuy là vào Nam vì một việc khác, nhưng
« từ lúc lên tàu không một phút nào anh không
« nghĩ đến cuộc gặp gỡ sắp có giữa anh và
« người bạn nhỏ xa-sôi.

« Nhưng đã sống ở Sài-Thành luôn hai tuần
« lễ, anh đã gửi thư hẹn mà vẫn không hề thấy
« Oanh lại. Anh đã tưởng thất-vọng thì một
« bữa đi Chợ-Lớn về, anh thấy người nhà nói
« lại, khi anh vắng mặt, Hoàng-Oanh có đến
« tìm, ngây thơ trong bộ áo tím đồng sắc của
« nhà trường (1). Và Oanh có nói những ngày
« hôm trước, Oanh chưa bãi trường (trong Nam
« nghỉ hè chậm hơn ngoài Bắc mà anh không
« biết) nên vì là lưu trú học-sinh không được
« ra ngoài và cũng vì thế không nhận được
« thư anh.

« Oanh tìm anh thì đã chậm mất rồi, vì ngay
« ngày hôm sau, nhận được điện-tin gọi cần.

1) Saigon có trường nữ-học thường vẫn gọi là trường
áo-tím.

« anh về Bắc gấp.

« Sau 42 giờ đồng-hồ dòng dã, con tàu đã trả
« anh về thành Hà, với mối hận chưa được
« gặp mặt người ao ước.

« Nhưng đó cũng chưa đáng buồn bằng từ
« khi về Bắc, không hiểu sao mà anh chỉ còn
« nhận được mỗi một lá thư màu hoàng-yến,
« nữa thôi, sau đó thì thư đi mà chẳng có về...

« Ngót bốn năm qua, anh vẫn nhớ đến Hoàng
« Oanh, và nếu không còn lại những bức thư
« kia thì có lẽ anh tưởng rằng anh mộng cái
« mộng của nhà văn gặp-gỡ người tiên...

« Nhưng cho đến bây giờ, anh cũng vẫn
« không rõ Hoàng-Oanh là ai, ở đâu, và bây
« giờ đã thay-đổi những gì ? Và có lẽ cũng vì
« thế bây giờ anh đối với các em đều có mối
« cảm tình man-mác, mà sâu-sa, vì anh vẫn
« tưởng chừng như em, các em, đều là em
« Hoàng Oanh của anh hết thầy !»

PHẠM CAO-CÚNG

VIẾT BÁO CUA PHẠM CAO CÚNG 149

DA SẮT

MÀU ĐỎ
MÀU TANG



ĂN thứ nhất bắt đầu vào
một mùa hạ.

Ngày ấy cách xa tôi
bây giờ lắm rồi, tưởng
chừng xa nhau bằng
khoảng từ trái đất của
chúng ta lên đến cung
giăng. Sự thực thì mới

độ hai mươi năm là cùng.

La lắm không biết trong người có thần linh
gì cho tôi cảm lạ mờ chứ không rõ ràng, thấy
trước những việc không lành như thế ngay
lúc chúng tôi cho đem một màu đỏ son son
lại lớp nhà ở con đường Huế mới thuê xong.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 151

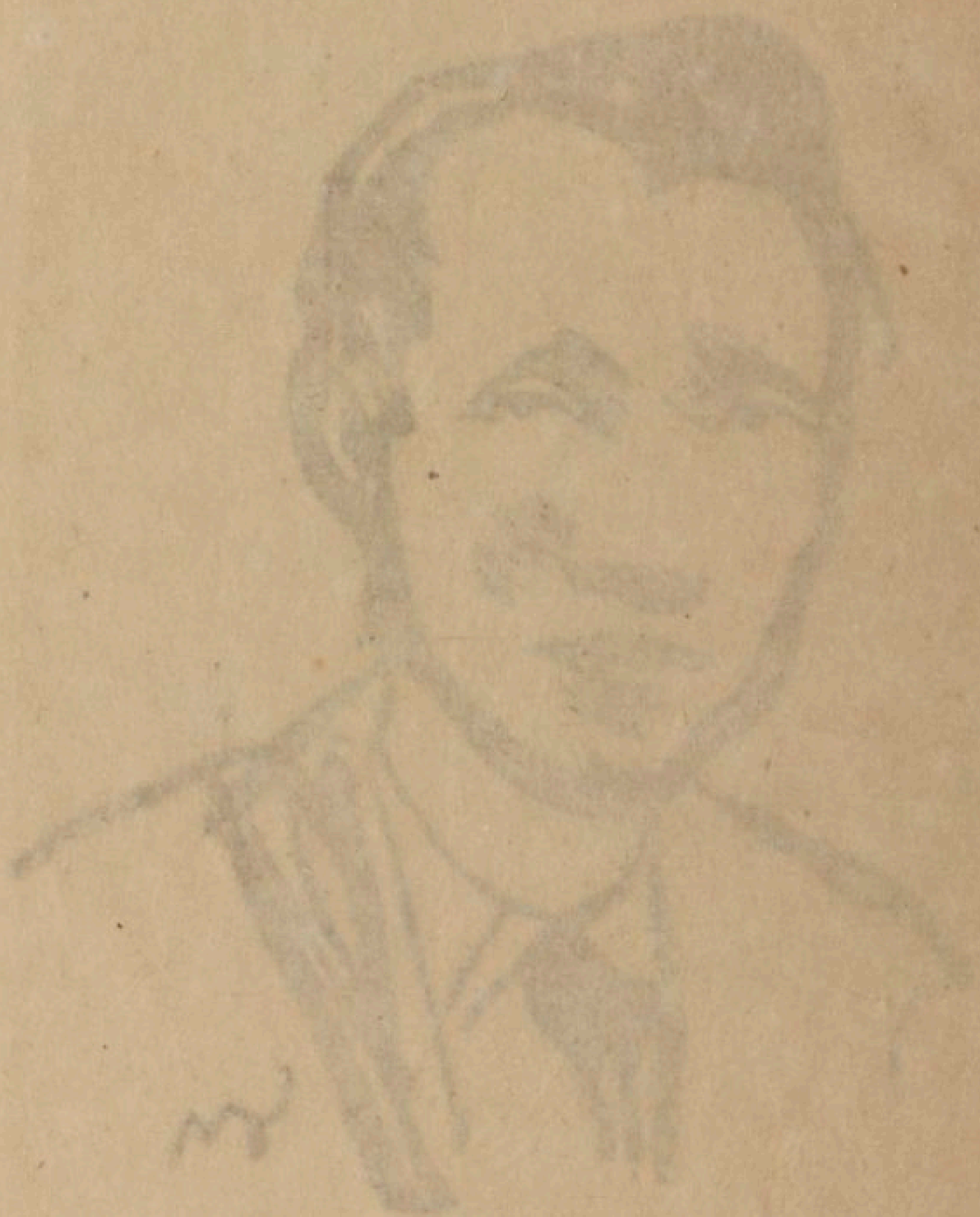
Từ ngoài cửa tòa báo vào trong các phòng làm việc dưới nhà và trên gác chỉ có một thứ: màu đỏ hiện ra ngay trước, choáng mắt người đã lọt vào đây và làm mờ cả người và đồ đạc bày nơi này. Màu đỏ làm chủ, làm chúa ở khoảng không gian hẹp này. Bóng tối của ban đêm tưởng chừng cũng không lấp nổi được màu đỏ ở tường và cửa kính chớp. Ai vào đây nhìn quanh mình mà không thấy máu trong người chạy nhanh hơn lúc bình thường thì hẳn là vợ chồng nặng nghĩa của nhà-phiến.

Tấm biển dài và cao quá khổ chắn mặt trước nhà báo mang hai chữ Dân Báo đủ làm cho người qua lại đường phố khó chịu.

Từ ngày ấy màu đỏ đối với tôi có một nghĩa lý riêng và thấm thía vô cùng. Nó là cuộc biến nhỏ và cuộc biến lớn. Nó là sự tan vỡ. Nó thành một thứ ám ảnh trong người tôi tuy không khó chịu mà kỳ thực cũng buồn buồn. Bây giờ mỗi khi trông thấy nhà nào dùng nhiều màu ấy để trang hoàng cho có đặc sắc, để không lẫn lộn với những nhà sòm giềng thì tôi nghĩ ngay rằng đây là tai nạn sắp xảy ra đến nơi rồi. Tôi thấy thương hại thế nào ấy. Cái tình này chưa chắc vì ai mà có đâu, dễ thường cũng chỉ vì mình thôi. Ấy thế mà tôi không sợ gì màu đỏ bao giờ cả. Cho đến cả về

152 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH





sau, vì mỗi lần bắt đầu gây dựng một nhà báo nào, tôi đều cố-dụng anh em dùng mẫu đồ để quét-lường, sơn cửa và đồ đạc nữa. Có một lần lập một hiệu bán sách cho dân bà nhà tôi, tôi cũng đem mẫu ấy bôi ở ngòm một căn hàng. Hiệu sách ấy sau cũng không phát đại hơn tờ Dân-Báo, nghĩa là đứng lâu đảo được ít ngày rồi cũng đổ sập.

Thế thì bảo tôi quên thế nào được mẫu đồ mà báo dưng bỏ được nó đi. Nó đã đánh dấu được cuộc đời viết báo của tôi thật tình là tha thiết. Nó là mẫu sắc ngăm-ngui của tôi, chứ không tương-bưng hoan lạc như nó đối với thiên-hạ. Đã nhiều lần tôi nghĩ dùng mẫu đồ làm mẫu tang.

Giá cho là mẫu tang ngay đi từ ngày thứ nhất lập tờ Dân-Báo mới phải. Tờ Dân-Báo thật là một cái sắc chết. Lơ-liệu cho nó ra đời, chúng tôi tự nhiên thành ra lũ khổ chủ vốn là thanh bạch lại muốn lo một cái ma to để lấy tiếng với làng xóm. Người chết nhập quan quan trọng nhà, biểu-chủ không muốn thiếu một tuần lễ lễ nào, không chịu thiếu một bữa cỗ nào, không có trâu to bò lớn để kính đãi người thăm viếng hàng tháng rồi mới cho đưa ma ra đồng.

Tình cảnh chúng tôi làm tờ Dân-Báo, còn

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 153

khô hơn thế cũng nên

Cái lòng người con hiếu muốn báo đáp cha mẹ một lần cuối cùng chỉ là cái nghĩa giả nợ sinh-thành. Cái lòng kẻ muốn làm việc đời cũng chỉ là giả nợ đời. Hai việc khác nhau ở chỗ tư và công mà sự hi-sinh có lẽ hơn kém nhau không mấy tí.

NGHỀ ĐẠM BẠC

Chẳng cứ làm tờ « Dân-Báo » mỗi lần bắt đầu dưng vào việc dựng một tờ báo nào, tôi cũng đem cả tấm lòng thành, mong báo đáp đời cho thật trọn vẹn. Thế cho nên nghề có bạc với người đi nữa, mà luôn vài chục năm giờ nay, tôi không có qua một giây phút nào nghĩ chuyện phụ nghề. Cái người quân-tử của họ Khổng uống nước lã, gập cánh tay làm gối đầu, tôi nhận ra có lẽ là tiền-thân của kẻ viết biết trọng bút của mình ở nước ta ngày nay, nên sống đạm bạc đến thế nào, tôi cũng thấy vui. Ngòi bút của tôi đây không có đổi lấy nghìn vàng cho ai muốn mua được. Tôi cũng không thể đổi nó lấy nghề nào khác cho người phú quý mau như cuốn sách ước trong truyện thần tiên hay miếng da lừa trong truyện của

Balzac. Thế là cùng, không biết nói thế nào hơn rằng tôi thú với nghề viết của tôi biết là nhường nào. Từ cổ lai đến giờ, có cơ-man nào là những áng văn và thơ đề ca xướng cái nghèo của người cầm bút rồi. Nó đẹp lắm, đẹp hơn cả các tác-phẩm nghệ-thuật khác trong thế-gian. Tôi có nói gì thêm về nó cũng không làm đẹp hơn được tí nào mà lại làm hỏng đi. Tôi chỉ nhắc đi, nhắc lại rằng nghèo mà được viết tôi thấy sung sướng hơn là giàu sang mà không được quyền cầm bút trong giây phút nào.

Cũng là một cái *ngiệp* chẳng?

Viết chẳng những để báo đáp đời mà còn là giải-thoát cho mình nữa.

Mỗi lần làm một tờ báo nào là những ngày tôi được giải-thoát.

Tôi giải-thoát mình ra sao với những ngày sống của « Dân-báo » :

Hồi ấy cụ Sào-Nam sau một thời đem chơi chí lớn ở hải-ngoại, được đưa về với đất nước này mà cụ tưởng không còn mong đợi gì gửi sống, gửi chết cho nó nữa.

Cái tình yêu đất nước xưa kia bị giàu giếm như cái tình lương-tư của một thiếu nữ cấm cung, bấy giờ được noi. Người được họp thành đoàn, hành đăm để nói chung một tiếng : *Chúng tôi yêu nước*, Hết ai cũng có phút

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 155

đã nhận ra thân mình là của xã-hội, chứ không
khư khư giữ mãi mình là người riêng của gia
đình. Người ta đã được nói như thế kia và
nghĩ như thế này nhưng biết làm cái gì bây
giờ cho phải đường. Kể như vậy, người ta
cũng đã muốn sống lắm rồi không còn chán
đời như xưa nữa. Nhưng, những người, không
phải là hiền-sư đâu, chỉ chịu nhận cuộc đời có
ngũ-sĩ lý gì khi nào nó truyền vận đến cái chỗ
không phải là tiêu-cực, cũng như cái lẽ sống
của hoa khi tàn đi là để mà kết quả. Ở đời
mà cái gì cũng rơi vào chỗ không cả thì còn
tại có suy nghĩ và nói năng cho thừa.

Đời không phải là một bài thơ suông của thi
sĩ, có duyên.

HAI CÁI THA MA

Tôi bây giờ đang là kẻ viết mượn cho tờ
nhật báo « Kua-Hoa » của ông tú Lê-Sỹ-Tổ,
chứ không còn là của ông Bạch-Thái-Bưởi, sau
khi thôi làm kẻ viết thuê cho tờ « Thực-Nghiệp
Dân Báo ».

Tờ báo này sau khi tôi không giúp việc được
ít tháng hay non một năm gì đó, thì thiên về
phố hàng Gai ở ngay vào lớp nhà đối diện với

156 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

báo quán « Khai-Hóa » của tôi đang làm trợ
bút.

Báo « Thực-Nghiệp » đã bị được phong trào
hời ấy nên chạy vào bậc nhất. Báo « Khai-Hóa »
mà tôi đang viết không bắt được gì cả nên có
lẽ chạy vào hàng bát. Ông chủ-nhiệm kiêm chủ
bút của tôi là nhà nho xuất ngày không nơi gì
đã đánh rồi, và còn không lúc nào tỏ cho tôi
thấy một thứ tình gì trong bấy thứ tình của
con người. Tôi vốn cũng là người ít nói và lạnh
lẽo đến nỗi có ông bạn thân đưa báo : « Anh là
một cái tha-ma, cái gì vào trong lòng anh cũng
được chôn sập. Ai có tâm-sự riêng gì chỉ nên
gửi vào anh thì nó mới được nằm yên không
nhảy được sang một người thứ ba nào khác » ;
thế mà lắm lúc tôi còn thấy kho chứa về sự yên
lặng của ông nhà nho này. Nhất là chúng tôi
lại ngồi đối diện nhau chung một bàn. Thật
tình thì lúc đầu gặp ông, tôi thấy thú về tính
ấy lắm và tôi cho là một đức !

Đức của ông và đức của tôi càng ngày càng
lên tới cái độ cao, thành thử ở tòa soạn một
nhà báo có những hai cái tha-ma. Chẳng còn
nói chuyện tâm-sự riêng ; tâm sự của ai tới
đây cũng được chôn mà việc thiên-hạ vào chốn
này cũng được chết nốt.

Chúng tôi là hai khối lớn có chất phản-ngịch

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 157

với tính cách một tờ báo hằng ngày là tấp-nập và ồn-ào. Báo « Khinh-Hóa » được bao nhiêu hơi sức mà không bị gió sống gió chết, nhất là cả bộ biên-tập, trừ hai chúng tôi ra, chỉ còn mỗi một người chạy ngoài đề lấy tin : Ngô-Văn (chờ nhâm với Ngô-Văn quản lý báo Đông Pháp)

Bạn đọc nghe chuyện đã buồn ngủ chưa thì hình dầy mà coi một trong hai cái tha-ma sắp đứng dựng lên và bốc luôn cả một người trong bộ biên tập là Ngô-Văn đi đây này.

Hỡi người thiên cổ ! hãy đứng cả lên ! Sóng gió dòn-dập không để cho ai yên nữa rồi.

Tôi thấy không thể còn ngồi lâu được hơn ở cái ghế tòa báo này nữa đâu.

Ở đây lạnh lẽo lắm. Ở đây lặng lẽ lắm. Ở đây xa lánh cuộc sống đương thời lắm. Ở đây cách biệt với mọi sự tung-bừng của xã hội. Ở đây không phải là hoạt động Ở đây không phải là sống mạnh-mẽ. Ở đây không phải là báo.

Mà tôi là người viết báo, là kẻ làm báo. Làm một tờ báo nào không giống tờ báo này và viết cái gì khác với những điều tôi đã viết.

Ở ngoài có bao nhiêu việc đáng nói, ở trong lòng tôi có bao nhiêu điều đang viết ra, mà không nói, không viết nó lên giấy đề, cho nó như đã thành một thứ men rượu trong người

thế này thì chịu sao được nổi nữa ?

Tôi bốc Ngô-Văn đi cùng với tôi, hai người nhất định từ chức ở báo « Khai-Hóa » để tính việc lập một cơ-quan ngôn luận hoàn toàn là tư-hữu mình.

Ngô-Văn không viết được nhưng là người đã từng giúp cho hai ba tờ báo Pháp và Nam về tin tức rất đặc-lực. Anh lại là người hơn tuổi tôi, đã được thất bại một hai lần trong việc đời. Anh đã cùng với tôi giúp việc cho « Thực Nghiệp Dân Báo » và có tính ngang tàng không chịu khuất-phục kém cạnh trong việc làm ăn. Đã có lần giữa một nhà báo đông đủ mọi người làm việc anh bô-bô lên : « Ông bác tôi dút chân vào xe điện để cho báo có tin » để trả lời ông chủ-nhiệm kia phàn-nản rằng ít tin-tức.

Tôi bàn với anh để anh đứng tên xin phép xuất-bản « Dân Báo » và anh sẽ làm chủ-nhiệm vì anh có đủ điều-kiện về việc đó.

Cùng thời được phép xuất bản với « Dân Báo » trong Trung-Kỳ có tờ « Tiếng Dân » và ở Nam-Kỳ có một hai báo nữa mà tôi không nhớ tên. Kỳ nghị-định phép xuất-bản báo là quan Thủ-hiến Đông-dương Varenne. Quan Toàn-quyền Varenne đã ân-xá cụ Sào-Nam, nới rộng phép xuất-bản báo chí và mở những lối đi nhỏ nhỏ cho dân Việt-Nam đến nhiều quyền tự-do

khác.

Kể cũng là một phong-hội mới cho xứ này. Nhưng ngày lưu tại đây của ngài chẳng bỏ với cái công ngài đi đi về về đề rồi không bao giờ sang nữa.

Nói qua thế đề ghi thêm cái thời của « Dân Báo »

CUỘC SỐNG TRÁI NGƯỢC

Thời « Dân Báo » đánh dấu ngày đầu tiên bằng số báo thứ nhất, bốn trang khổ giấy nhật trình rộng...

Ở luôn bộ biên-tập, chúng tôi có ba người viết được — được và mau chóng bằng nhau. Về tài hoa lỗi-lạc và hay hóm — thì chưa chắc, nhưng mà viết một bài báo nho nhỏ không đến nổi giờ, viết những mẫu vụn vặt để lấp vào các lỗ hổng, gọi theo tiếng nhà nghề, thì ba chúng tôi là Vũ-dinh Tam-lang, Ta-dinh Tiểu-lang và tôi đều có thể vừa tiếp khách, nghe người nói và mình nói giả lời người ta, vừa có thể cứ viết. Viết như thế bất luận là ở đâu, ở chỗ đông người ồn-ào như trong sương máy in, ở các quán rượu, tiệm hút, ở các nơi ca trường hồng lâu nữa. Viết là lựa như người mắc phải bệnh điên viết, viết

160 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

không kể vào giờ phút nào trong ngày đêm. Cuộc sống của chúng tôi không biết phân mô rang. Trong lúc mọi người ngủ thì chúng tôi bắt đầu dạy, thức tỉnh tảo như buổi bình minh đẹp để làm việc.

Chúng tôi sống như mã chữ không phải là những người có sống có chết ở thế-gian này nữa thì bảo làm thế nào cho biết lo xa, biết phòng bài vở, viết lách sẵn sàng cho báo được đông đặc hơn. Không biết có phải là lưới bay khinh thường, chúng tôi chỉ viết vào giờ phút cuối cùng của nhà in rục bài. Mỗi tờ giấy khắc chót, những khuôn chữ in đã sẵn sàng nằm trên máy đợi lệnh để chạy cho báo ra không sai giờ của mỗi ngày, chúng tôi mới có tin cần đến bốn năm cột bài nữa. Còn cách gì làm hơn nếu chẳng để có chỗ trống trái trên mặt giấy. Chúng tôi nghĩ giấy trắng có khi nói nhiều hơn con chữ cũng như nhiều khi sự im-lặng đã giải được nhiều tâm sự của người nên không thấy mình phải gượng ép gì khi làm thế.

Chúng tôi có bao giờ viết thiếu bài đâu, vẫn viết đầy đủ lắm, nhưng làm việc theo cái lối ăn sồi ở thì như thế, lẽ nào chẳng phải thiếu thốn.

Thế mà báo chạy ngoài sự mong đợi của chúng tôi mới lạ chứ.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 161

Nhiều độc giả quá lời khen rằng đọc một bài của « Dân Báo » còn hơn năm bảy bài của báo khác, bỏ tiền ra mua « Dân Báo » coi nửa bài cũng đủ lắm, không uổng tí nào.

NHỮNG HƠI THỞ LẠ LẠ

Bá-Nha gặp có một Tử-Kỳ cũng đủ không hạn rằng đời không có tri-âm, nữa là đây chúng tôi đã gặp được hàng mấy ngàn Tử-Kỳ thì sung sướng và ham sống gấp vạn cổ nhân cũng phải.

Chúng tôi ham sống bằng tất cả những cái gì hăng-hái, mạnh-mẽ của cái tuổi ngoài đời mười chưa lập. Trong đầu nghĩ thế nào thì viết thẳng ra. Những tình gì có trong người đều được hiện lên mặt giấy trắng. Nói năng mạnh-bạo không biết dè-dặt lời một tí nào. Báo chúng tôi có những hơi thở lạ lạ, mới mới thẳng thắn, mạnh-mẽ và dễ-dàng mà độc giả chưa thấy bao giờ ở những tờ báo khác. « Dân Báo » không có một nhân-viên nào làm chánh-trì, hay định làm chánh-trì nhưng lại khỏe nói chánh-trì, toàn một giọng này. Có lẽ trong người chúng tôi thiếu chất ấy vì người ta thường viết cái gì mà người ta không có. Người

không được yêu đương bao giờ mà lại là nhà văn, thì nhân-vật trong tác-phẩm sẽ là hạng tình-chung say đắm mình và say đắm người. Văn sĩ không được thắm thía nỗi buồn phiền bao giờ thì lời văn thường là bi thương. Nhà văn sầu cảnh mình và chuyện đời, văn chương lại vui. Như Molière có vui chi chuyện đời mà văn phẩm toàn là cười cợt làm cho người cười rơi ra lệ ; Stendhal bầm tính then nhát lại sản ra loại văn đầy nghị-lực thừa sức mạnh.

Nói cho đỡ hàm-hồ là những bài của « Dân Báo » là lối văn công kích người và việc làm có tính-cách gọi là công mà trái với lợi chung của mọi người, chứ không phải là những bài thuyết-lý về chánh-trị thuộc một chủ-nghĩa tôn-chỉ nhất-định.

Không biết cái luận-điện lực ấy có hợp lý, có minh không, nhưng nó thật là vô-tư, thành tia trung với lòng thẳng thắn của người viết. Chẳng có thể mà chúng tôi đã nói đến những việc không ai dám nói, đụng đến người mà xưa nay được số đông kẻ hương khói thờ như thần thánh dẫu họ làm những việc chẳng xứng đáng với sự đại kính, đại trọng với dân như thế. Nếu xét cần phải hạ thì cứ hạ, sau có thiệt hại gì cho mình cũng vui mà chờ hứng lấy. Chúng tôi không chịu theo phong

VIẾT BÁO CỦA PHUNG BẢO THẠCH 163

trào mà suy-tôn nhằm ai hết.

Chúng tôi ngông hơn mấy kẻ sớm dắc chí và hăng hơn cả quân cầm tử ra trận. Ngày nay chưa bước vào cõi già mà tôi nghĩ lại thấy quý và tiếc vô cùng cái hăng-hái và thanh-thực của thiếu-niên. Bao giờ tôi cũng ưa cái tuổi trẻ dai-dột mà thanh hơn là nó khôn-ngoa, suy tính quá. Vì người đã gọi là khôn thì thường g ả-giối, cái gì đã tính là không có tình. Vô tình ở với nhau, thì sống buồn hơn chết.

Ngày tháng đi cứ đưa con người xa mãi cái hạn tính của thiên-nhiên. Bây giờ bảo tôi diễn lại những việc cũ ấy, xin thú thực rằng sự hoạt động thanh-tin như thế không chắc có được nữa hay là có, nhưng nó không được tỏa ra ngoài dễ-dàng, nồng-nổi như xưa. Đây cũng là sự suy đốn của nhiều người khi không còn là chàng tuổi trẻ ngoài đôi mươi. Cống lại với bệnh suy-nhược ấy, nghĩa là vẫn còn hồn-nhiên, ngây-thơ và hăng-hái trong chuyện đời là làm việc nặng-nhọc vô cùng.

Ai mà đương nổi thì cứ thơ-dại cho đến tuổi sau bảy mươi và làm được mỗi việc phá hoại chứ không xây dựng được gì. Tờ « Dân Báo » sẽ vẫn còn tới ngày nay nếu chúng tôi lúc đó cũng có đủ sự từng trải khôn ngoan của những ông già.

164 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

Việc đời nào có thể. Chúng tôi đã hung hăng trong ý nghĩ và việc làm ngay từ lúc báo sắp ra đời.

Thời gian là cái vô hình gạn lọc con người và mọi việc để phân ra trong và đục. Đàng cuộc, người ta ít biết mình ra sao. Sự sáng-suốt mấy khi nó đến với việc gì thuộc hiện tại của mình mà thường chỉ tới sau khi việc ấy hay người ấy đã lùi vào quá khứ.

NGƯỜI LÀM ÍT HƠN NGƯỜI SAI

Nghĩ lại về những người của chúng tôi thời « Dân-Báo » thì bây giờ tôi thấy chúng là những nhân vật của loại tiểu-thuyết Dostoiwesky, văn hào Nga Ngô Văn là chính thức chủ-nhiệm mà không có toàn quyền hay là không muốn có. Nguyễn Lang bỏ ít tiền vào để chỉ tiêu việc cần buổi đầu về sự xuất-bản báo, đứng làm quản-lý muốn thu đủ các thứ quyền vào mình nhưng lại e dè nề anh em không những không làm cho ra việc mà cũng không bao giờ tỏ được ý mình với ai, nhất định cả với Nguyễn phu-nhân nữa. Thành thử *khởi ý*, chứ không là *khởi tình* sẽ bị mang

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 165

xoổng tuyến-dài không tan. Chúng tôi là ba người ở bộ biên tập lại được chia với chủ-nhiệm và quản-lý cả quyền chủ-trương. Một tờ báo mà có đến năm ông chủ ngang nhau không biết ai là chủ nhất, ai là chủ năm. Thật là chuyện không đời nào có được ở nước Nam và cả thế giới nữa. Đến như nước Tàu có nhiều chuyện rửa rửa loại này cũng chịu thua đứt chúng tôi ở chỗ đó. Ông chủ đông hơn người làm công nhiều quá ; nhà báo chỉ có người đề sai báo người chữ không có người đề cho người sai báo. Công việc gì ở đây còn chạy sao được.

Anh Tiểu Lang là người của sông hồ, đã lâu, anh lại trở lại với cuộc sống ấy. Không biết bây giờ những đức tính kia còn ở với anh nữa không hay nó đã luân lạc sang người khác rồi.

VỠN LA NGHỀ THÀNH THỰC

Tôi chỉ đưa một nhân vật chính trong chuyện Dân Báo ra đây làm mẫu. Tùy bạn đọc suy nghĩ theo chiều riêng của mình muốn cho chúng tôi là những người sẽ lên thiên-đường hay là lũ quỷ hiện thân, tôi cũng không vui mà không buồn hơn tí nào.

166 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

Chúng tôi chỉ biết khi cầm đến bút viết thì đặt cả tấm lòng thành và tin vào đấy. Mà hồn của nghề viết báo là thành-thực.

Thành-thực cho thấy hai đến thân cũng không chứa, chẳng như cô Kiều mà cũng chứa cả tấm lòng trinh bạch.

Kể lại những chuyện thiệt mình của nhà báo chúng tôi thì nhiều lắm, bằng chép bộ bách khoa tư-diễn hay bộ Sử-ký Tư Mã-Thiên cũng nên. Mỗi khi làm được một việc như thế, người cầm bút thấy nhẹ nhàng, tưởng mình hơn người và có quyền khinh người không được hay không dám làm như mình. Khi ấy, mình mới tìm rõ thấy cái lẽ sống của mình. Rồi tưởng mình như có nhiều quyền hanh với người chung quanh và không cần phải giữ một bồn phận thông thường nào theo cái nghĩa eo-hẹp và cổ-chấp của thế-nhân. Cái gì thiên-hạ coi to lớn, mình thấy nhỏ; thiên-hạ cũng bé, giới cũng bé. Trông thấy sự-sự-phụ đề giàu sang thì cho là đê-tiện tầm. Đến việc thiệt thân là ý thức cũng không cần dè-rét còn hơn là hãnh câu ai, nhất lại gặp là người không đáng. Việc coi là nhỏ thành thử có người cầm bút có khi sống cô-độc ở giữa những xã-hội đông đúc.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 167

BIẾN TRẠNG CỦA NGHỀ NGHIỆP

Bao nhiêu ý tưởng ấy lộn-xộn trong người rồi hiện cả ra ngoài bằng ăn nói, đi đứng và cư xử. Thành ra con người kêu bạc trắng cho mọi người. Cũng có người yên miễn mình về một đôi chỗ nào đó thì dung nổi nhau. Nhưng số đông người ta không thể chịu nổi được các ông như thế. Các ông lại càng ở cho người ta chối hơn chứ sợ quái gì. Nếu chịu đựng được nhau thì sống chết với nhau cũng nên, lẳng không thì xa nhau hay là nhau đi, chứ không có cái lối vờ cảm tình cho khổ thân ra.

Người nào nghĩ như thế và sống như thế thì lúc nào cũng như là say sưa, trong cuộc đời không biết rõ hơn hay mờ hơn người thường.

Đây cũng do sự biến trạng của nghề-nghiệp bút giấy.

Không biết có phải thế là những cái thú về tình-thần không? Hay là một thứ chứng bệnh chưa có tên để gọi.

Xuống thấp một tí, vì là thuộc vật chất rồi, thì là sự tiêu tiền không đếm và chết đuối người trên cạn bằng rượu, thuốc phiện, thanh và sắc.

Nhân vật trong chuyện Dân-Báo, để một hai người ra, còn thì đều sống như thế. Khi có việc lớn, thì hay bé cũng chỉ là việc viết bài thôi. — chúng tôi họp nhau, cũng vậy, sẽ nhớ

Cũng có người đến thuở dịp hiện, không nói gì. Nên lặng, ở ngoài bước vào sẽ thấy. Còn Nhưng mà mấy cây bút làm việc đều siêng, và như được bằng lòng lắm. Có cái gì cần là vấp lắm. Có viết cho đầy báo hơn. Gây một đống giấy bắt đầu hay nối theo một cuộc bút chiến, nói cho đúng, một việc công kích người hay việc. Chúng tôi thường viết năm theo kiểu các cai học trò ngày xưa thế mà không có ai bị ức chế, hoặc hung sinh ra họ, lao đầu ruột cổ. Cái này có lẽ là một trong những lợi ích của việc viết báo.

AU CŨNG LÀ CÁI TƯỚNG

Mãi mãi, chiến viết, thế thành thói quen, được viết năm sắp vẫn thấy thú hơn ngồi bàn ghế hẳn hoi. Ấu cũng là cái tướng. Tướng không phải chỉ chẳng những chỉ phát hiện ra cách đi đứng, ăn uống mà cả ra cách nghĩ nữa. Cũng như lắm người giàu sang mà không đẹp tiếp, báp cổ họ mệnh là vì có cái số khổ.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO, THẠCH 169

khỏe. Cũng như có người khỏe như ông ba-
mười, mưu-trí bằng Gia Cát mà sợ một người
dần bà yếu đuối ngu độn là vợ mình dấn đập
và lừa dối mình thì vì có cái tướng ăn mày.

Sau những đêm làm việc như vậy là những
ngày và đêm đặc ý.

Nhân sinh đặc ý tu tận hoan. Chúng tôi
uống cho say sưa. Người uống rượu chơi theo
cái hào hứng một lúc dấn phải bạ nơi nào cũng
say được. Say ở giữa tiệc đông mặt lạ, say ở
hàng quán thì chỉ có những người thấy uống
là uống, uống cho khỏi khát rượu. Người say
để tìm cái đẹp tất phải chọn nơi, chọn người
và chọn thời nữa mới uống. Có người uống
rượu với giăng trong sương, với gió cây ngàn,
với nước mắt, với sắc chết nằm bên mình.
Chúng tôi tục hơn, thường uống rượu với
tơ tiếng tiếng trúc, với giọng ca hát của mỹ
nhân, với mỹ nhân.

Mỗi một thời điểm,
được viết nên sắp xếp như thế này hơn người hẳn
trông **SAY VÀ THẤY ĐẸP**

Men rượu làm nổi bật bấy nhiêu thứ thanh
âm và màu sắc. Người say tìm thấy một cái
đẹp tuyệt vời không có ở trần gian. Đẹp
từ ngoài mắt đưa vào, đẹp từ trong đầu
người ra. Người dấn bà nào hiện ra lúc ấy

170 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

cũng thành mỹ nhân, tiếng khóc than cũng thành âm điệu hay, cảm cái đẹp thấm thía đến mềm người. Người say không hiểu buồn quá hay vui quá, tự nhiên được khóc có nhiều nước mắt.

Không một tác-phẩm nghệ-thuật nào hơn.

Thi-nhân bảo phải mượn rượu để đến cõi đẹp là không sai.

Chúng tôi đây không ai là thi-nhân, nhưng là ba, bốn chàng Thúc-Sinh cảm được cái đẹp ấy. Thành thử báo chạy mà không có tiền nuôi trọn một ai được đều đều. Một đêm say phải đòi mất năm bảy nghìn tờ báo. Nhất là một khi thấy tiền thu về thiếu nhiều để chỉ việc ích lợi cho báo, thì chúng tôi càng hăng về sự tiêu vô-ích cho người hơn. Người nghèo thường được tiếng hào hơn người giàu có lẽ vì lẽ này chăng. Người ta có tiền thừa muốn cho thừa hơn và người đã thiếu, thiếu hơn một tí cũng thế.

CHỈ GIÀU VỀ TINH THẦN

Nhà báo đến kỳ hạn phải chi nhiều khoản rồi.

Nhà in không rục bài bằng rục giả tiền in, tiền giấy.

Chủ nhà hỏi tiền nhà.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BAO THẠCH 171

Người làm công cần lương.

Còn nhiều thứ tiền nữa, mà trong quỹ nhà báo không đủ trả một bữa ăn trưa cho mấy chúng tôi.

Người nào cũng có bộ mặt của người nhà ở dăm-ma,

Chúng tôi hãy tạm giải quyết bằng một câu hẹn với nhau? « Đêm hôm nay, chúng ta phải họp ở nhà báo. »

Trong một lúc không lâu, các điều thuộc về tài chính được bàn tính và giải quyết rồi.

Quả ngày hôm sau, không ai tỏ sự lo lắng gì nữa. Môn tiền từ buổi sáng đưa nhà in bằng lòng cho chứa một hạn dài, các khoản vật khác tạm ổn cả. Lại đến việc hàng hai mà làm việc như thường và hơn thường.

Báo vẫn được đọc nhiều, chúng tôi và ông chủ nhà in nữa, tin chắc sẽ giả xong nợ trong ít ngày.

Thư tin ngày một nhiều. Mỗi cái phong bì chưa không biết bao nhiêu nhời khêu lửa cháy đỏ dần thêm, máu nóng của tuổi trẻ được đun sôi.

Bao nhiêu loại công kích có trên mặt báo đều lên giọng cao hơn, nghĩa là kích-hệt-lâm.

Nhà in không từ chối bất cứ gói nào.

172 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

ẢNH HƯỞNG

Công kích việc và người. Lối này không gọi là bút chiến được vì không có bút nào của đối phương bắn tên đạn hay bom sang phía mình cả, và không chuyên hẳn một vấn đề nào nhất định như văn chương, nghệ thuật, chánh trị hay xã hội. Đây chỉ là nhân một chuyện gì của thời cục, mình đưa một nhân nào vật hay việc gì ra đã công nhiên, hoặc nói úp-mở bóng gió để độc giả có thể hiểu ngầm. Nhưng phải có chứng làm tin. Công hiệu của nó nhiều khi không hiện ngay khi mực viết vừa khô trên giấy, nhưng có mãi về sau khi nét chữ in đã bị thời gian xóa mờ, giấy đã biến trạng nhiều lần rồi. Nhiều nhà văn và nhà báo bên Pháp thời xưa và bây giờ, như V. Hugo, d'Aubigné, Barlier và L. Daudet, thường dùng ngòi bút đã này có công hiệu.

« Dân-Báo » ưa lối viết này và được độc giả chuộng vô cùng. Báo nhờ thế mà chạy chữ không phải chúng tôi đã gây được dư luận gì vững vàng hay tạo nên phong-trào chi hồi ấy cả. Chẳng qua chỉ dựa vào tên báo, viết gì cũng đứng lên cái địa hạt Dân mà đã những người và việc mà chúng tôi xét không thuận với Dân mà thôi.

DÀN PHÁ DÀN

Sống những ngày như thế tôi không biết nên vui hay nên buồn. Bề nào thì cũng nhỏ cả.

Đời là những cuộc chuyển biến không ngừng. Lắm lúc tôi nghĩ, già không có luôn những chuyện biến lớn và biến nhỏ thì sống cũng tẻ.

Đây là một sự biến đến làm cho tôi được bận hơn trong những ngày lòng mình phân vân không định hẳn rằng nên sống thế nào là phải.

Giờ tôi đã lâu lâu. Chúng tôi đang mãi viết. Có những tiếng đập cửa nhà báo và tiếng người nói ồn ồn bên ngoài. Đứng trên gác nhìn xuống, chúng tôi thấy trước vỉa hè của báo có đông người, không ước chừng là bao nhiêu nhưng mà là đông. Và trong đám có năm bảy người gì đó coi bộ giàng hung-hăng định làm chuyện gì dữ.

Chúng tôi đoán ngay chắc có kẻ nào muốn dùng võ để rửa hận với văn đây.

Cây bút hăng nhất, lúc này hóa nhụt nhất ! Tiền-lang. Anh hoảng hốt đến biến tướng sắc hẳn, thành một người khác không còn là người bạn viết của chúng tôi nữa. Anh nhảy bổc người trên sàn gác như đứng trên lửa. Anh

174 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

chạy hết số nợ sang góc phòng kia, không hay
để tìm lối thoát thân, để ăn, để đứng thế thủ
chờ phút tốt đời thế công? Hay là cả bấy
nhiều ý qua đầu anh cùng một lúc.

Trông anh không còn đẹp đẽ như lúc anh
nói lớn nữa. Có lẽ anh không phải là con
người của lúc lâm nguy.

Cái gì mà ta nhận thấy ở bên ngoài thường
là sự phản nghịch hẳn với bên trong. Cái bất
ngờ thường đến hơn cái mình mong đợi. Tôi
không bao giờ tưởng một người coi bộ sừng
sộ gân guốc, ăn nói mạnh bạo như Tiểu lang
mà nhát gan. Cũng như chẳng ai ngờ rằng một
người đàn bà ốm yếu đã làm tan bọt người
hung hăng kia bằng một câu nói có sẵn ở đầu
lưỡi mọi người khi gặp kẻ cấp: « Không đi
thì tôi cho gọi cảnh sát. »

Người đàn bà này là em gái ông chủ nhà
của chúng tôi ở căn bên cạnh báo.

Nghĩ đến việc này, bây giờ tôi vẫn chưa hết
sầu hổ. Mình không bằng một người đàn bà.

Giá không gặp chuyện, cái lòng kiêu căng
của mình cứ để cho mình nhầm rằng mình có
thể coi thương một người đàn bà mãi mãi.

Chuyện này ám tôi mãi và đã dạy nhiều cho
tôi về can đảm và đừng khinh thường ai khi
mình chưa biết rõ người ta.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BAO THẠCH 175

HOANG DAI THIEN QUANG TAY VIET

Đối với Tiền-lang, sự phản động trong người
chắc không như tôi.

Việc này bạn đọc có đoán ra thế nào không?
Chúng tôi coi là việc một cá nhân bị bao nói,
tất là nói không tốt rồi, rửa giận. Nhưng mà lại
không thể.

Qua hôm sau, một tờ báo cũng đeo cái tên
Dân như báo chúng tôi đăng tin về việc ấy với
mấy chữ đề lớn rất có nghĩa lý rằng : dân phá
dân.

Báo được bốn phương đổ một tiếng khen
như thế dân có thể xảy ra chuyện vô lý như tờ
nhật báo kia nói được. Chúng tôi nghĩ và ngờ.
Sau, dân chúng tôi không phải mở cuộc điều
tra nào, mà cũng biết được đích xác rằng ông
chủ một tờ nhật báo kia không thể giữ được
cho báo mình chạy nhất nữa, vì Dân-Báo ra sau
mà sáo lên báo mình để đi trước nên sui mấy
người gọi là tả hữu của ông làm trò ấy hại Dân
Báo. Những người quen thuộc của hai nhà báo
phải gặp một việc bất hạnh cho những tình cao
quá trong người vì đã biết rõ sự thực không
tốt đẹp một tí nào trong việc mưu hại nhau
về danh và lợi.

Lợi của nghề không mấy khi nuôi nổi người
và danh của nó chết non hơn hoa. Danh vọng
mau tàn như nghệ thuật viết báo giả mau.

176 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

Bằng tướng hai thứ ấy là mủ là biền đi nữa
thì tranh nhau cũng phải bằng những thủ đoạn
to công như chuyện lấp biền và san phẳng
núi. Chứ tranh nhau như thế người ta tuy
không bị hại mà cũng không được vui. Và
cũng không buồn: trong việc này, may không
có một người cầm bút nào. Lão chủ kia không
thấy danh và lợi nào đến cho mình; rồi dần
dần cả báo và người bị chết mòn như người
sản phụ.

Ác quá, tưởng chuyện phiên này ít ra cũng
làm cho mình được lo phiên nhiều có thể thấy
đổi được cho mình cái tâm trạng vô lý không
ra buồn và không ra vui của tôi có trước kia.
Sao nó không hăng lên tí nữa để xảy ra có
người bị thương hay thiệt mạng. Như thế, kẻ
khổ hơn cho mình thật nhưng ít ra nó cũng
thay đổi được cảm giác trông người mình.
Chẳng nói chi chuyện vui, tôi không muốn cứ
giữ mãi một điều gì buồn mà không đổi lấy
cái buồn nào khác. Nếu mình không tìm thấy
cái thú gì ở cuộc đời này thì mình cũng mong
được thấy nhiều những sự sầu muộn nó đừng
giống nhau.

Cái gì đọng lại mãi trong người ta như nước
ào tù mà chẳng chết người nữa là sự phiền
muộn. Tôi hay nghĩ đến chuyện hoa phúc và
VIẾT BÁO CỦA PHUNG BẢO THẠCH 177

thường thường cầu nguyện đừng có một thứ
hoa hay phúc nào ở mãi với mình cả; nó phải
thay nhau mới luôn để cho tôi phút nào cũng
được sống những hơi thở la-la, cho lòng tôi
đừng phải gĩa theo với nghề viết báo, cho tôi
không biết có thời gian.

Ý nghĩ của tôi có người cho là đại đột, kể
đã vận vào tôi nhiều rồi. Đợi tôi được đi sát
với câu « ngày ngày mới, ngày càng mới ». *Ngày càng mới*
Không phải vì năm phúc lần lượt đến gõ cửa
tôi mà lại là những tai nạn tìm mình.

Ấu cũng là cái nghiệp !

Ý nghĩ của tôi cũng là những điểm gỡ bảo
trước rồi.

Xin trở lại câu chuyện Dân-Báo thì biết ngay
cái điểm báo cho mình rõ cái nghiệp đã định.

Giả gặp cảnh báo chạy mà thiếu tiền thì
người ta phải tính sự cần kiệm rồi thu dần để
đợi cái ngày dư dật hơn. Dung dị lắm !

Báo vẫn sống đều, người cũng sống theo.
Việc gì trong người lại nổi lên những thứ
sống quái ác của máu như vậy.

Đời thuở nhà ai lại ngồi mà chú cho có sự
không lành hơn đến cho báo của mình.

Người ta bảo có một ông Giời. Có một ông
Giời xếp đặt sẵn cuộc sống cho nhân gian. Tôi
cho rằng thật có một ông Giời thì ông Giời

không bao giờ phụ lòng ai-dâu.

Điều tôi mong, không biết là điều gì, nhưng là không lạnh hơn, đã đến đời chiến sống cho chúng tôi đây này :

Nó đến một cách lặng lẽ chứ không ồn-ồn như lũ côn đồ.

Tin đến :

Báo chết !

Bây giờ là sự thực như chúng tôi đã viết. Không phải là điều mong chờ nữa, và cũng không phải là mộng.

Cái gì ồn-ào chẳng là hão, Cái gì im-lặng chẳng thiếu nghĩa sâu nặng lâu bền.

Chết không có nghĩa ngăn ngúi là hết ở đây.

Chết là còn nhiều. Nó là giải thoát hoàn toàn. Nó làm cho người có lòng yêu mình được thêm cái tình thương tiếc, và cho người giận oán hơn mình hết được những thứ ấy mà thấy vui sướng hơn trong lòng.

Nó chỉ làm những điều mà tôn-giáo gọi là thiện.

Tôi thấy được với vợ các thứ bận rộn của nhà-dám đã lo xong việc tổng táng người quá cố.

Tôi thấy những ngày sống của Dân-Báo là vừa, dầu không trọn được một tuần bốn chín của người mệnh một.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 179

HAHT OAB NHUNG BAO THACH 180

Giá nó kéo dài đời như nhiều bạn đồng nghiệp của nó thì chẳng hơn gì những bạn nó là sống những ngày vô vị, nhạt nhẽo. Và còn thêm cho người khai sinh cho nó chán nhau hơn, vì mới ở với nhau có ít ngày mà những tình và ý trái nhau trong chúng tôi đã thấy hiện ra nhiều.

Tôi biết rõ các người quanh tôi hơn rồi, và khi đã rõ nhau quá thì tan đi họa may còn có lưu được tí tình gì quý chẳng.

Tan đi, nếu có gặp nhau nữa thì trong trường hợp khác.

Chúng tôi còn phải ở rồn với nhau trong ít ngày nữa để giả lại các bàn ghế đóng chiu của một ông chủ hiệu gỗ, để khất yên món nợ nhà in và thu xếp các việc khác cho đừng có chuyện gì rây rưa với nhau về sau này.

Cái mẫu đỏ, mẫu tang riêng, cũng cần bỏ đi, theo ý muốn của chủ nhà.

Làm hết mấy việc vặt, chúng tôi không còn đủ tiền để thuê hạ nốt cái biển đóng vững trên tường mặt cửa báo.

Đến lúc đứng lên chia tay mỗi người đi một ngã, chúng tôi không ai còn một xu nào của nhà báo mang theo mình.

Thế là xong một đời tờ báo của mấy người viết gây dựng. Và là tờ báo đầu tiên mà tôi

180 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BAO THẠCH

« sát » trong cuộc đời viết « đa sát » của tôi
như một cơn bão tố dữ dội. Tôi đã sống một đời
như một cơn bão tố dữ dội. Tôi đã sống một đời
như một cơn bão tố dữ dội.

NHƯNG TÌNH

DUYÊN LỖ ĐỒ

Mỗi người là một cái rừng, mỗi người viết
là một cái rừng tôi đến. Không để cho người
là trống rỗng cái gì nữa. Tưởng rằng chọn xong
báo thì tôi được yên tâm, không thương tiếc
vấn đề gì. Sự thực không thế, từ hôm tôi rời
bỏ nơi xum họp kia là bắt đầu những ngày
trống rỗng, ngủ ngủ và nhớ tiếc. Bây giờ tôi
có cả một tâm sự hoang-mang của người già
phụ, không vừa chết đã phải ra đi và lòng thì
chưa định tâm lại cuộc đời mình ra sao.

Nhưng đâu sao, cuộc sống thế chất thấy
được yên đời chết. Tôi muốn lui xa trong ít
lần nữa những ngày gió bụi ở Hà Nội. Tôi
muốn tìm nơi nào để ghép cuộc sống tâm hồn
của mình với thiên nhiên cho nó được không
lạnh hơn. Cuộc đời tôi bị quạ lấp gió bụi này
sang trên gió bụi khác ở các nơi thành thị lớn
trong Nam rồi lại ngoài Bắc. Đã lâu tôi vẫn
rất gần gũi những nơi phồn hoa ấy, những
ngày mặt của Dân Báo hẳn đến chấm được dấu
vết cho vài giây dài ngày tháng được vẫn kia.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 181
HỒI TƯỞNG CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 182

Một buổi gặp gỡ tình cờ với một ông bạn cũ đang làm ăn ở rừng giúp cho tôi bỏ ngay được Hà-Nội trong mấy tiếng đồng hồ.

Tôi đi tìm cây, cỏ, đá và nước, không phải cố ý bắt-chước những người xưa đi ở ẩn mà chỉ định cho trong người mình được lắng xuống những thứ gì vẫn đục. Bao nhiêu năm trước đây xát cạnh với thế tình, nào danh lợi, nào yêu ghét, nào oán thù hết từng này tới lớp khác đè chất lên tôi, bây giờ tôi muốn đem chút dần nó đi, mong có cứu lại được cái gì là lành, là thuần túy, đẹp đẽ của con người chẳng?

Những cuộc lọc sống như lọc nước này từ nay về sau tôi vẫn thường có trong đời viết báo của tôi. Cho nên mỗi lần báo tôi viết được tắt nghỉ thì tôi lại có hàng năm đi ở ẩn, và, chỉ có những ngày như thế tôi mới được thật sống. Tôi được sống mạnh mẽ cuộc đời của tôi. Và nhờ giới những tờ báo tôi chủ trương lại thường là yếu mệnh đề cho đời viết của tôi không phải chóng già. Giá tờ báo nào chưa được chết non thì nửa đường tôi cũng rẽ duyên với nó, chẳng cùng với báo nào sống lấy luôn vài năm bao giờ. Tôi nói thật ra đây như thế, không dấu diếm gì cái sở đa-sát của tôi với ai cả, nhất là với những đảng tri-kỷ không

quên biết bao giờ, muốn cho báo sống lâu mà lại có lòng yêu tôi đem gửi-gắm nó cho tôi sau này.

Có yêu nhau thì đừng ký thác gì cho nhau là hơn, không phải vì tôi thiếu sự thành tín với người hay với nghề đâu. Không hay người bạc hay nghề bạc, bên nào phụ bên nào, mà trong hai mươi năm giới này, cuộc đời viết báo của tôi chỉ là những chuyện lỡ dở.

Đây để tôi kể nối việc đa-sát mà nghe : Lúc ấy thời « Dân-Báo » không còn làm bận gì đến ngôi bút nhật-ký của ai muốn chép cuốn « Lịch sử báo chí Việt-Nam » nữa và thời ấy đã mở đi ở trong đầu tôi rồi. Tôi đã vào rừng ở được non một năm thì bắt đầu giờ chứng bệnh khác :

Mây núi, giăng ngàn không cho tôi thấy đẹp nữa

Không khí ở rừng không còn lành cho tôi mà là lớp chướng khí làm hại người, Gió cây vờ tiết hạ làm cho tôi thấy lạnh rét, phải đắp mấy chăn bông.

Tôi ở xa đất đồng bằng mới chưa được một năm mà đã bị chứng sốt rét.

Tôi thuở ấy không còn là người của đất văn vật đã đành rồi, mà không được là người của rừng núi.

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BAO THẠ 183

Thân hình biến thành ma sau mấy tháng
sốt rét liên hồi.

Tôi chịu phận vô duyên với đời ngựa-ngựa
xe-xe nơi đô hội mà cũng không được yên gì
với cuộc sống gửi nơi diêm cô, cầu sương.

Tiếng nước của suối nguồn không còn là
thanh âm to được nỗi niềm gì của đá, núi, cây
rừng. Nó không còn gọi được cho tôi cái gì là
trông sang trông ngời, cái gì là cao rộng của
giời và đất. Nó không nói được nhiều tiếng là
như mực trên giấy, như mây in chay.

Những thư này đòi gọi tôi gấp trở lại với
Hà Nội.

Tôi đã về và đang ngồi ở bộ hiện tập mới
lập và đang viết bài phi-lô cho báo Nông Công
Thương ra số đầu. Tôi viết bài với cả những
con sốt con rét của tôi để rồi lại rơi bỏ báo
này trong lúc nó đang phát đạt để sang Ngọ-
Báo với Hoàng-tích-Chu.

Bắt đầu một cuộc xum họp khác vui hơn,
không hồn đon như cuộc họp xưa. Vẫn là
những cô thân cả: Tiểu-Lang, Vũ-Dinh,
Hoàng-Hồ và cả Đỗ-Văn. Đỗ với việc ăn loát,
chúng tôi với việc biên tập, tưởng sẽ được coi
thấy nhau tóc trắng dần cho bạc pơ đầu ở
nơi này.

Người có báo lại không nghĩ thế Hay là Giới

184 VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH

không muốn thế, một ngày kia chúng tôi lại
cả lũ bấy nhiêu người ôm bứt đứng lên,

Chuyến này tôi không nghĩ lên rừng vì
chúng tôi làm ngay được tuần báo Đông-
Tây, rồi Đông-Tây nhật báo, rồi Thời-
Báo.

Chúng nó lần lượt chết, chết như những con
thỏ nhau như nhà vô phúc nào có chướng. Việc
đại bất hạnh lúc này, là bạn tôi chứng tôi
Hoàng-tích-Chu cũng đem góp mệnh vào vào
với mệnh non của báo. Viết tôi đây tôi thấy
thời gian đầu có cái sức mạnh phá hoại người
và việc đời, cũng chưa làm với được hẳn lòng
thương tiếc của tôi còn lại với người bạn văn
chương thừa thông minh tài hoa và chung hạn
của chúng tôi là Hoàng-Hôn. Tôi mới bắt đầu
Tôi sẽ có dịp bày những thứ tình thương
tiếc anh, tại văn chương cùng thân thể anh
lên giấy, gọi là ghi một thời mới của báo chí
giới Việt-Nam.

Mấy giờ này chẳng tỏ được anh với bạn
đọc mà chỉ dễ không quên rằng sau khi Hoàng
mất, luôn trong một hồi mười năm sau, tôi
gửi theo anh cũng đến mười tờ tuần báo nữa.

Có phải lúc sống của tôi như thế là mạnh
mẽ lắm không? Có phải tôi đã tin tưởng
như người tin một tôn giáo, một đạo lý?

VIẾT BÁO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 185

NHẤT TƯỚNG CÔNG
THÀNH VAN CỐT KHÔ

Không là tướng cầm quân trong thời loạn, tôi một kẻ cầm bút mà đa sát như thê kẻ trong hàng văn có lẽ chưa ai được làm như mình.

« *Nhất tướng công thành, vạn cốt khô* ». Như tôi thì chưa thành được công gì. Nghĩ lắm lúc thấy mình như thân đã trắng, xóa xóa bấy bấy biết bao nhiêu cuộc. Không hay tại mình, tại người, tại thời, tại nghiệp, tại giới. Hay là tại cả bấy nhiêu thứ sũu lại mới tạo được một tác phẩm độc nhất là đời viết báo của tôi. Bỏ trôi đi thì không kể, nhưng nghĩ kỹ thấy mình không biết đã dùng được những năng lực nào có trong người để có thể trong khoảng non nửa đời làm nổi nhiều chuyện thất bại như thế. Mà người ta sống được bao nhiêu ! Tôi đàn co phải là thứ đá rắn, đá mềm mà không biết mệt, nản, khiếp sợ những cuộc tan vỡ ở đời. Mỗi phen tan vỡ, tôi nhớ rằng lại háng hái bắt đầu lại những ngày gần đây vẫn còn giữ được gan da bền của những ngày xưa kia của tôi. Tôi không hiểu tôi ra sao nữa.

Có phải sức sống của tôi như thế là mạnh mẽ lắm không ? Có phải tôi đã tin tưởng nghề như người tin một tôn-giáo, một đạo-lý, như

người mê-hoa, mê mỹ nhân, mê đình chung
chăng ?

Tao hóa có muốn thử thách gì thì thử thách
như thế cũng đủ chán rồi. Giờ cũng đã rõ
được sức chống đỡ, chịu đựng của tôi ra sao.

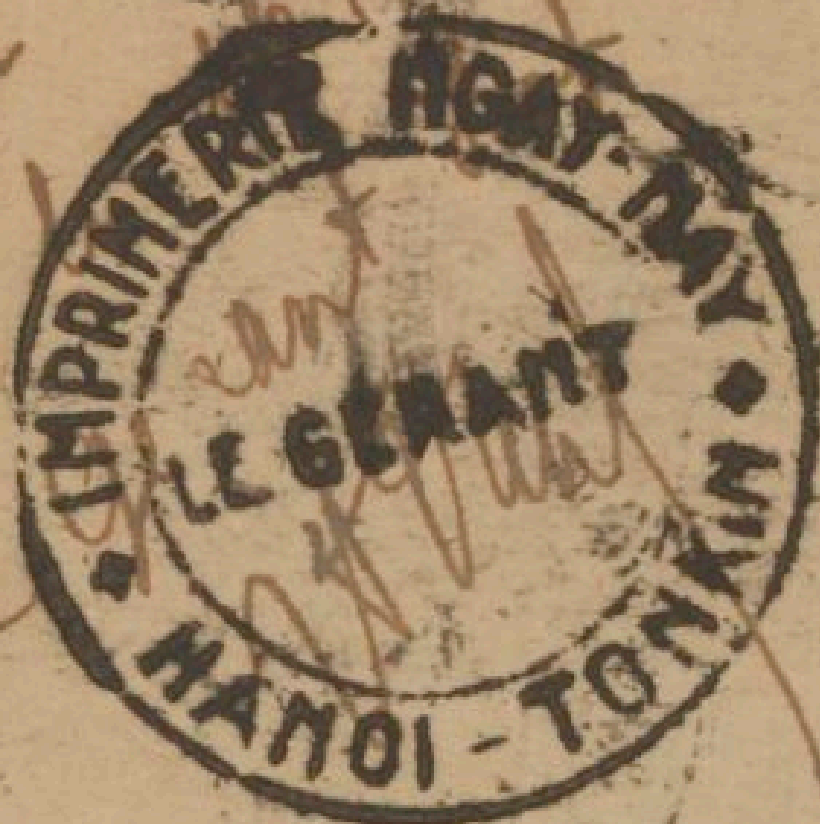
Này, hỡi tôi ! tôi hãy dừng bước lại, nhận
lây hết những điều nhục lụy, đón lấy hết những
tâm hồn cao quý và hèn-hạ, thu nhặt lấy hết
những cái gì đã gặp được ở quãng đường
đi hai mươi năm nay mà xây dựng cái gì
vững bền có thể đem giấu vào thời gian cuộc
sống của mình đi chứ !

Sống hay là không chết,

PHÙNG BẢO THẠCH

VIẾT BAO CỦA PHÙNG BẢO THẠCH 187

Tirage
1000
9/10



1500 ex.
11/11/49
ngay nay

NGAY MAI XUAT BAN

In lần thu nhất